

KINH TẾ VĨ MÔ & THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Tháng 12/2024

MỤC LỤC

Tóm tắt.....	3
Kinh tế Vĩ mô tháng 11.....	4
Tổng quan TTCK tháng 11.....	11
Triển vọng TTCK tháng 12.....	28

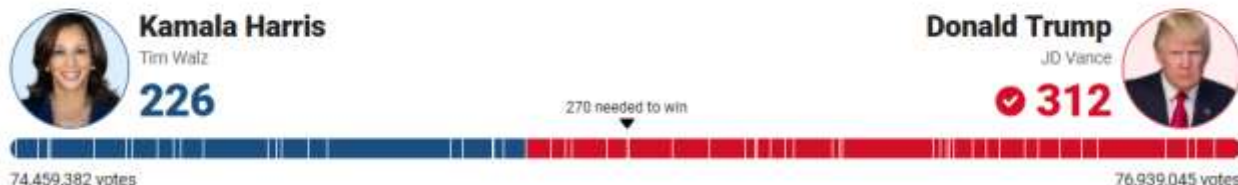
Lịch sự kiện tháng 12.....	32
Danh sách mã khuyến nghị 2024....	33
Tuyên bố miễn trừ.....	50

- **VN-Index giảm tháng thứ 2 liên tiếp và kết thúc tháng 11/2024 tại 1.250,46 điểm, dưới đường trung bình 200 phiên kể từ 01/2024, duy trì tích lũy trung hạn và bảo toàn xu hướng tăng trưởng dài hạn.** VN30 (-2,04% MoM) là nhóm có tác động tiêu cực tới chỉ số với các mã như VPB (-5,4% MoM), MWG (-9,0% MoM), VHM (-4,6% MoM), HDB (-7,1% MoM), MSN (-6,2% MoM) trong khi nhóm vốn hóa vừa và nhỏ có mức giảm thấp hơn do đã có thời gian dài điều chỉnh trước đó, một số mã tích cực như HVN (+26,8% MoM), VTP (+46,9% MoM), TLG (+30,4% MoM), DXS (+33,5% MoM).
- **Thanh khoản trung bình tháng giảm xuống mức thấp nhất trong vòng 19 tháng kể từ tháng 05/2023.** Giá trị giao dịch trung bình trên cả 3 sàn tháng 11 chỉ đạt 15.785 tỷ đồng/phiên (-11,1% MoM, -18,2% YoY) trong đó sàn HNX có mức giảm mạnh nhất (-14,94% MoM). Lũy kế 11 tháng giá trị giao dịch bình quân phiên tăng 23,4% so với cùng kỳ năm 2023.
- **Nhà đầu tư nước ngoài tăng quy mô bán ròng.** Giá trị bán ròng trong tháng 11 tăng lên -11.886,9 tỷ đồng (+7,96% MoM) trong đó dòng vốn ETF rút ròng 96 triệu USD. Nhà đầu tư cá nhân và tổ chức trong nước mua ròng trong tháng 11. Số lượng tài khoản chứng khoán tăng thêm 11 tháng đạt 1,86 triệu tài khoản (+424% YoY).
- Tăng trưởng tín dụng cải thiện, lạm phát tháng 11 ổn định và cả năm dự báo trong mục tiêu đặt ra của Chính phủ. Tỷ giá sau diễn biến tăng đầu tháng đã hạ nhiệt nhờ các biện pháp điều tiết của NHNN. PMI tháng 11 tuy vậy chỉ đạt 50,8 điểm, phản ánh sự suy yếu của nhu cầu bên ngoài và xuất khẩu giảm mạnh nhất kể từ tháng 7/2023, giải ngân vốn đầu tư công mới chỉ đạt được 54,8%, còn cách khá xa mục tiêu 95%.
- **Xu hướng VN-Index trong tháng 12 được dự báo** có thể cải thiện xu hướng, vượt lên đường giá trung bình 200 phiên, quay trở lại vùng giá 1.300 điểm trong tháng 12/2024. Mở ra triển vọng VN-INDEX vượt lên xu hướng tích lũy rộng tính từ đầu năm đến nay trong vùng 1.200 điểm đến 1.300 điểm, vượt lên vùng giá 1.300 điểm trong năm 2025.
- **Danh mục cổ phiếu khuyến nghị duy trì 15 mã.** Trong tháng 11 cổ phiếu tích cực nhất danh mục là BWE (+6,78%), FPT (+6,23%), SZC (+4,49%), cổ phiếu kém tích cực trong tháng là PVD (-7,8%), PVS (-7,28%).

KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 11

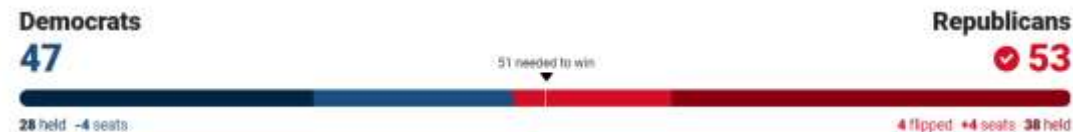
2024 Presidential Election

Get real-time results from the Kamala Harris-Donald Trump presidential election here! Stay up to date on the White House race, state and local elections with live vote totals.



2024 Senate Race Results

Welcome to Fox News' coverage of the highly anticipated 2024 US senate election results. See who won the senate and who is winning the senate seats in Fox's breakdown of the 2024 senate election coverage.



2024 House Race Results

View our interactive election map below that is continually updated to provide you with the latest information and insights into the 2024 House Race Results. Follow Fox News for comprehensive coverage and deep dives into the political shifts that are occurring throughout this election.



Tâm điểm chú ý toàn cầu trong tuần đầu tháng 11 là cuộc bầu cử Mỹ diễn ra với kết quả chiến thắng của Đảng Cộng Hòa **trên cả 3 mặt trận**: Tổng Thống, Thượng Viện và Hạ Viện. Chiến thắng này cùng những chương trình nghị sự chính trị sẽ dẫn đến kịch bản quyết liệt và mạnh mẽ hơn về những vấn đề thuế thu nhập, thuế quan cũng như chống nhập cư, cụ thể: Kế hoạch của ông Trump sẽ là cắt thuế thu nhập doanh nghiệp từ 21% hiện tại về mức tối thiểu của Quốc Tế là 15%, sẵn sàng áp mức thuế quan ngang bằng với những Quốc Gia đang có giao thương với Mỹ (Thuế Quan trung bình Mỹ đang áp cho các Quốc Gia xuất khẩu vào Mỹ là 3% trong khi đó Mỹ đang bị áp 6,5%), đồng thời sẵn sàng áp mức thuế quan lên đến 60% với Trung Quốc.

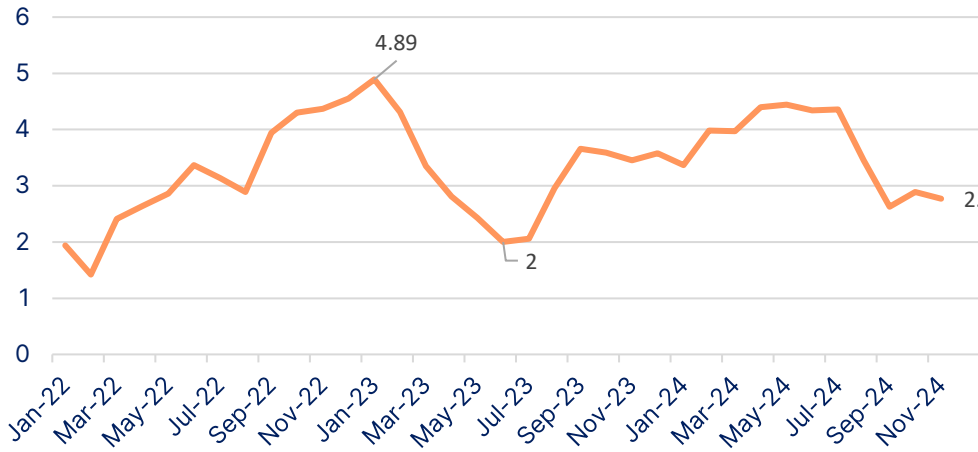
Về lĩnh vực năng lượng sẽ là những chính sách nới lỏng hơn các hoạt động khai thác dầu thượng nguồn của Hoa Kỳ, đi kèm theo đó là các biện pháp giảm bớt lệnh trừng phạt nguồn cung LNG và nguồn cung dầu từ Nga sẽ giúp **trung hòa** diễn biến lạm phát năm sau (mối đe dọa về lạm phát tổng cung khi tăng thuế quan khiến cho nguyên vật liệu và hàng hóa Mỹ phải nhập khẩu trở nên đắt đỏ hơn).

Đáng chú ý là 1 tuần sau chiến thắng của Đảng Cộng Hòa, lợi tức TPCP Mỹ các kỳ hạn trên thị trường đồng loạt tăng (Tiêu biểu là kỳ hạn 10 năm tăng khoảng +5,26%), phản ánh kỳ vọng thâm hụt ngân sách của chính quyền mới trong 4 năm tới tăng dẫn đến lợi tức phải trả cao hơn, nhất là trong giai đoạn mà việc Thắt Chặt Định Lượng (QT) vẫn chưa kết thúc. Tuy nhiên chúng tôi nhận định **đây chỉ là phản ứng mang tính ngắn hạn** vì dự kiến Q1/25 sẽ kết thúc QT và lộ trình hạ lãi suất FED FUND RATE năm 2025 sẽ làm hạ lợi tức, qua đó giúp làm giảm chi phí lãi vay mà Kho Bạc Mỹ phải trả.

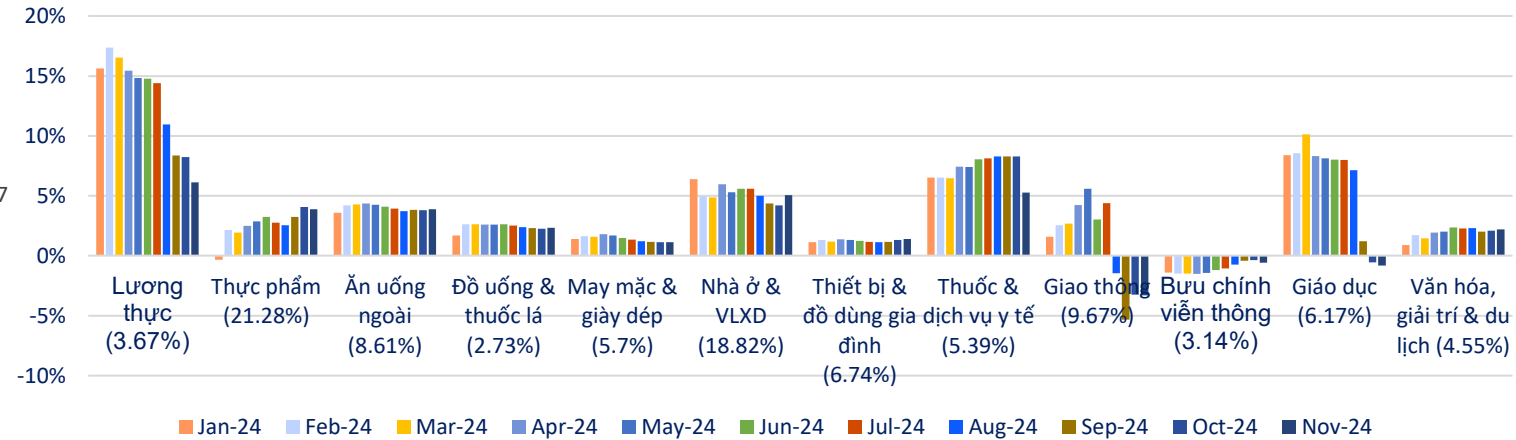
Kinh tế Việt Nam: PMI hạ nhiệt & Chấm dứt việc mua USD từ KBNN

- CPI tháng 11 vừa qua tăng 2,77% với lương thực, thuốc & dịch vụ y tế cùng giáo dục là những cấu phần chính góp phần cho đà tăng tháng vừa qua nằm trong mức ổn định, tính lũy kế từ đầu năm 2024 đến nay, CPI YtD của VN đang là 3,69%, hoàn toàn có thể kết thúc năm thấp hơn CPI mục tiêu trong biên độ 4%-4,5% của Chính Phủ dù diễn biến tỷ giá năm nay có những tháng rất căng thẳng.
- Điểm tích cực tháng 11 là SBV đã không phải bán USD và Tỷ giá spot cũng không chạm đến vùng bán 25.450 vnd, việc mua USD của KBNN cũng dừng lại với phiên giao dịch cuối của Kho KBNN ngày 11/11 khớp 250 triệu USD theo số liệu của chúng tôi nhận được. Việc điều tiết hợp lý thông qua lãi suất Interbank và phát hành tín phiếu các kỳ hạn 7 ngày, 14 ngày và 28 ngày đã giúp giải tỏa áp lực tỷ giá tăng cao đầu tháng 11 và lãi suất Interbank sau đó đã ổn định trở lại và đóng cửa phiên cuối tháng giảm về 3,27%, cùng với đó SBV đã dừng kỳ hạn 14 ngày và quay trở lại bơm ròng OMO.
- Mặc dù tổng số đơn đặt hàng mới tăng trong bối cảnh nhu cầu cải thiện và có thêm khách hàng mới, nhưng chỉ số PMI tháng 11 có dấu hiệu hạ nhiệt với 50,8 điểm, phản ánh sự suy yếu đến từ nhu cầu Quốc Tế khi mà xuất khẩu giảm với mức độ lớn nhất kể từ tháng 7/2023 (Giảm -5,3% so với tháng 10), đi kèm với đó là Cán cân thương mại đã thu hẹp đà thặng dư xuống mức 1,07 tỷ USD, thấp thứ hai tính từ đầu năm đến nay (Tháng thấp nhất là tháng 5/2024 đi cùng với nhập khẩu nguyên vật liệu).
- Tăng trưởng tín dụng năm 2024 tiếp tục là điểm sáng với 11,9% tính từ đầu năm, cao thứ hai tính từ năm 2019 đổ lại đây, kỳ vọng sẽ cán đích 14%-14,5% theo như kế hoạch năm đã đề ra. Trong khi đó, tình hình giải ngân vốn Đầu Tư Công mới chỉ đạt được 54,8%, còn cách khá xa mục tiêu 95% của chính phủ, cùng bối cảnh khó khăn khi phải giữ ổn định tỷ giá dù cho giá nguyên vật liệu - tiêu biểu là Thép Cán Nóng giảm 20% tính từ đầu năm đến nay.

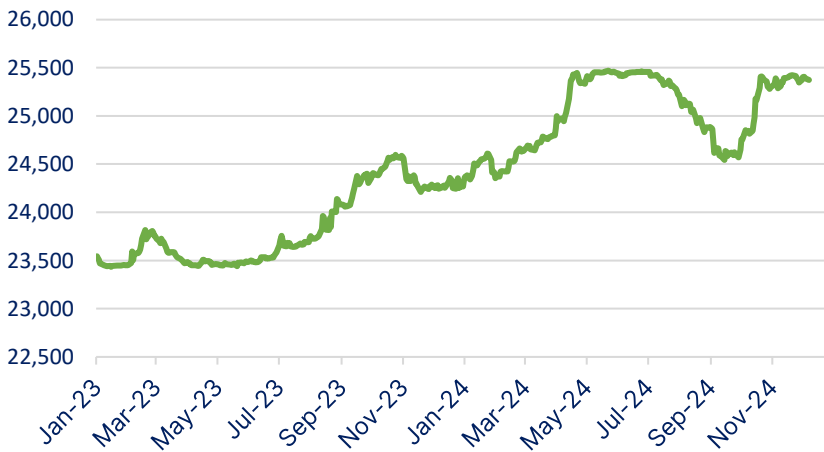
Diễn biến CPI qua các tháng (% YoY)



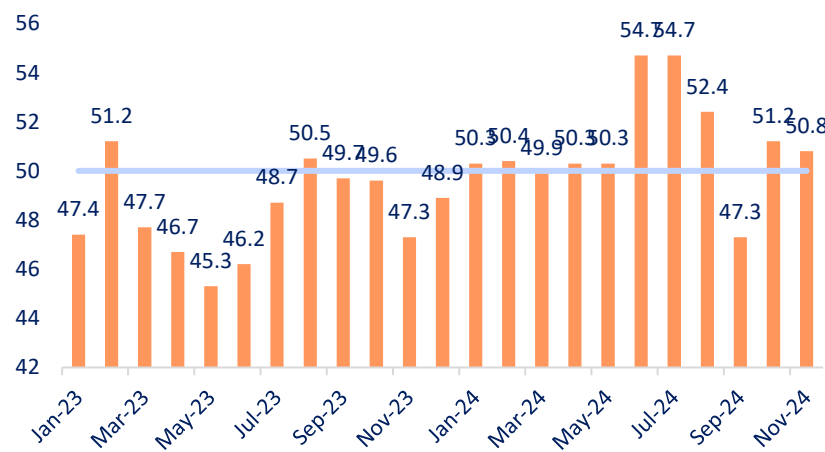
Giá một số nhóm hàng hóa cùng Quyền Số trong CPI (% YoY)



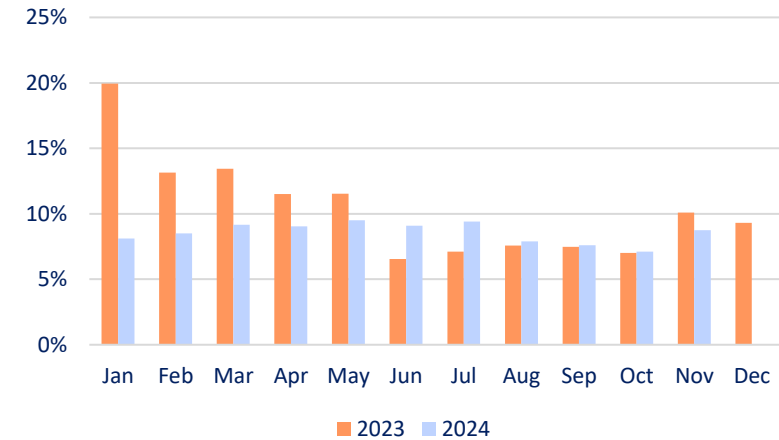
USD/VND Spot



Chỉ số PMI (điểm)

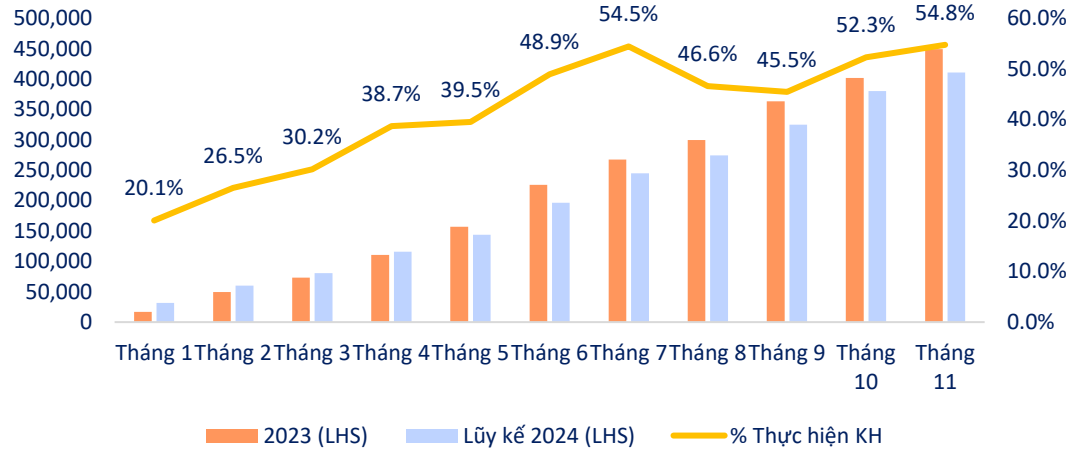


Tổng mức bán lẻ hàng tháng (% YoY)

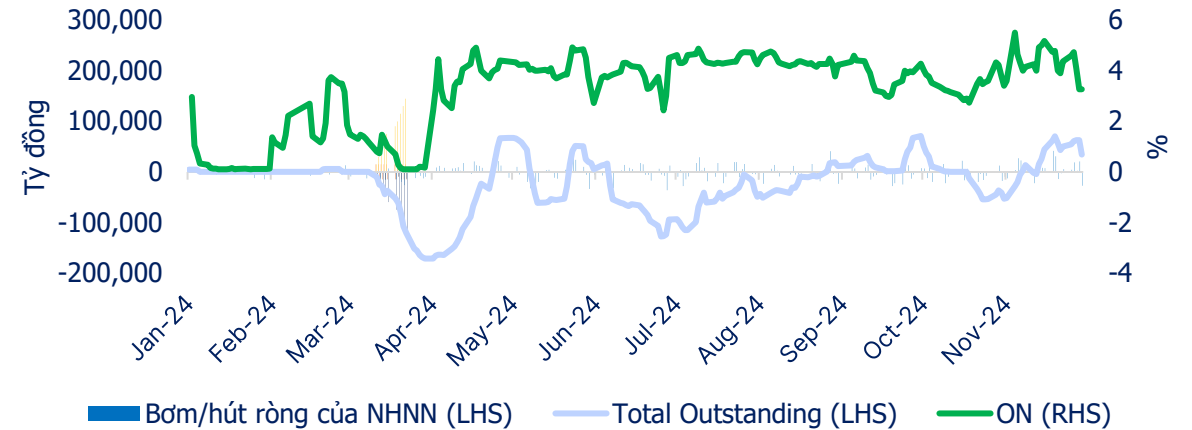


Nguồn: GSO, FiinproX, SHS tổng hợp

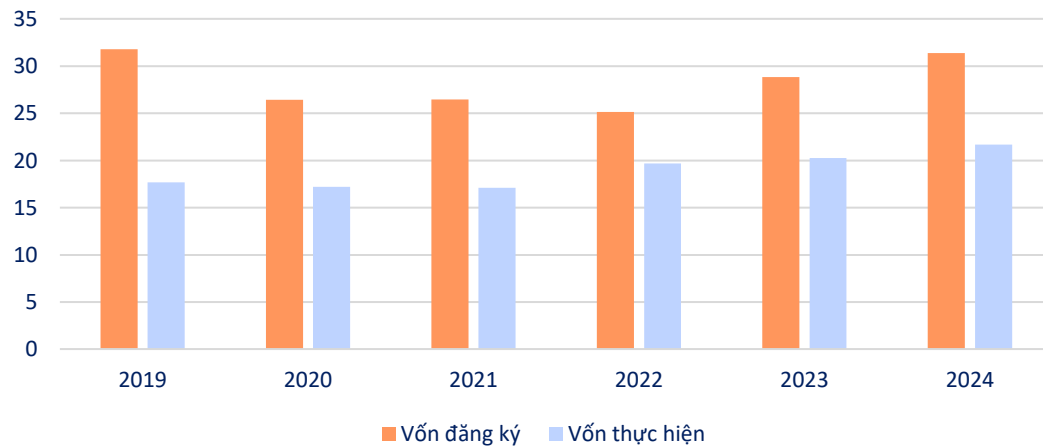
Tình hình giải ngân vốn đầu tư công (2023-2024)



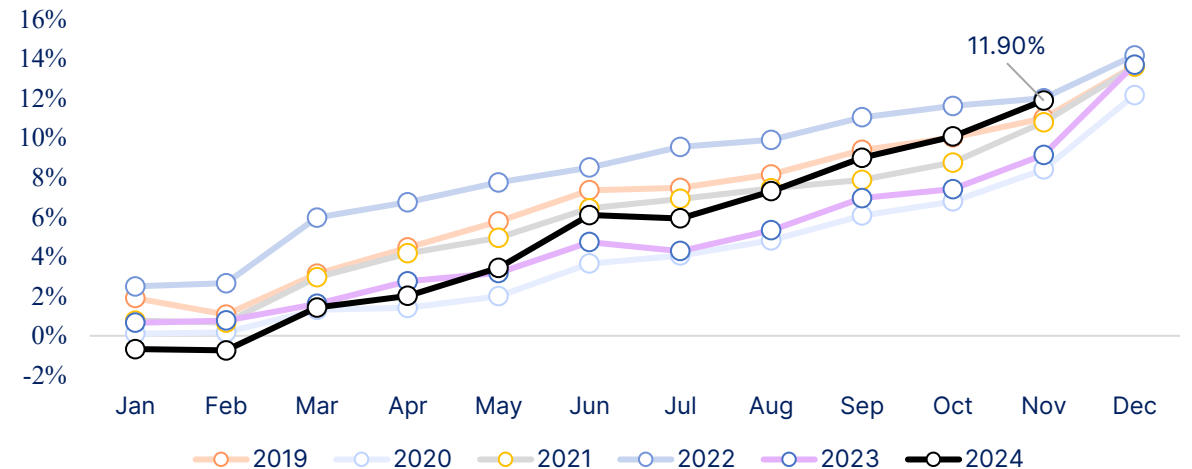
Lãi suất liên Ngân hàng kỳ (O/N) và diễn biến bơm rút ròng qua OMO của NHNN



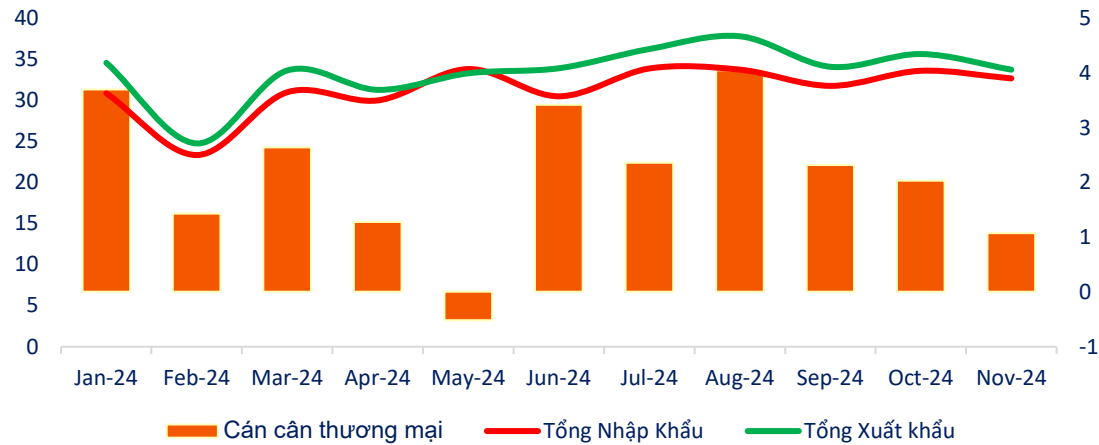
Vốn FDI 11 tháng (2019-2024)



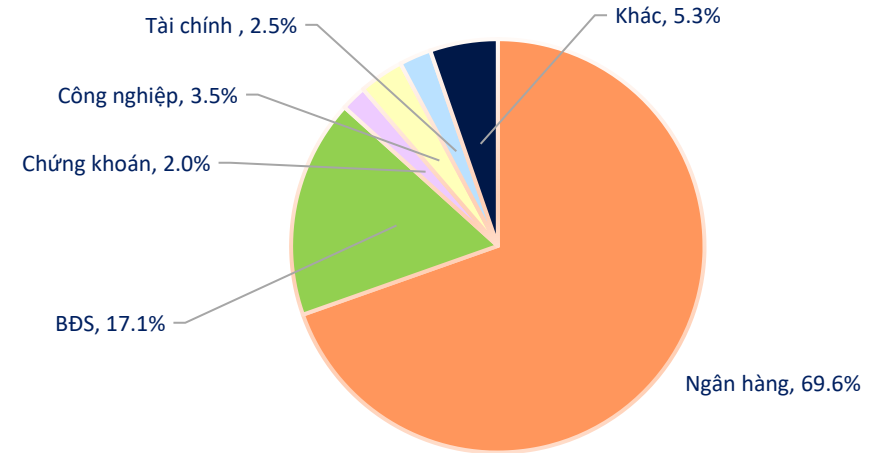
Tăng trưởng tín dụng YTD giai đoạn 2019-2024



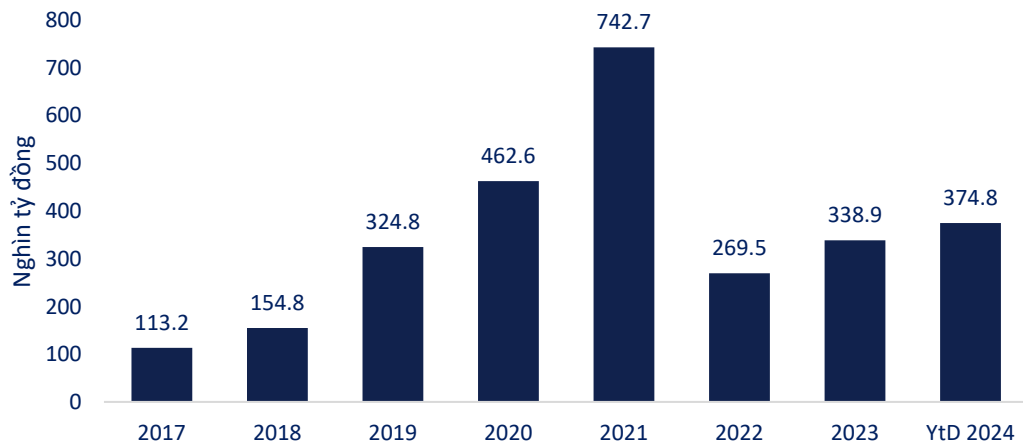
Tổng xuất nhập khẩu và cán cân thương mại (Tỷ USD)



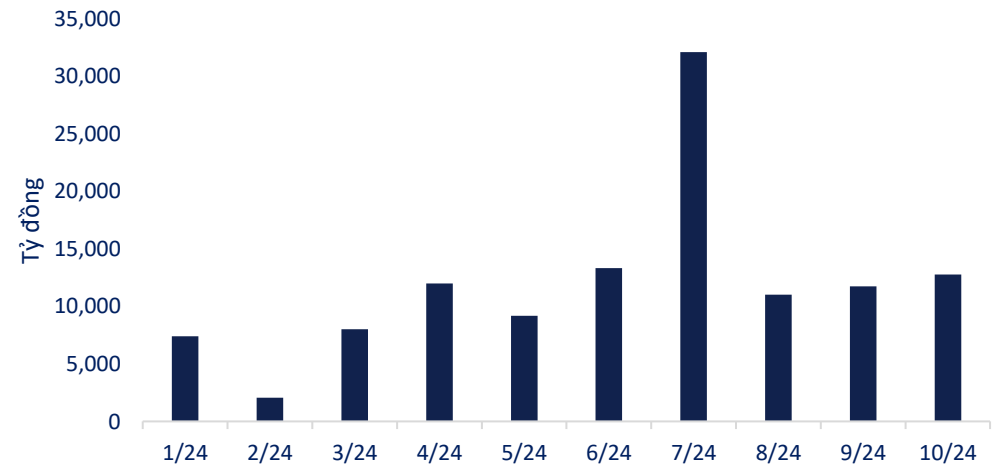
GTPH TPDN theo nhóm ngành YtD 2024



Giá trị phát hành TPDN



Giá trị mua lại TPDN YtD



KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 11



Chỉ tiêu	Dec-23	Jan-24	Feb-24	Mar-24	Apr-24	May-24	Jun-24	Jul-24	Aug-24	Sep-24	Oct-24	Nov-24
Chỉ số kinh tế												
Chỉ số sản xuất công nghiệp (hàng tháng, % YoY)	5.80%	18.30%	-6.80%	4.10%	6.30%	8.90%	10.90%	11.20%	9.50%	10.80%	7%	8.90%
PMI (điểm)	48.9	50.3	50.4	49.9	50.3	50.3	54.7	54.7	52.4	47.3	51.2	50.8
Tăng trưởng bán lẻ (lũy kế, %YoY)	9.60%	8.10%	8.10%	8.20%	8.50%	8.70%	8.60%	8.70%	8.50%	8.80%	8.50%	8.80%
FDI giải ngân (lũy kế, % YoY)	3.50%	40.20%	38.60%	7.10%	7.40%	7.80%	8.20%	8.40%	8%	8.90%	8.80%	7.10%
FDI đăng ký (lũy kế, % YoY)	32.10%	9.60%	9.80%	13.40%	4.50%	2%	13.10%	10.90%	7%	11.60%	1.90%	1.0%
Tăng trưởng xuất khẩu (lũy kế, %YoY)	-4.40%	42%	19.20%	17%	15%	15.20%	14.50%	15.70%	15.80%	15.40%	14.90%	14.40%
Tăng trưởng nhập khẩu (lũy kế, % YoY)	-8.90%	33.30%	18%	13.90%	15.40%	18.20%	17%	18.50%	17.70%	17.30%	16.80%	16.40%
Cán cân thương mại (hàng tháng, tỷ USD)	2.28	3.62	1.10	2.93	0.68	-1.00	2.94	2.12	4.53	2.29	1.99	1.06
Ổn định vĩ mô												
Lạm phát (% YoY)	3.25%	3.37%	3.98%	3.97%	4.40%	4.44%	4.34%	4.36%	3.45%	2.63%	2.89%	2.77%
Lạm phát cơ bản (BQ YTD % YoY)	4.16%	2.72%	3.67%	2.81%	2.81%	2.78%	2.75%	2.73%	2.71%	2.69%	2.69%	2.70%
Tăng trưởng tín dụng (% YTD)	13.70%	-0.68%	-0.75%	1.42%	2.01%	3.43%	6.10%	5.93%	7.31%	9.00%	10.08%	11.90%
Tăng trưởng cung tiền M2 (% YTD)	10.03%	0%	-0.53%	0.09%	0.13%	0.82%	3.21%	2.52%	4.12%	5.94%		
Lãi suất tái cấp vốn (%)	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%
Lãi suất tái chiết khấu (%)	3.00%	3.00%	3.00%	3.00%	3.00%	3.00%	3.00%	3.00%	3.00%	3.00%	3.00%	3.00%
Lãi suất liên ngân hàng ON (%)	2.96%	1.37%	1.48%	2.43%	4.40%	2.55%	4.50%	4.25%	4.23%	4.28%	3.40%	3.40%
Lợi suất trái phiếu 10 năm (%)	2.40%	2.55%	2.45%	2.69%	2.93%	2.97%	2.95%	2.90%	2.85%	2.76%	2.80%	2.87%
CDS 5 năm	125.74	129.15	124.18	126.99	122.63	117.87	120.8	116.17	104.4	102.42	104.89	106.34
USD/VND (% MoM)	0.03%	0.64%	0.91%	0.58%	2.19%	0.47%	0.02%	-0.75%	-1.54%	-1.27%	2.90%	2.61%

Nguồn: GSO, FiinproX, VBMA, SHS tổng hợp

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 11

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 11



VN-INDEX giảm tháng thứ 2 liên tiếp. Kết thúc tháng 11/2024 tại 1.250,46 điểm, dưới đường trung bình 200 phiên, kể từ 01/2024 đến nay.

Với áp lực giảm điểm tháng 10, VN-INDEX trong tháng 11/2024 tiếp tục điều chỉnh về vùng 1.200 điểm, sau đó phục hồi tốt trở lại. Kết thúc tháng 11, VN-INDEX ở mức 1.250,46 điểm, giảm -1,11% MoM. VN-INDEX duy trì vùng tích lũy trung hạn và đường xu hướng tăng trưởng dài hạn. Tuy nhiên VN-INDEX đang giao dịch dưới đường trung bình 200 phiên sau khi kết thúc tháng, kể từ 01/2024 đến nay.

Trong tháng 11/2024, thị trường chịu áp lực khi khối ngoại gia tăng bán ròng, áp lực tỉ giá. Khối ngoại chỉ mua ròng trở lại trong tuần cuối tháng, góp phần ảnh hưởng tích cực đến tâm lý phục hồi của thị trường.

Kết thúc 11 tháng năm 2024, VNINDEX tăng 10,71% so với cuối năm 2023, mức tăng giá tốt trong bối cảnh bên ngoài nhiều yếu tố bất định, căng thẳng địa chính trị, áp lực tỉ giá... Vốn hóa toàn thị trường cuối tháng 11/2024 khoảng 294 tỷ USD, tương đương 63% GDP ước tính năm 2024. VN-INDEX vẫn duy trì xu hướng tăng trưởng dài hạn từ tháng 4/2020 đến nay.



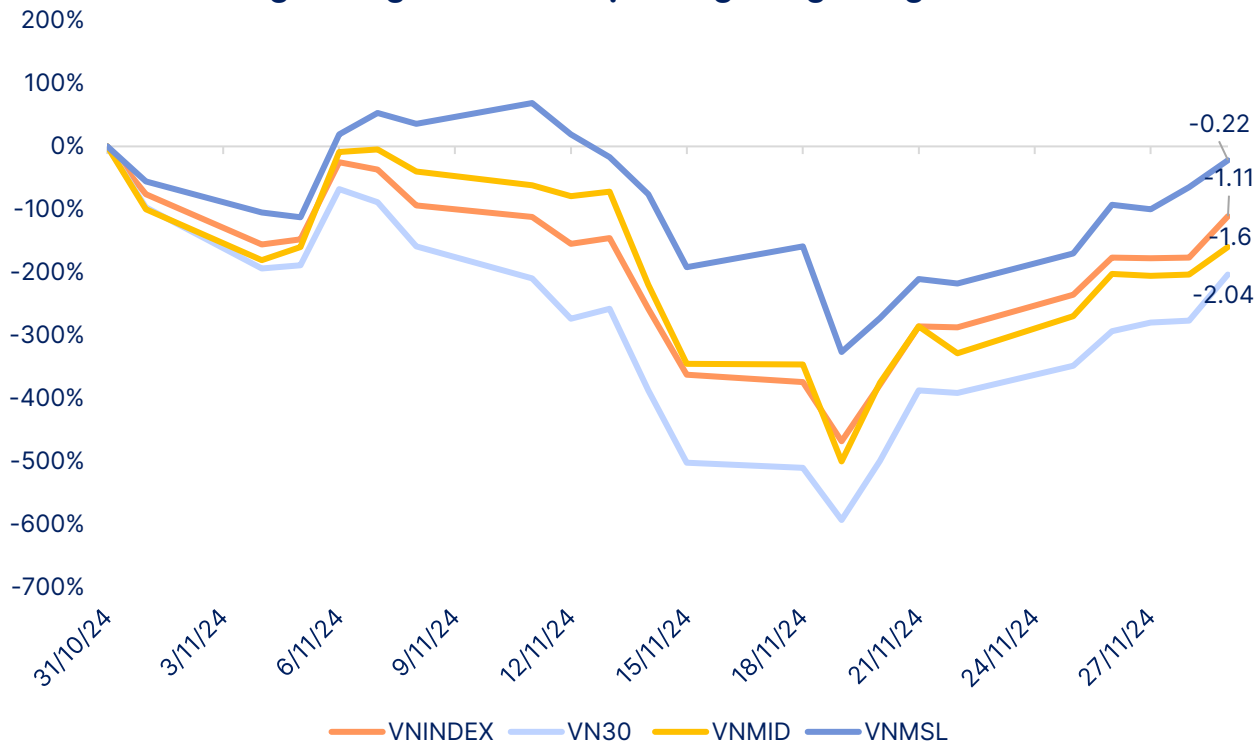
TỔNG QUAN TTCK THÁNG 11



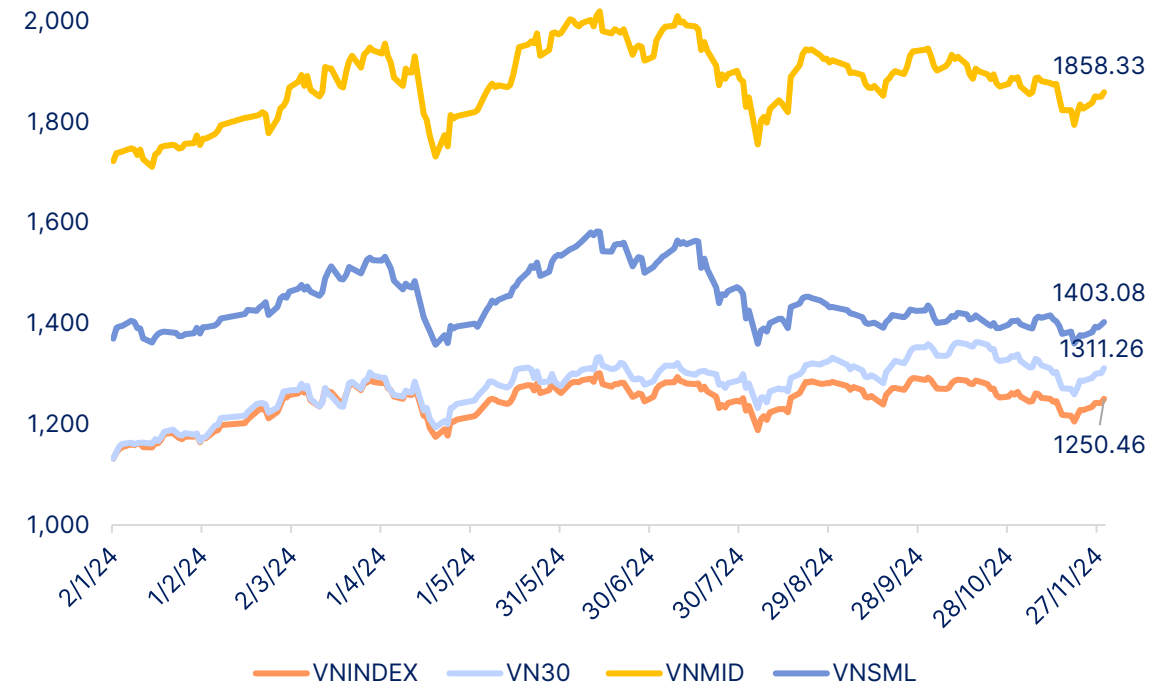
Trong tháng 11/2024, VN-INDEX biến động hẹp trong tuần đầu trong vùng giá 1.250 điểm, điều chỉnh mạnh về 1.200 điểm khi không giữ được hỗ trợ giá trung bình 200 phiên. VN-INDEX sau đó phục hồi trở lại ở mức 1.250,46 điểm. Ảnh hưởng tiêu cực đến từ cổ phiếu vốn hóa lớn với VN30 (-2,04% MoM) dưới áp lực bán rong của khối ngoại. Tiếp đến là vốn hóa trung bình VNMID (-1,60% MoM), trong khi nhóm cổ phiếu vốn hóa nhỏ VNSML (-0,22% MoM) có diễn biến tích cực hơn sau thời gian dài chịu áp lực điều chỉnh.

Tính chung 11 tháng đầu năm 2024, VN30 vẫn là nhóm có diễn biến tích cực nhất với mức tăng 15,9%, dẫn dắt VN-INDEX tăng 10,7% so với cuối năm 2023. VNMID (+7,45%) cũng có hiệu suất trung bình, trong khi nhóm VNSML (+2,31%) hiệu quả kém rất nhiều so chỉ số chung VN-INDEX.

Tăng trưởng các chỉ số thị trường trong tháng 11/2024



Diễn biến TTCK Việt Nam trong năm 2024



Nguồn: Fiingroup, Bloomberg, SHS Research

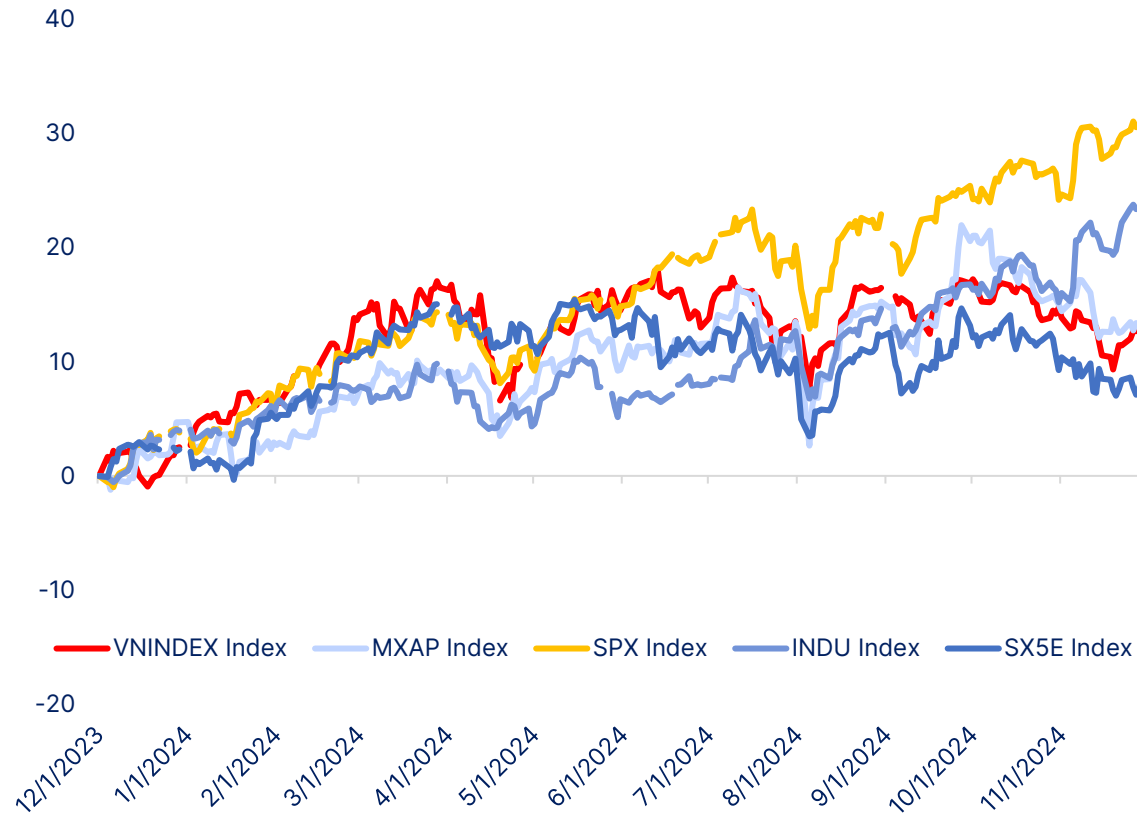
TỔNG QUAN TTCK THÁNG 11



Thị trường tiếp tục phân hóa mạnh trong tháng 11/2024 thể hiện nhiều mã, nhóm mã vẫn tăng giá mạnh, ảnh hưởng tích cực như HVN (+26,8% MoM), FPT (+6,6% MoM), VTP (+46,9% MoM), BVH (+12,4% MoM), TLG (+30,4% MoM), DXS (+33,5% MoM)... Trong khi ảnh hưởng tiêu cực đến VN-INDEX là VPB (-5,4% MoM), MWG (-9,0% MoM), VHM (-4,6% MoM), HDB (-7,1% MoM), MSN (-6,2% MoM).

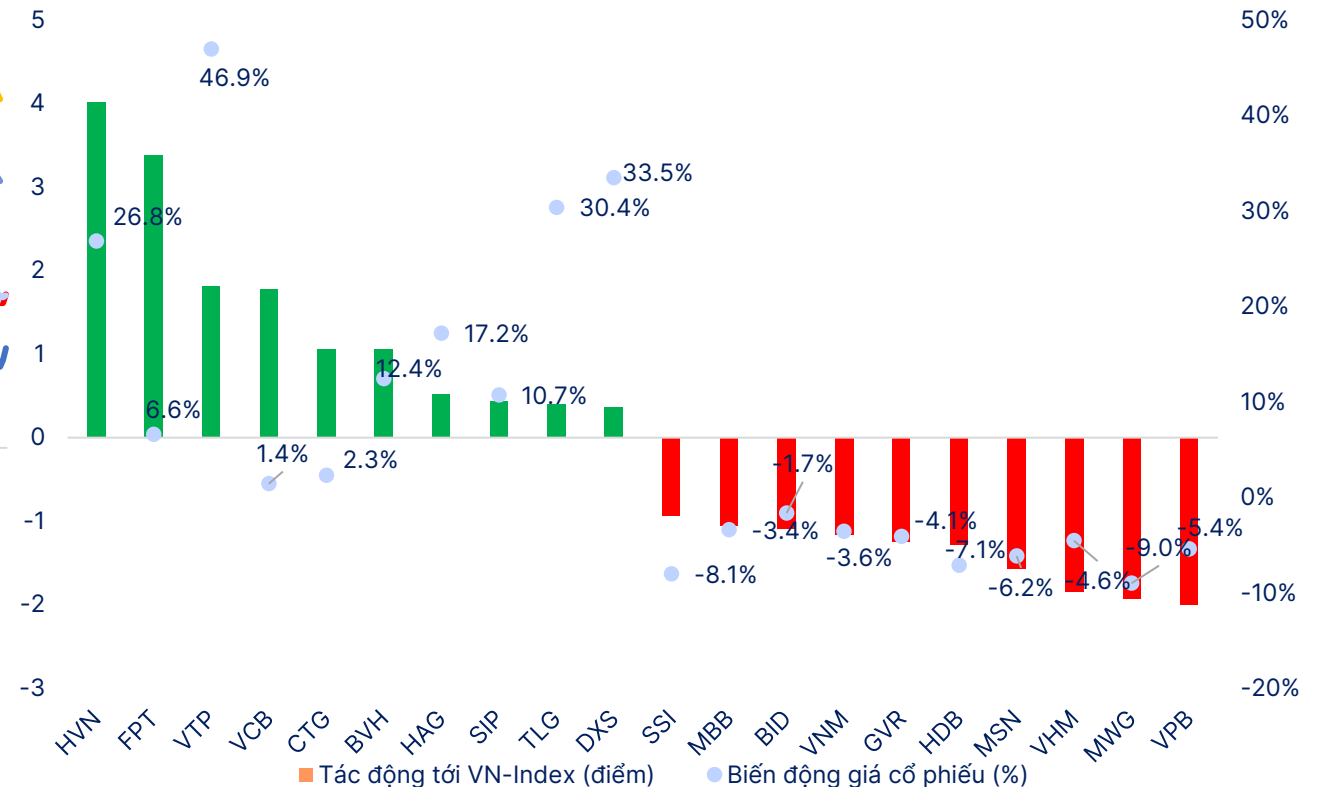
So với các thị trường chứng khoán trong khu vực, VN-INDEX vẫn có diễn biến kém tích cực hơn khi các thị trường khác đều có mức tăng giá vượt trội.

Tăng trưởng % chỉ số chứng khoán trong khu vực



Nguồn: Fiingroup, SHS Research

Top cổ phiếu ảnh hưởng nhất đến VN-Index trong tháng 11/2024

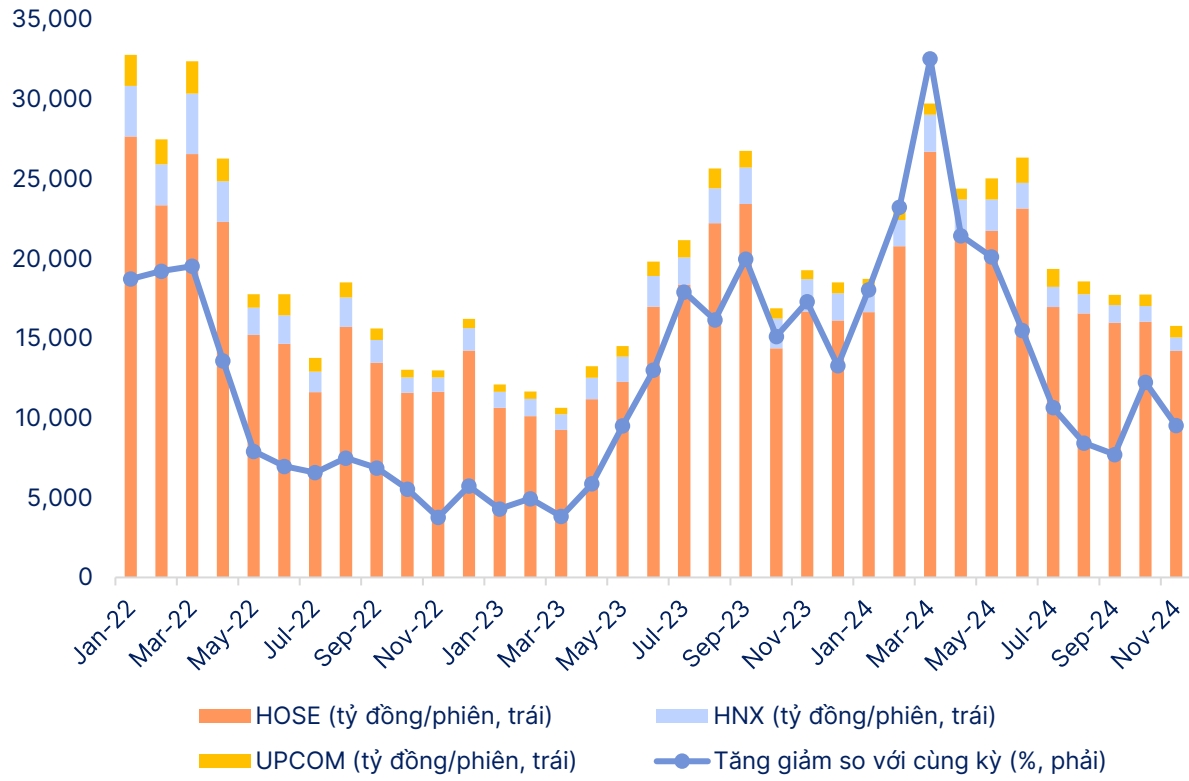


TỔNG QUAN TTCK THÁNG 11

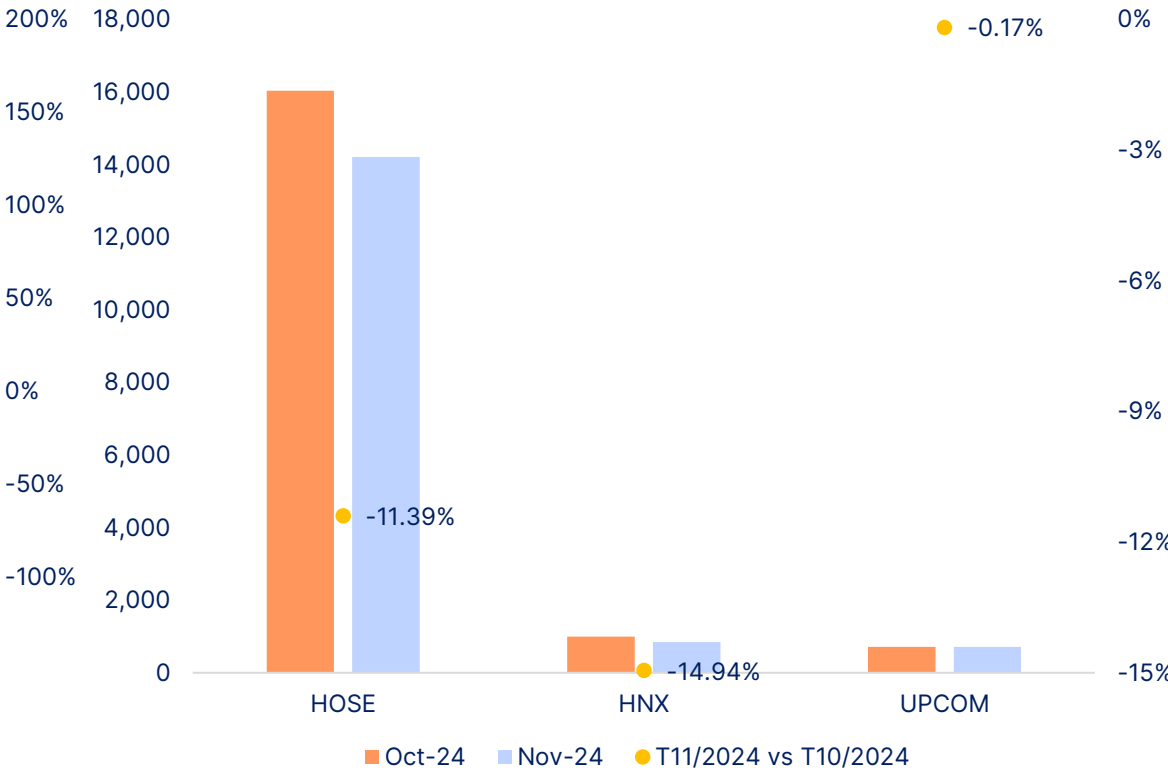


Thanh khoản suy giảm, dưới mức trung bình trong tháng 11/2024. Sau tháng 10/2024 thanh khoản cải thiện nhưng thể hiện áp lực điều chỉnh gia tăng. Thanh khoản thị trường tiếp tục giảm khá mạnh trong tháng 11/2024, dưới mức trung bình. Trong đó giảm khá mạnh ở HNX (-14,94% MoM) thể hiện áp lực điều chỉnh giảm với giá trị giao dịch trung bình đạt 859,23 tỷ đồng/phiên. Trên HOSE (-11,39% MoM) với giá trị giao dịch đạt 14,219,17 tỷ đồng/phiên, thấp nhất kể từ tháng 5/2023 đến nay. Trong khi trên UPCOM (-0,17% MoM) với giá trị trung bình 715,17 tỷ đồng/phiên nhờ thanh khoản gia tăng tích cực trong nhóm cổ phiếu viễn thông.

GTGD trung bình (tỷ đồng/phiên)



GTGD trung bình (tỷ đồng/phiên)



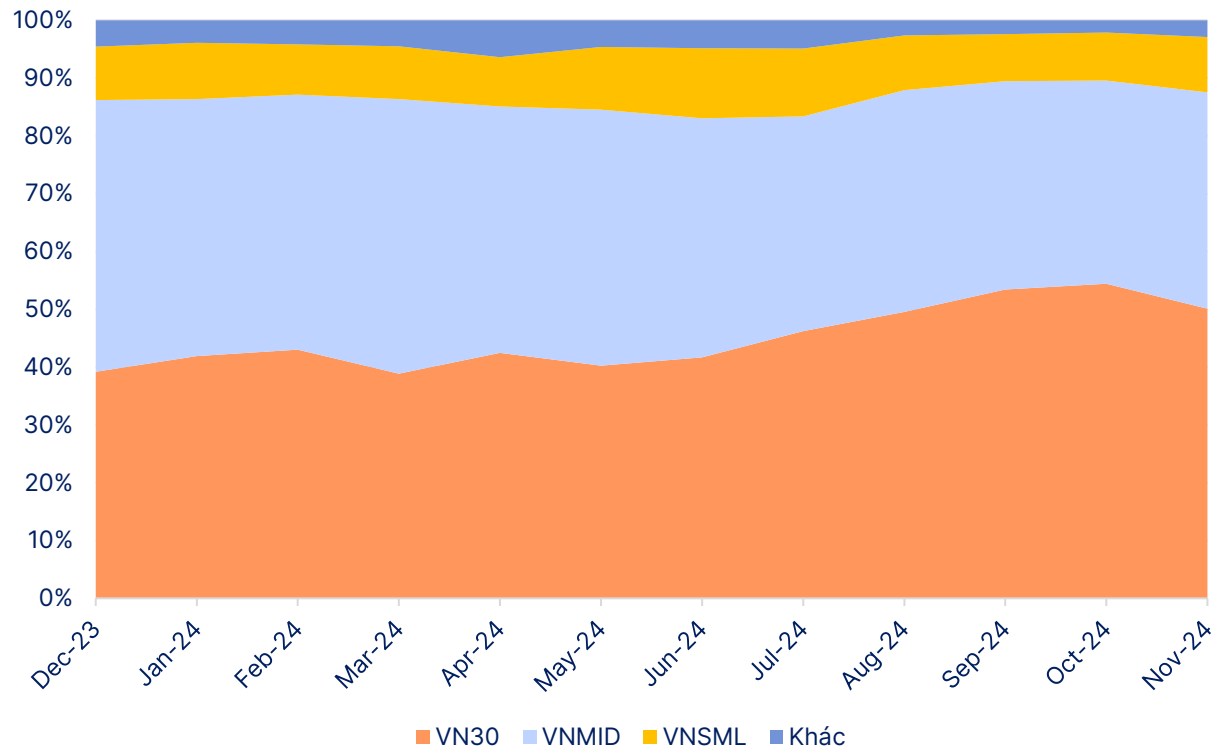
Nguồn: Fiingroup, SHS Research

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 11

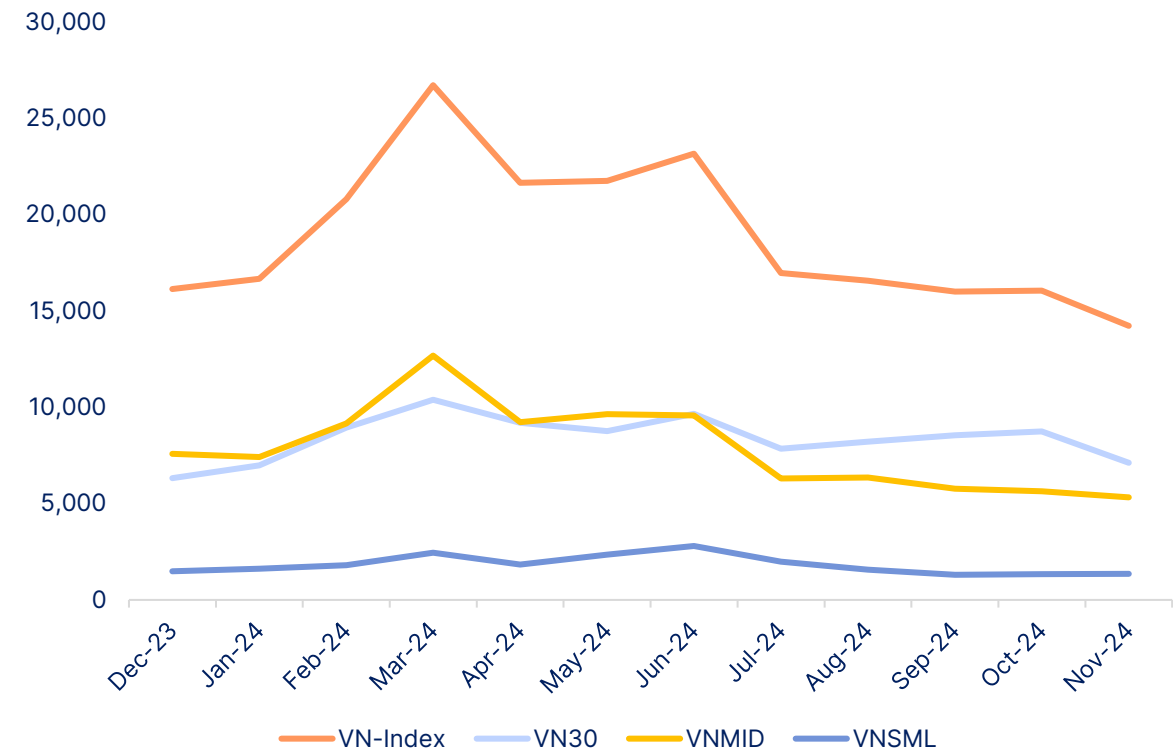


Mức độ phân hóa của dòng tiền diễn ra mạnh trong tháng 11. Áp lực điều chỉnh giảm đối với nhóm vốn hóa lớn VN30 (-18,5%) với giá trị giao dịch bình quân đạt trung bình 7.128,8 tỷ đồng/phần. Tỷ trọng giao dịch của VN30 qua đó giảm về mức 50,1%, vẫn duy trì trên mức trung bình năm. Nhóm vốn hóa trung bình VNMID (-5,5% MoM) tiếp tục suy giảm tháng thứ 3 liên tiếp với giá trị bình quân 5.322,9 tỷ đồng/phần, tỷ trọng VNMID chiếm 37,4%, dưới mức trung bình. Trong khi đó tỷ trọng nhóm cổ phiếu vốn hóa nhỏ VNSML tăng tháng thứ 3 liên tiếp lên 9,6%, với giá trị bình quân 1.363,1 tỷ đồng/phần.

Tỷ trọng giá trị giao dịch bình quân trên VN-Index



Giá trị giao dịch bình quân phần trong 12 tháng gần nhất (tỷ đồng)



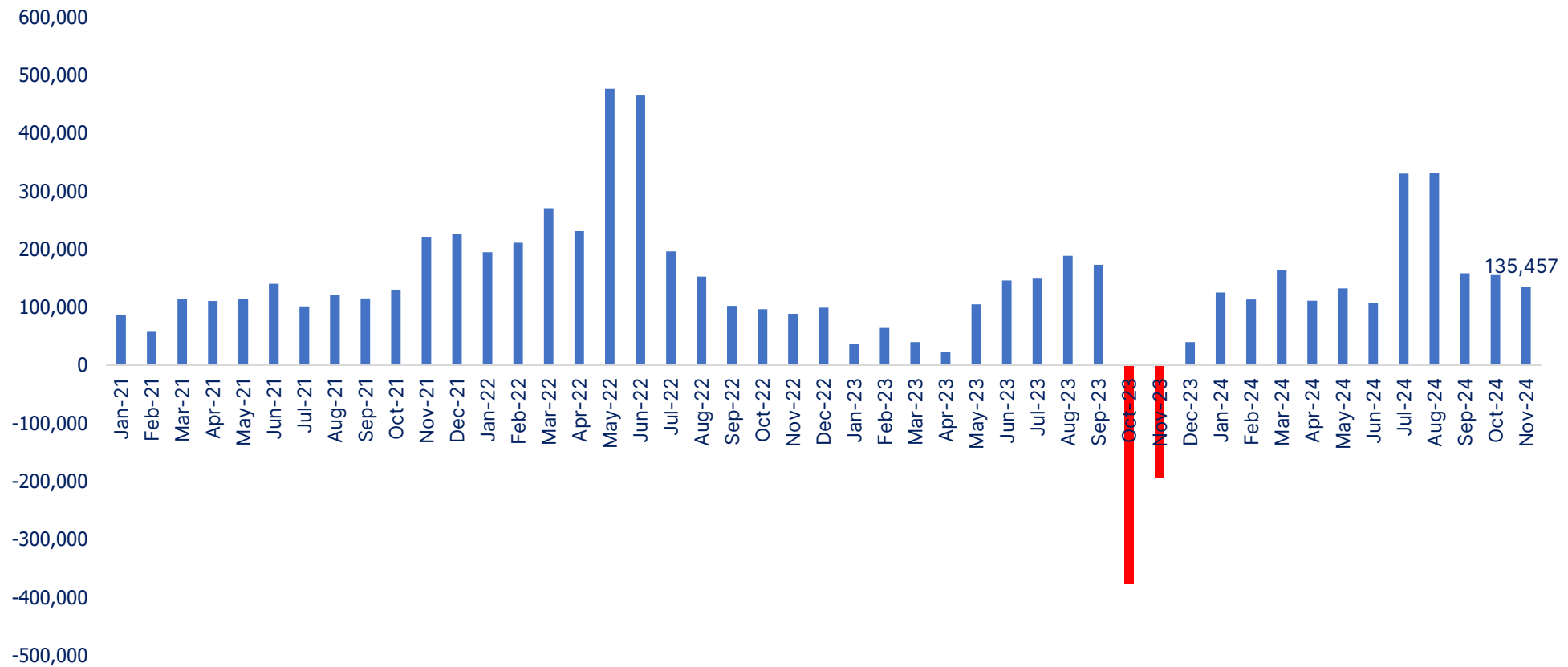
Nguồn: Bloomberg, Fiingroup, SHS Research

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 11



Số lượng tài khoản chứng khoán tăng thêm trong tháng 11 đạt 135.457 tài khoản (-13,7% MoM) qua đó lũy kế 11 tháng tăng thêm 1,86 triệu tài khoản (+424% YoY) qua đó đưa tổng số lượng tài khoản giao dịch của nhà đầu tư lên trên 9,15 triệu tài khoản, tăng 25,57% so với cuối năm 2023.

Số lượng tài khoản chứng khoán tăng/giảm theo tháng



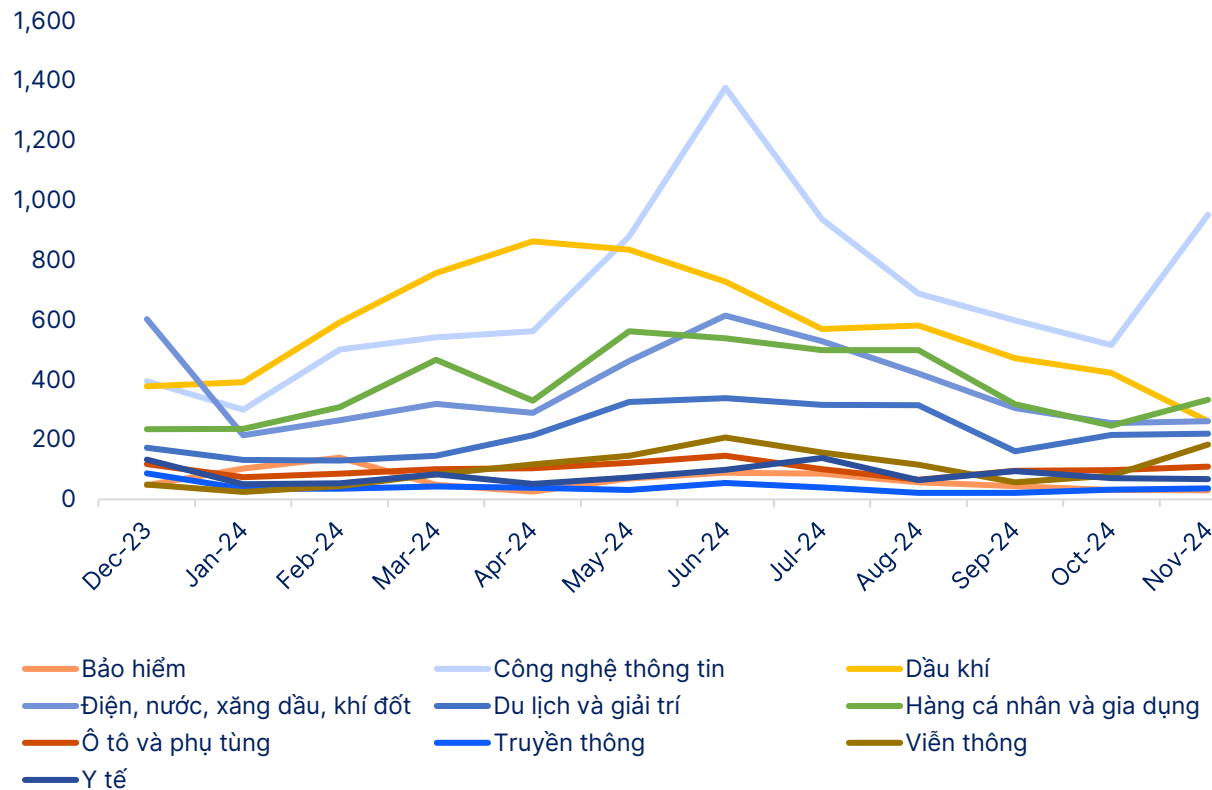
Nguồn: VSD

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 11

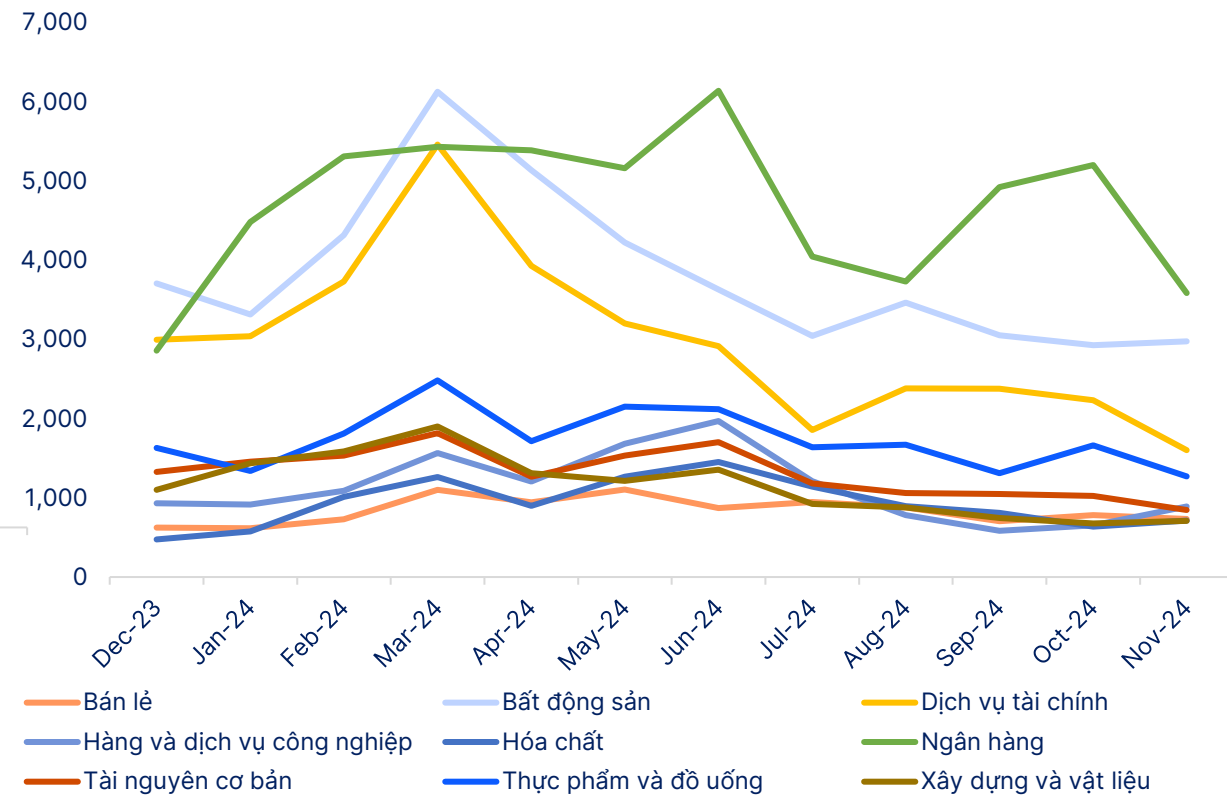


Thanh khoản gia tăng mạnh ở nhóm Viễn thông - Công nghệ thông tin. Giá trị giao dịch trung bình tại các cổ phiếu Viễn thông (+131,1% MoM), Công nghệ thông tin (+84,2% MoM) tăng mạnh nhất trong tháng 11, tiếp đến là Hàng và dịch vụ công nghiệp (+36,9%), Hàng cá nhân và gia dụng (+35,3% MoM). Thể hiện khả năng sinh lợi tốt ở nhiều mã trong khi thanh khoản thị trường chung giảm mạnh. Trong đó Dầu khí (-38,2% MoM) với giá trị bình quân 261,2 tỷ đồng/phiên, Ngân hàng (-31,1% MoM) đạt 3585,7 tỷ đồng/phiên, Dịch vụ tài chính (-28,2% MoM) đạt 1602,1 tỷ đồng/phiên.

GTGD bình quân phiên theo ngành (tỷ đồng, biểu đồ 1)



GTGD bình quân phiên theo ngành (tỷ đồng, biểu đồ 2)



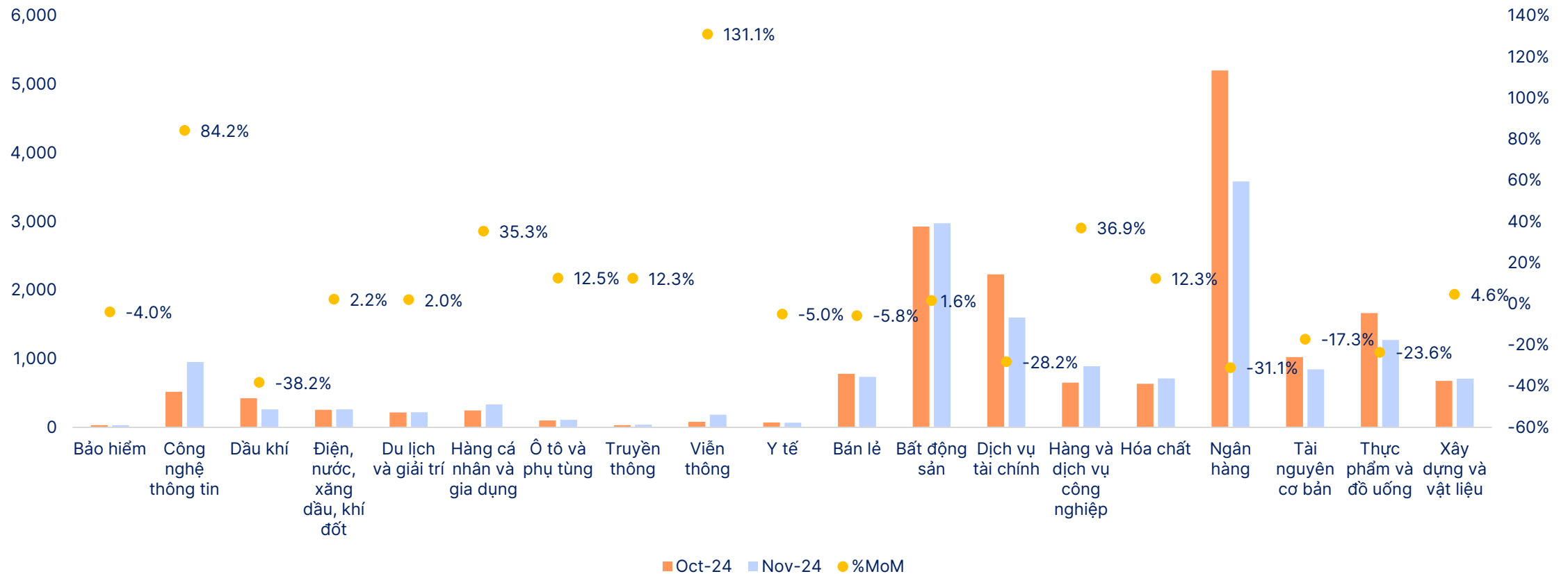
Nguồn: Bloomberg, Fiingroup, SHS Research

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 11



Trong 3 ngành chiếm tỉ trọng giao dịch lớn nhất của thị trường, nhóm Bất động sản (+1,6%) có thanh khoản gia tăng trở lại, giao dịch sôi động hơn sau thời gian dài suy giảm với giá trị giao dịch bình quân đạt 2975,1 tỷ đồng/phiên. Trong khi nhóm Dịch vụ tài chính (-28,2% MoM) có thanh khoản giảm mạnh hơn so với tháng trước. Ngân hàng (-31,1% MoM) có thanh khoản giảm mạnh nhưng giá trị giao dịch trung bình vẫn cao nhất thị trường.

Giá trị giao dịch bình quân phiên theo nhóm ngành



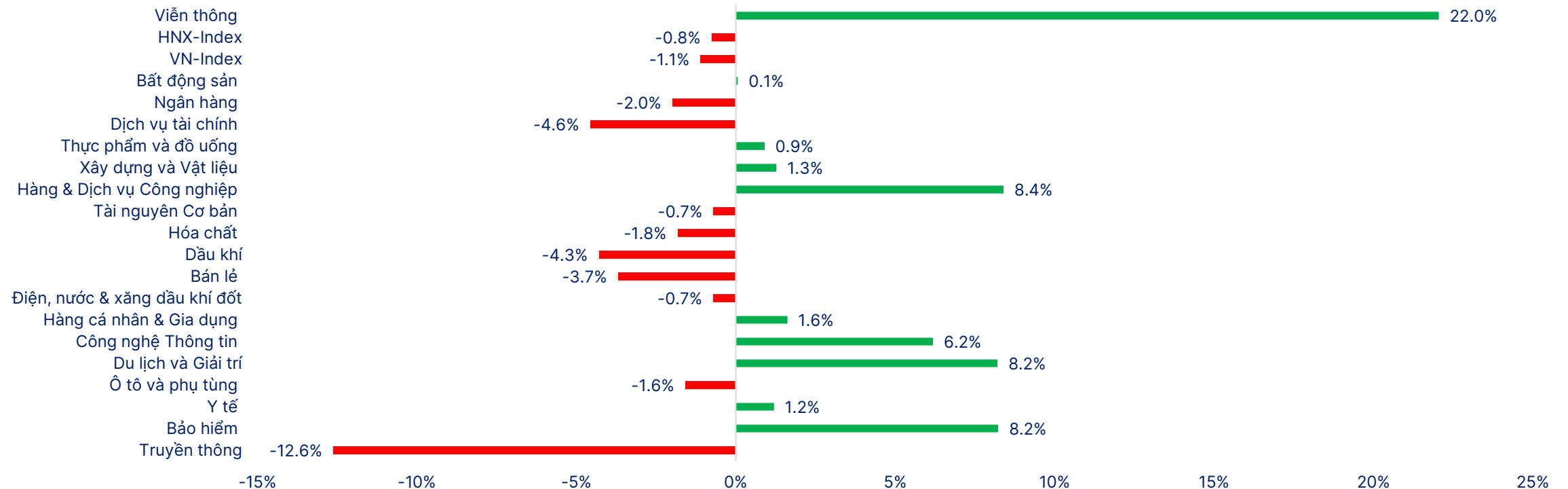
Nguồn: Fiingroup, SHS Research

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 11



Trong tháng 11/2024, nhóm Viễn thông (+22,0% MoM) nổi bật ở các cổ phiếu Viettel tiếp tục tăng giá mạnh với thanh khoản gia tăng đột biến, nhiều mã vượt đỉnh, nổi bật như VTP (46,9% MoM). Công nghệ thông tin (+6,2% MoM) cũng có diễn biến tích cực với FPT (+6,2% MoM) vượt đỉnh cũ. Tiếp đến là Hàng & dịch vụ công nghiệp (+8,4% MoM), Du lịch và giải trí (+8,2% MoM)... có tháng thứ 2 tăng điểm tốt. Tiếp theo là Bảo hiểm (+8,2% MoM) với diễn biến tích cực trước thông tin BVH chia cổ tức. Ở chiều ngược lại nhóm ngành khác giảm điểm là Truyền thông (-12,6% MoM), Dầu khí (-4,4% MoM), Dịch vụ tài chính (-4,6% MoM), Ngân hàng (-2,0% MoM)....

Tăng/giảm các nhóm ngành và chỉ số thị trường trong tháng 11/2024

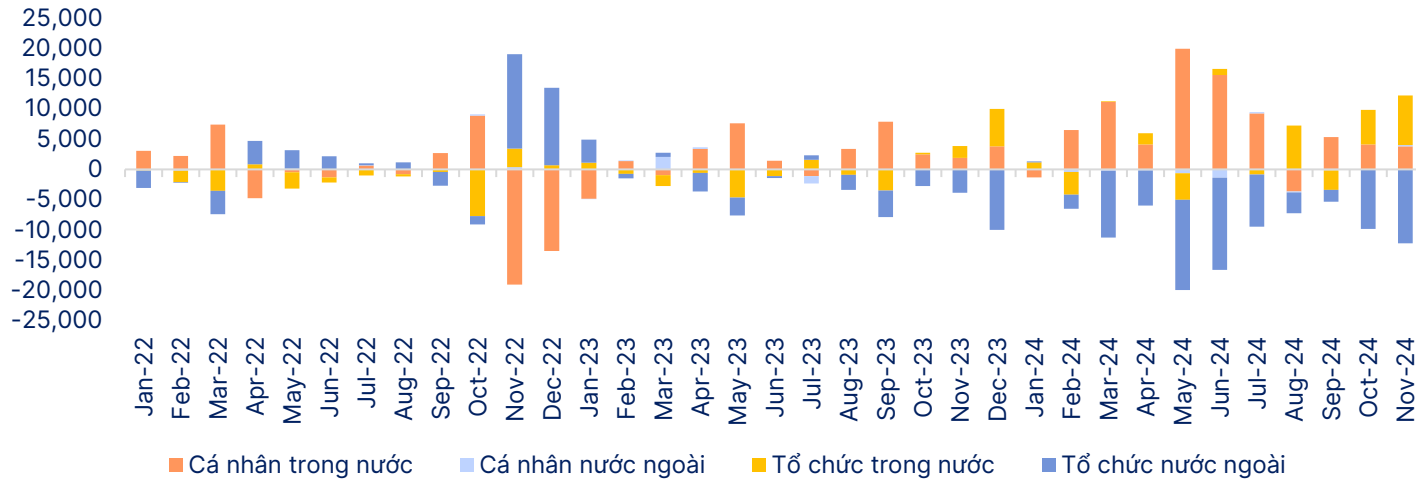


Nguồn: Fiingroup, SHS Research

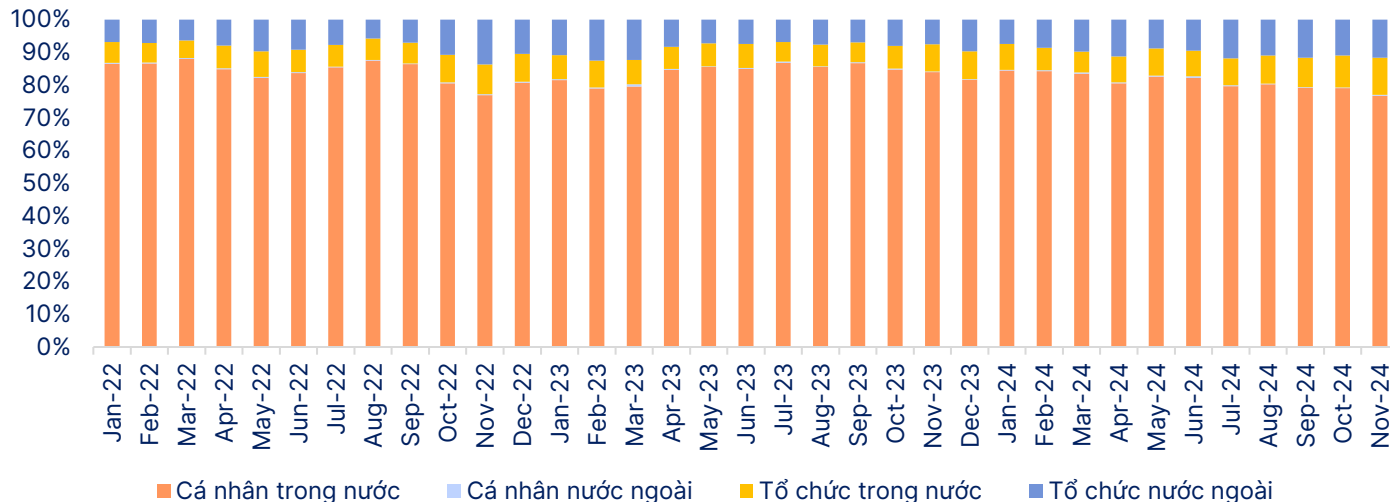
TỔNG QUAN TTCK THÁNG 11



Giá trị giao dịch ròng trên HOSE theo loại nhà đầu tư (tỷ đồng)



Tỷ trọng giao dịch trên HOSE theo loại nhà đầu tư hàng tháng



Trong tháng 11 nhà đầu tư nước ngoài gia tăng bán ròng mạnh kỷ lục trong 01 tháng với giá trị -12.224,5 tỷ đồng. Nâng lũy kế 11 tháng 2024, bán ròng kỷ lục -85.216,7 tỷ đồng trên HOSE. Tỷ trọng giao dịch tăng lên 11,6% trong tháng 110, trên mức trung bình 03 năm (8,9%). Nhà đầu tư cá nhân nước ngoài mua ròng trở lại ròng trong tháng 11 với giá trị 250,2 tỷ đồng, lũy kế -2.754,2 tỷ đồng trong 11 tháng 2024.

Đối ứng áp lực bán ròng, nhà đầu tư tổ chức trong nước mua ròng khá mạnh trong tháng 11 với giá trị 8.202,9 tỷ đồng. Lũy kế 11 tháng 2024, mua ròng với giá trị 13,161,7 tỷ đồng, góp phần cân bằng áp lực bán ròng mạnh đột biến của khối ngoại. Tỷ trọng giao dịch của tổ chức trong nước tăng tháng 05 liên tiếp lên mức 11,3%, mức cao nhất từ tháng 2021 đến nay.

Nhà đầu tư cá nhân trong nước, tiếp tục mua ròng trong tháng 11 với giá trị 3.801,4 tỷ đồng. Nâng mức lũy kế 11 tháng 2024 nhà đầu tư cá nhân vẫn mua ròng kỷ lục 74.806,3 tỷ đồng. Tỷ trọng giao dịch của nhà đầu tư cá nhân tiếp tục giảm trong tháng 11 giảm về mức 76,8%, dưới mức trung bình 03 năm (83,5%).

Nguồn: Fiingroup, SHS Research

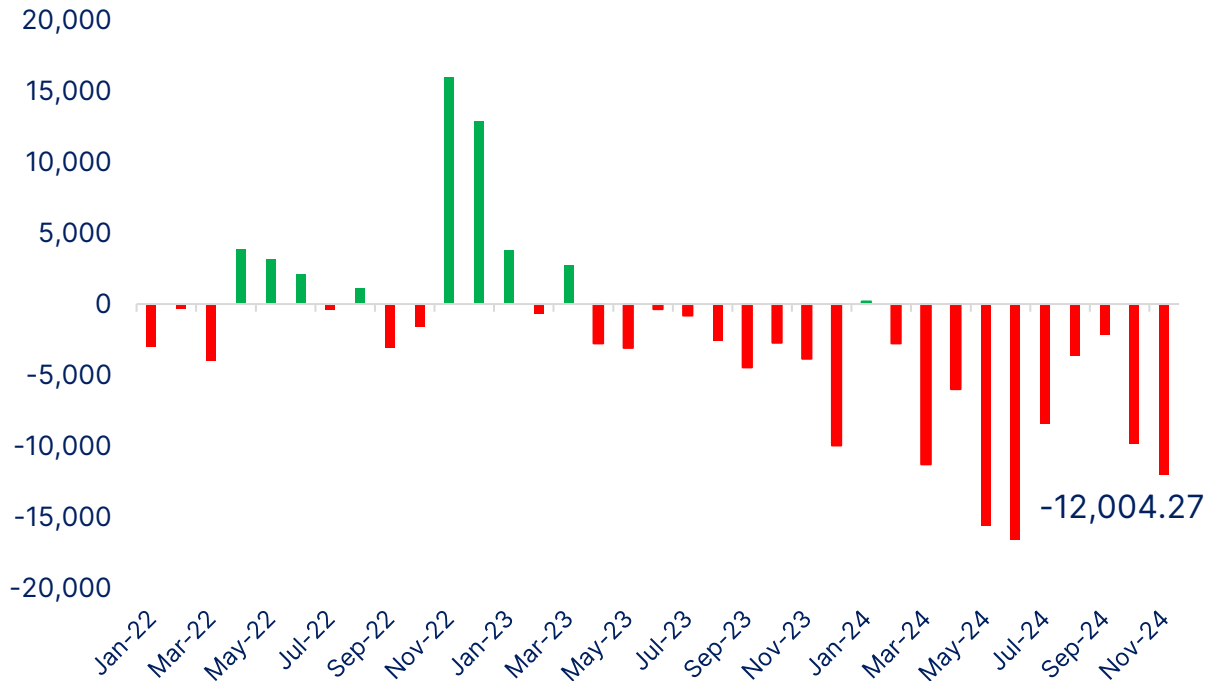
TỔNG QUAN TTCK THÁNG 11



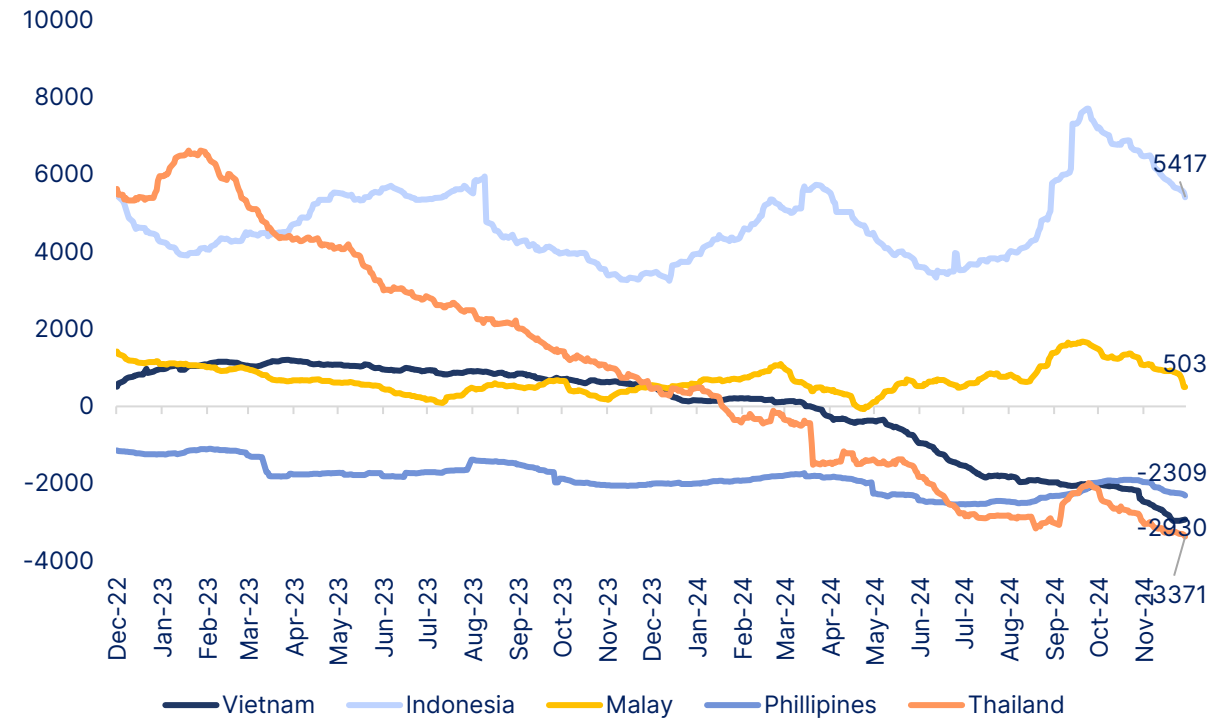
Nhà đầu tư nước ngoài tăng qui mô bán ròng. Khối ngoại tăng qui mô bán ròng mạnh với giá trị -11.886,9 tỷ đồng (+7,9% MoM) trong tháng 11, trong đó bán ròng tại HOSE (-12.004,3 tỷ đồng), HNX (-342,7 tỷ đồng), trong khi mua ròng trên UPCOM (459,9 tỷ đồng). Lũy kế 11 tháng đầu năm 2024 nhà đầu tư nước ngoài vẫn bán ròng mức kỷ lục với giá trị 89.784,3 tỷ đồng, gấp 02 lần năm 2023.

Với một số thị trường khác trong khu vực, diễn biến giao dịch của khối ngoại là xu hướng bán ròng mạnh trong tháng 11, với Indonesia (-1.063 triệu USD), Malaysia (-576 triệu USD), Thái Lan (-398 triệu USD), Philippines (-349 triệu USD).

Giá trị mua/bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài trên HOSE theo tháng từ 2022 (tỷ đồng)



Lũy kế giao dịch cổ phiếu khối ngoại (2022-2024)

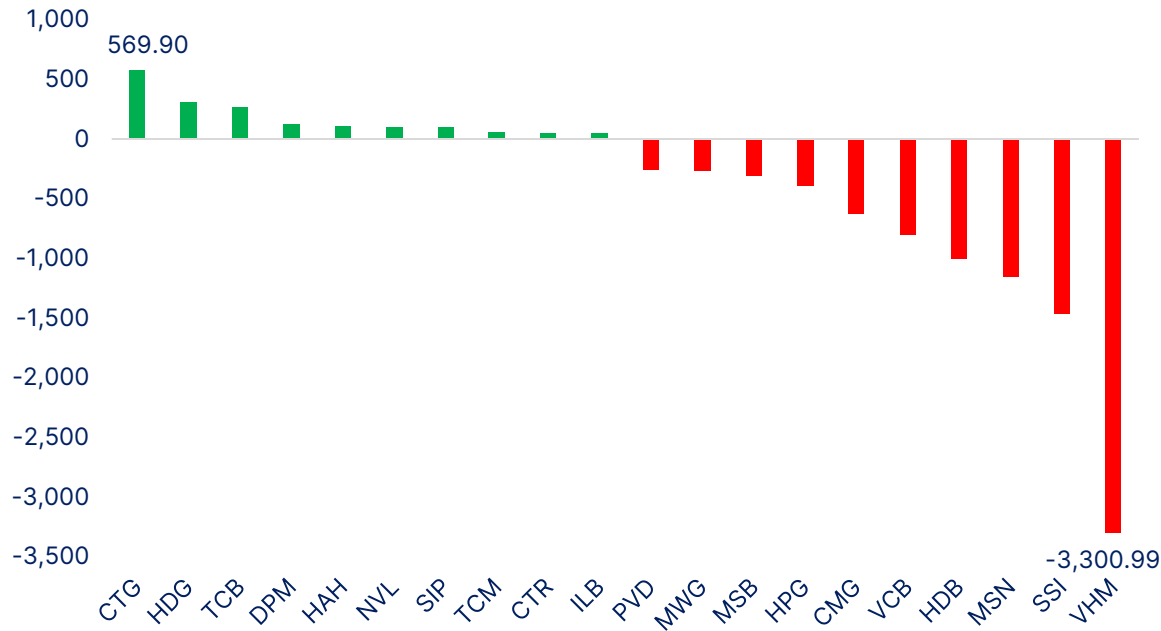


Nguồn: Bloomberg, Fiingroup, SHS Research

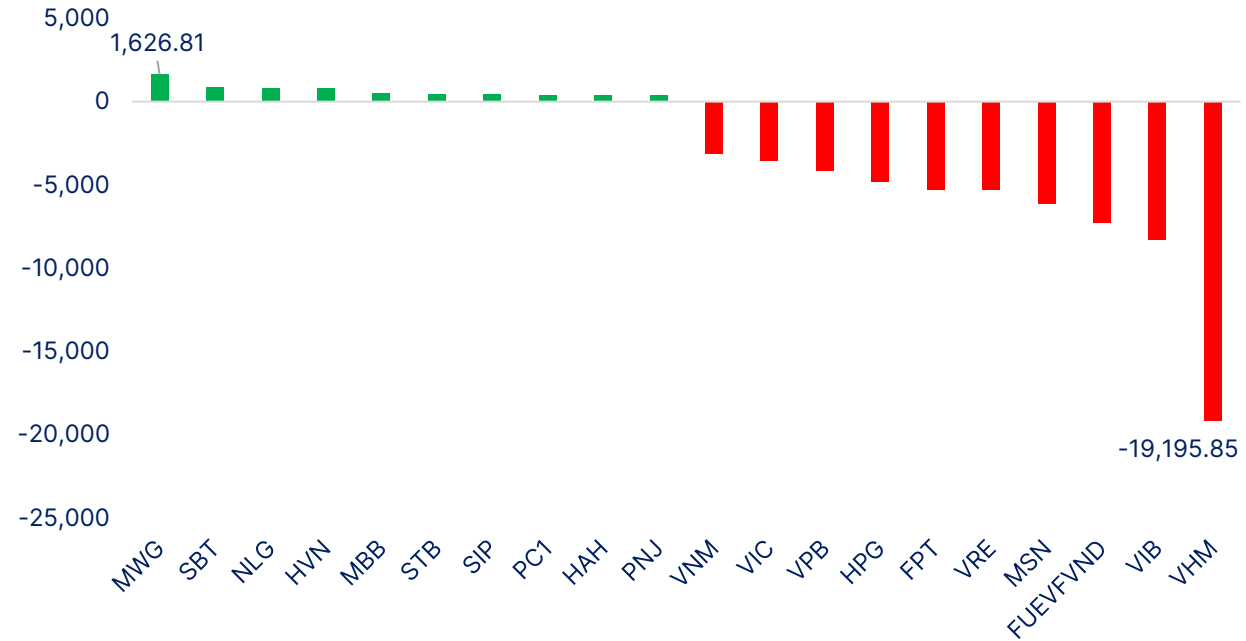
TỔNG QUAN TTCK THÁNG 11



Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HOSE trong tháng 11/2024 (tỷ đồng)



Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HOSE trong 11 tháng 2024



Nguồn: Fiingroup, SHS Research

Trên HOSE, trong tháng 11/2024 khối ngoại bán ròng -12.004,3 tỷ đồng trong đó bán mạnh VHM (-3.301,0 tỷ đồng), tiếp đến là SSI (-1.466,0 tỷ đồng), MSN (-1.155,3 tỷ đồng), HDB (-977,7 tỷ đồng), VCB (-801,5 tỷ đồng)... Ở chiều ngược lại, khối ngoại mua ròng CTG (+569,9 tỷ đồng), HDG (+356,2 tỷ đồng), TCB (+261,7 tỷ đồng) ...

Lũy kế 11 tháng 2024, khối ngoại bán ròng mạnh nhất VHM với tổng cộng -19.195,9 tỷ đồng, tiếp theo là VIB (-8.289,5 tỷ đồng), FUEVFN (-7.293,9 tỷ đồng), VRE (-5.313,9 tỷ đồng), FPT (-5.280,5 tỷ đồng), HPG (-4.830,4 tỷ đồng), ... Ở chiều ngược lại, MWG (+1.626,8 tỷ đồng) là mã được khối ngoại mua ròng tốt nhất, bên cạnh SBT (+888,2 tỷ đồng), NLG (+806,2 tỷ đồng), và HVN (+800 tỷ đồng)...

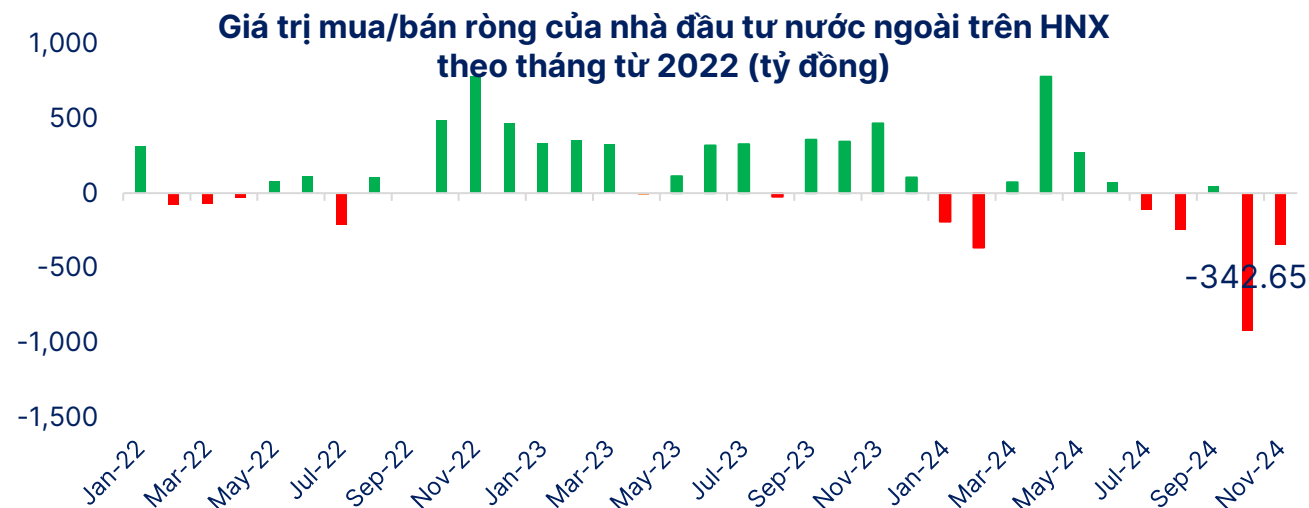
TỔNG QUAN TTCK THÁNG 11



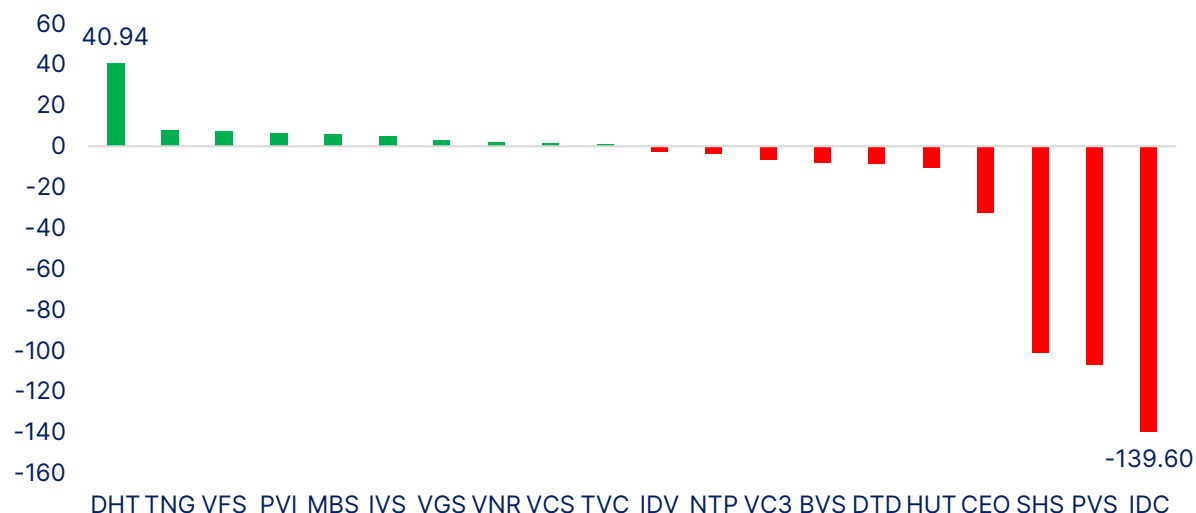
Tại HNX, khối ngoại tiếp tục bán ròng với giá trị -342,7 tỷ đồng. Trong đó bán ròng IDC (-139,6 tỷ đồng), PVS (-106,9 tỷ đồng), SHS (-101,2 tỷ đồng)... Trong khi mua ròng nhẹ DHT (+40,9 tỷ đồng), TNG (+8,0 tỷ đồng)...

Lũy kế 11 tháng năm 2024 khối ngoại bán ròng -935,4 tỷ đồng trên HNX, Trong đó bán mạnh SHS (-1.251,9 tỷ đồng), PVI (-217,3 tỷ đồng), BVS (-159,1 tỷ đồng)... Ở chiều ngược lại khối ngoại mua ròng IDC (+1.069,4 tỷ đồng), MBS (+310,5 tỷ đồng), DHT (+71,2 tỷ đồng)...

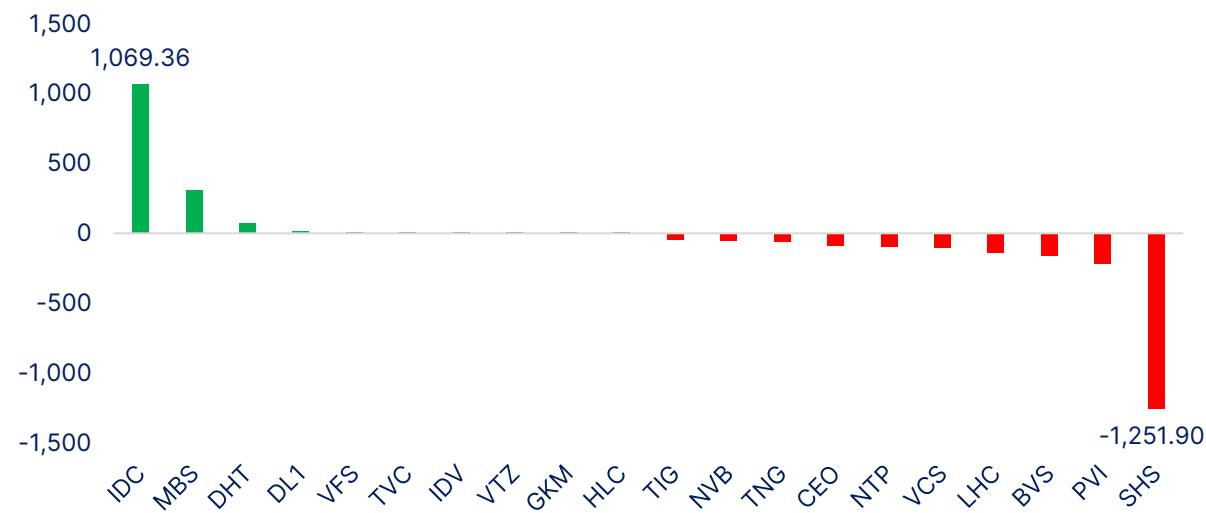
Nguồn: Fiingroup, SHS Research



Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HNX trong tháng 11/2024 (tỷ đồng)



Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HNX trong 11 tháng 2024



TỔNG QUAN TTCK THÁNG 11

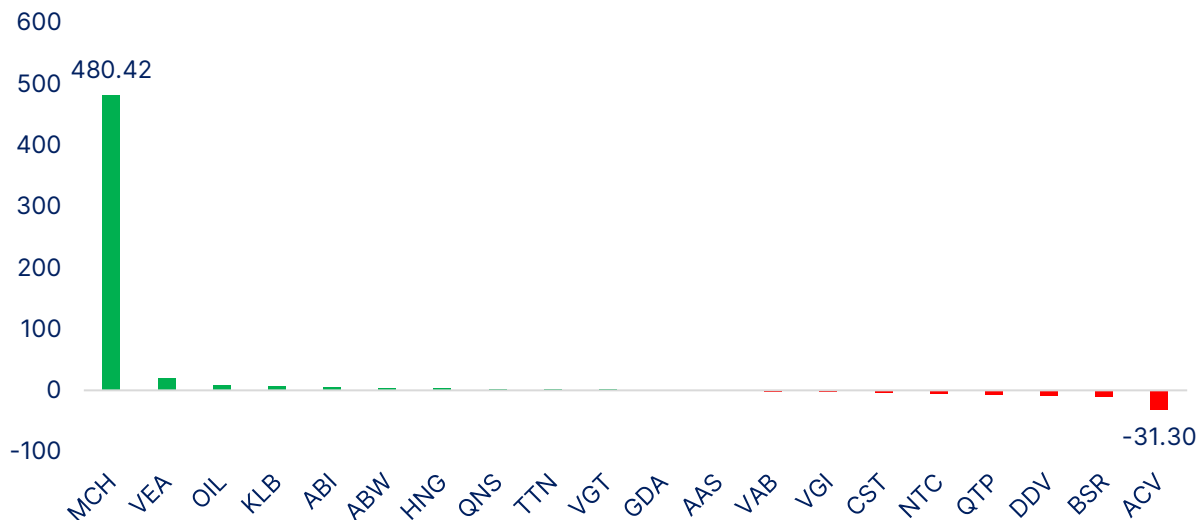


Trên sàn UPCOM, trong tháng 11 khối ngoại mua ròng khá mạnh với giá trị 459,9 tỷ đồng. Trong đó mua ròng chủ yếu MCH (+480,5 tỷ đồng), VEA (+19,6 tỷ đồng)... bán ròng ACV (-31,32 tỷ đồng), BSR (-10 tỷ đồng)...

Lũy kế 11 tháng đầu năm 2024, khối ngoại vẫn bán ròng -878,0 tỷ đồng. Trong đó bán ròng MSR (-1.627,45 tỷ đồng), ABB (-882,5 tỷ đồng), VEA (-874,9 tỷ đồng)... sau khi mua ròng nổi bật ở 02 thương vụ BHI (+1.628,3 tỷ đồng), AIC (+1.263,0 tỷ đồng).

Nguồn: Fiingroup, SHS Research

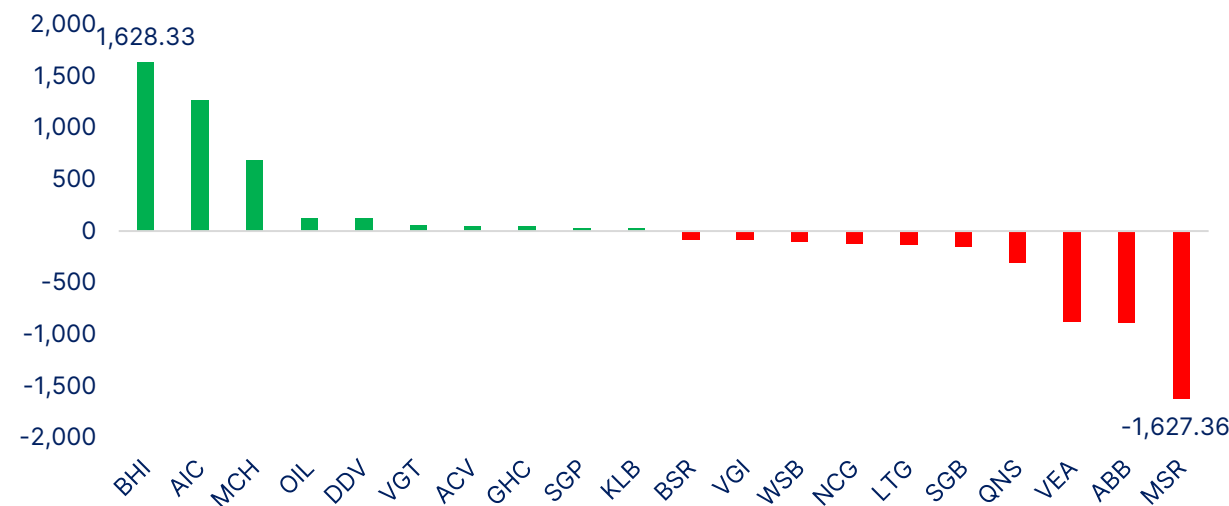
Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên UPCOM trong tháng 11/2024 (tỷ đồng)



Giá trị mua/bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài trên UPCOM theo tháng từ 2022 (tỷ đồng)



Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên UPCOM trong 11 tháng 2024

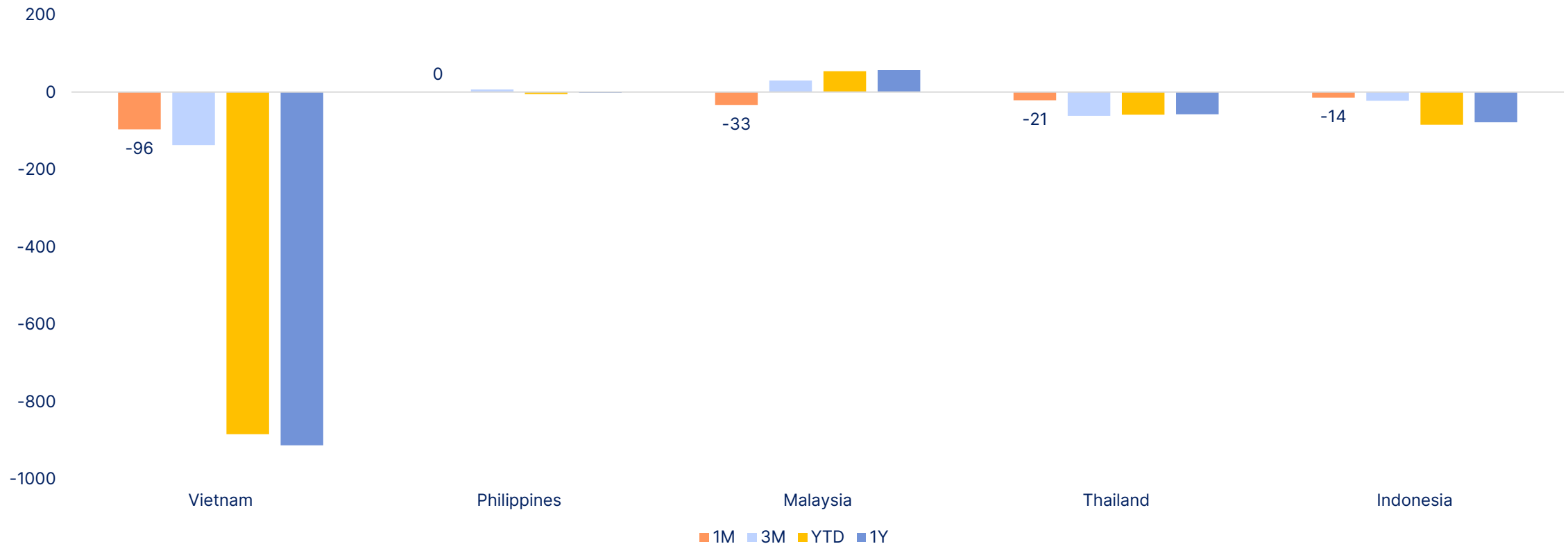


TỔNG QUAN TTCK THÁNG 11



Trong tháng 11/2024, quy mô rút ròng của các quỹ ETF tại Việt Nam tăng lên -96 triệu USD, rút ròng ở thị trường Malaysia (-33 triệu USD), Thái Lan (-21 triệu USD)... Lũy kế 11 tháng 2024, Việt Nam bị các quỹ ETF bán ròng nhiều nhất Đông Nam Á với giá trị -913 triệu USD, các thị trường Thái Lan (-57 triệu USD), Indonesia (-78 triệu USD), Philippines (-2 triệu USD). Trong khi chỉ có Malaysia hút ròng với giá trị 57 triệu USD.

**Dòng vốn ETF theo quốc gia
(Triệu USD)**



Nguồn: Bloomberg, SHS Research

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 11



Tên quỹ	Loại hình	Tổng AUM	NAV	Số lượng CCQ	Dòng vốn ròng (triệu USD)			
		(triệu USD)	(USD)		1M	3M	YTD	1Y
DCVFMVN Diamond ETF (VND)	ETF	474,93	1,27	375.200.000	(9,3)	15,4	-360	-407
Fubon FTSE Vietnam ETF (TWD)	ETF	597,06	0,36	1.662.238.000	(1,2)	-39,1	-232,8	-213,0
DCVFMVN30 ETF Fund (VND)	ETF	263,25	0,90	294.000.000	(11,5)	-18,8	-84,8	-84,9
VanEck Vietnam ETF (USD)	ETF	436,38	11,81	36.950.000	(25,3)	-33,3	-45,9	-51,3
Xtrackers FTSE Vietnam Swap UCITS ETF (EUR)	ETF	257,87	24,93	10.365.540	(8,3)	-18,9	-66,3	-66,4
SSIAM VNFIN LEAD ETF (VND)	ETF	18,17	0,82	22.100.000	0,7	-6,2	-86,8	-109,7
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF (KRW)	ETF	158,43	14,66	10.800.000	(39,6)	-39,6	-67,5	-40,6
Premia MSCI Vietnam ETF (USD)	ETF	4,64	7,25	640.000	(0,7)	0,1	-10,3	-10,3
SSIAM VNX50 ETF (VND)	ETF	4,89	0,77	6.400.000	-	0,0	-2,4	-2,2
Global x MSCI Vietnam ETF (USD)	ETF	11,67	15,55	750.000	-	0,0	1,9	1,9
SSIAM VN30 ETF (VND)	ETF	6,56	0,64	10.300.000	-	0,3	0,1	0,1
KIM GROWTH VN30 ETF (VND)	ETF	68,41	0,34	198.300.000	1,4	8,4	42,5	43,9

Nguồn: Bloomberg, SHS Research

TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG 12

TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG 12



Trong tháng 11/2024, VN-INDEX chịu áp lực điều chỉnh về vùng hỗ trợ mạnh 1.200 điểm, phục hồi kết thúc tháng ở mức 1.250,46 điểm. Đây là vùng giá cân bằng của kênh tích lũy 1.200 điểm - 1.300 điểm, cũng như vùng giá cao nhất năm 2023. Tuy nhiên sau 11 tháng, VN-INDEX kết thúc tháng, giao dịch dưới đường giá trung bình 200 phiên.

Hiện tại thị trường vẫn đang nhận được hỗ trợ từ việc (1) Kinh tế tăng trưởng tốt; (2) Lãi suất ổn định trên nền thấp. Tuy nhiên một số yếu tố bất định vẫn duy trì như (1) Căng thẳng địa chính trị trên thế giới; (2) Diễn biến kinh tế thế giới trước áp lực áp đặt thuế quan của Mỹ. (3) Triển vọng kinh doanh của các doanh nghiệp thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2025.

Thị trường trong giai đoạn kết thúc năm 2024. VN-INDEX đang tích lũy trong kênh giá với biên độ hẹp dần trong cả năm 2024. Tuy nhiên chất lượng nội tại thị trường đã cải thiện sau thời gian tích lũy, trên nền vốn hóa tương đối hấp dẫn, khoảng 63%/ GDP với tăng trưởng GDP năm 2025 kế hoạch tăng 6,5-7%. Nhiều mã, nhóm mã đang ở vùng giá tương đối hấp dẫn so với triển vọng tăng trưởng. Chúng tôi kỳ vọng VN-INDEX có thể cải thiện xu hướng, vượt lên đường giá trung bình 200 phiên, quay trở lại vùng giá 1.300 điểm trong tháng 12/2024. Mở ra triển vọng VN-INDEX vượt lên xu hướng tích lũy rộng tính từ đầu năm đến nay trong vùng 1.200 điểm đến 1.300 điểm, vượt lên vùng giá 1.300 điểm trong năm 2025.

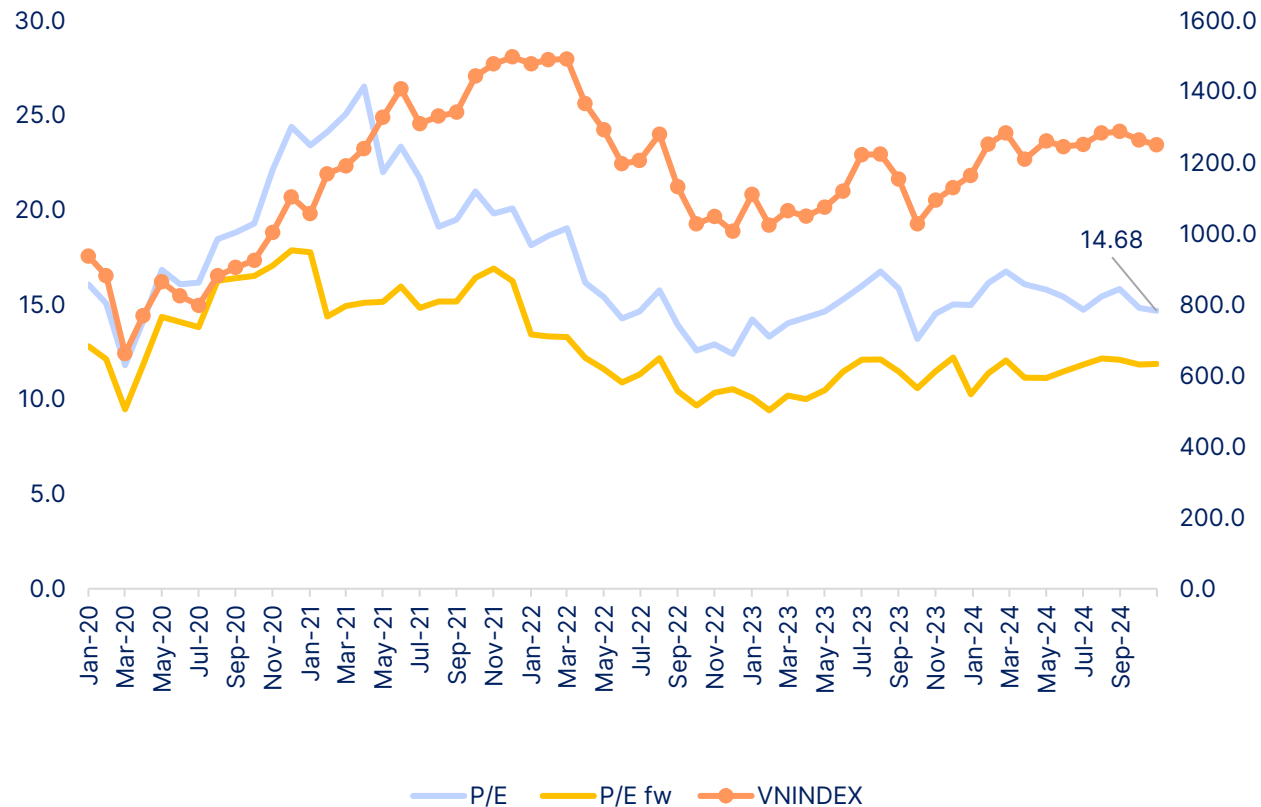


TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG 12

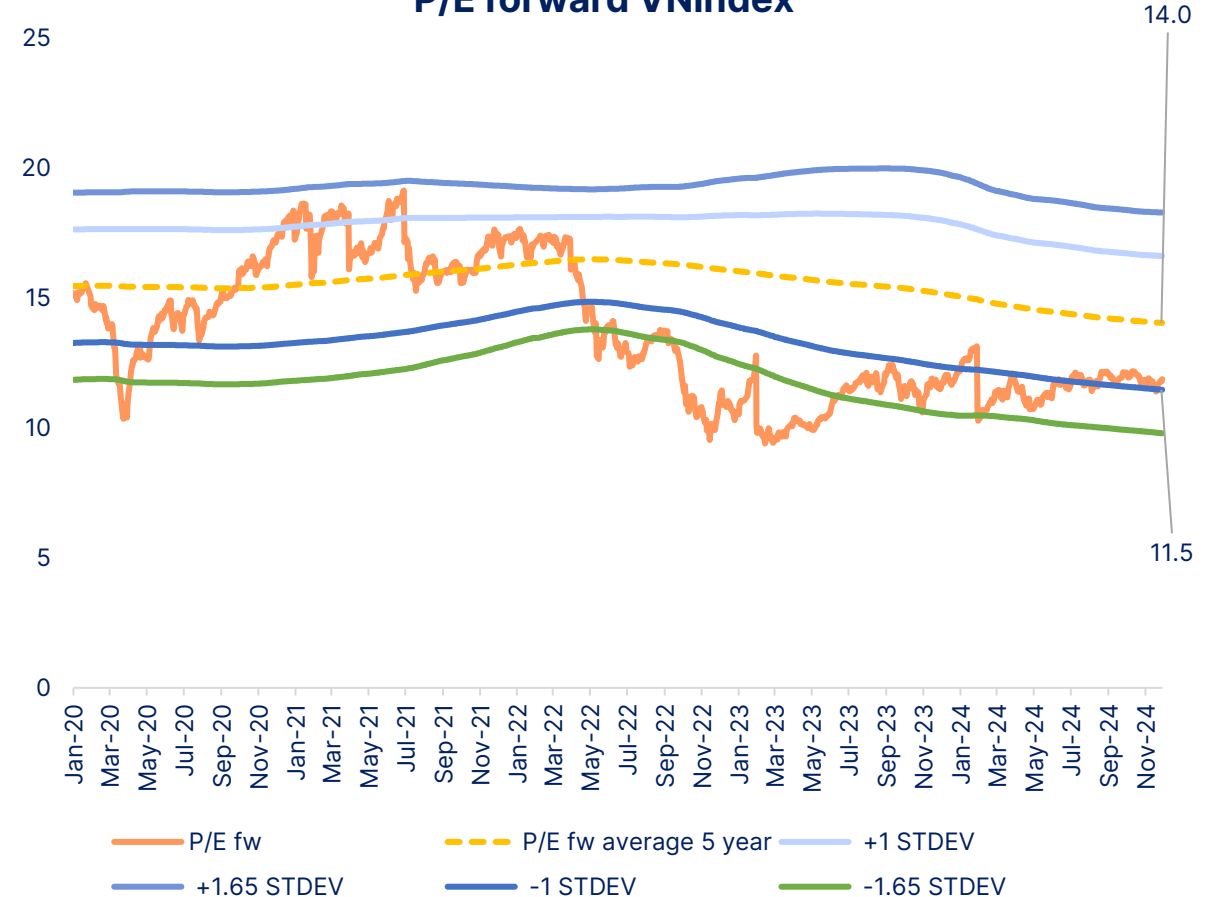


Vào thời điểm kết thúc tháng 11/2024, định giá P/E của VNINDEX ở mức 14,84, thấp hơn P/E trung bình 10 năm (16,6x) và trung bình 5 năm (17,1). Với mức P/E Forward 11,9 được xem là khá hấp dẫn so với triển vọng tăng trưởng hiện nay.

Định giá TTCK VN

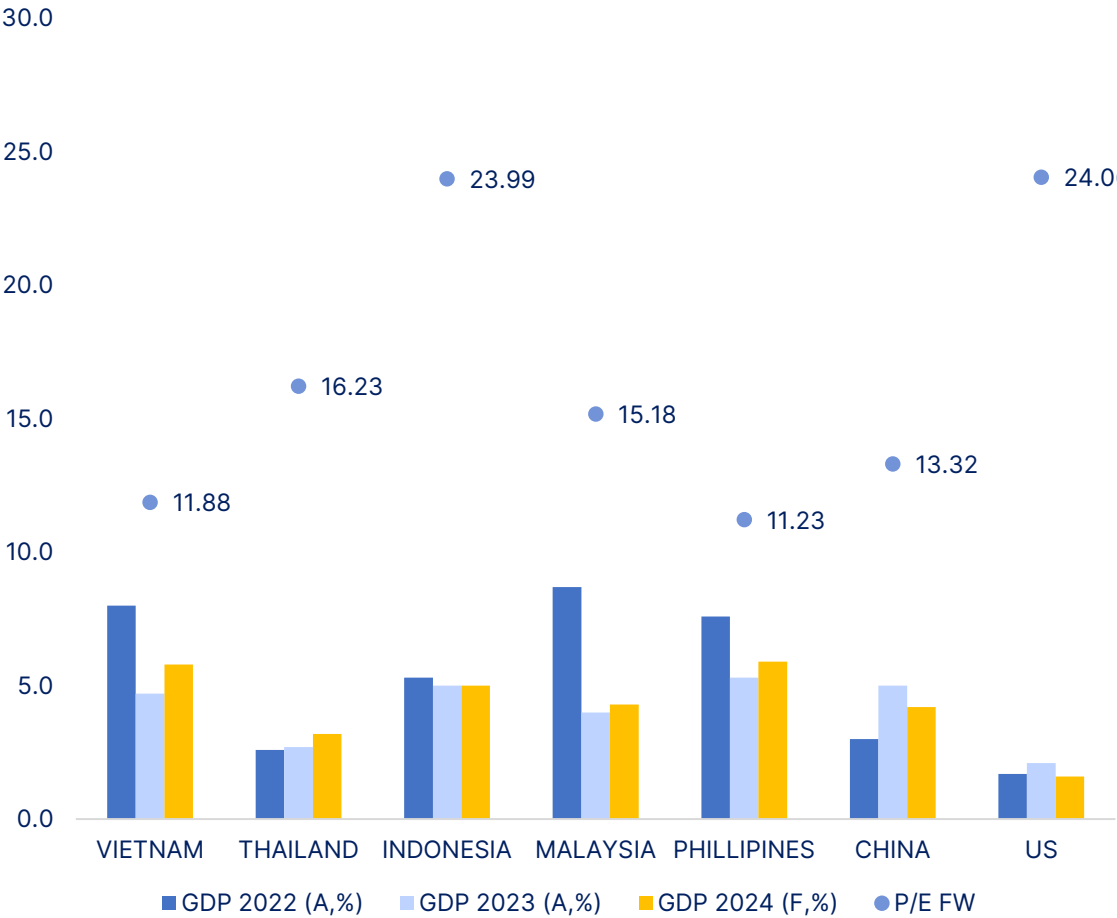


P/E forward VNindex

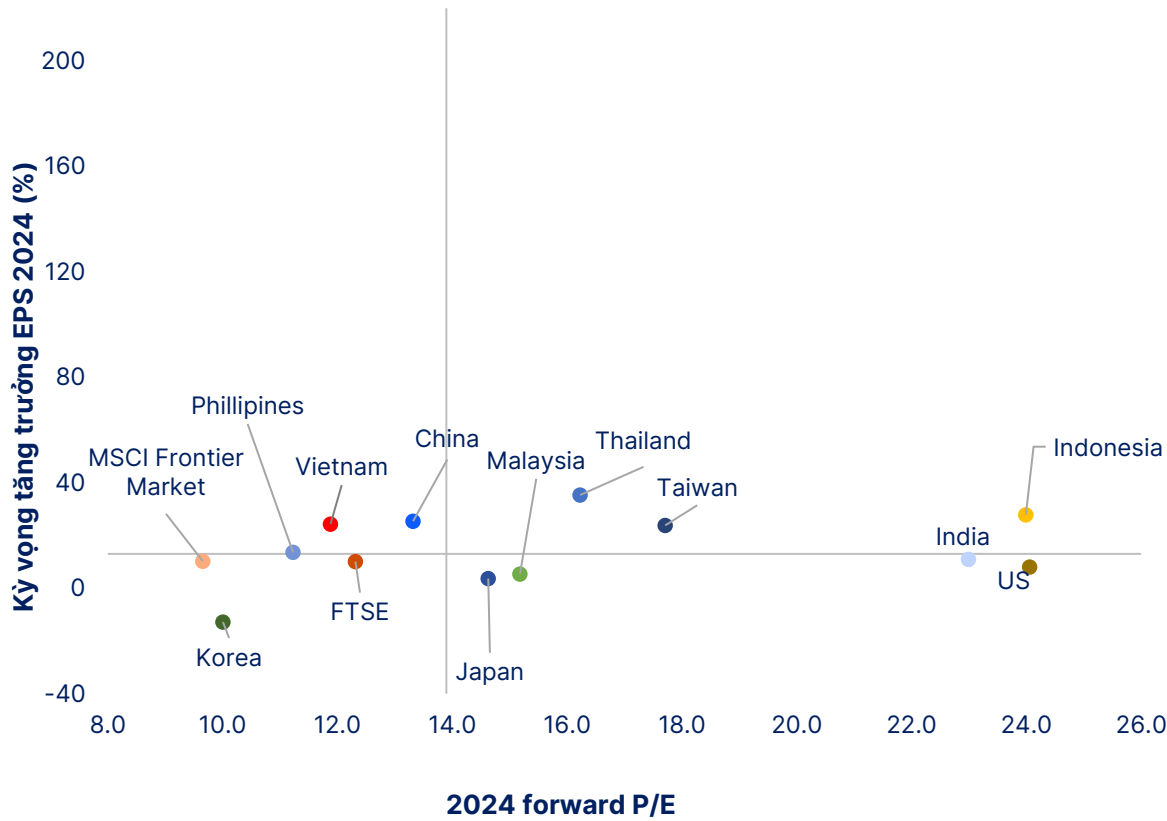


Nguồn: Bloomberg, SHS tổng hợp

TTCK VN so với các nước trên thế giới

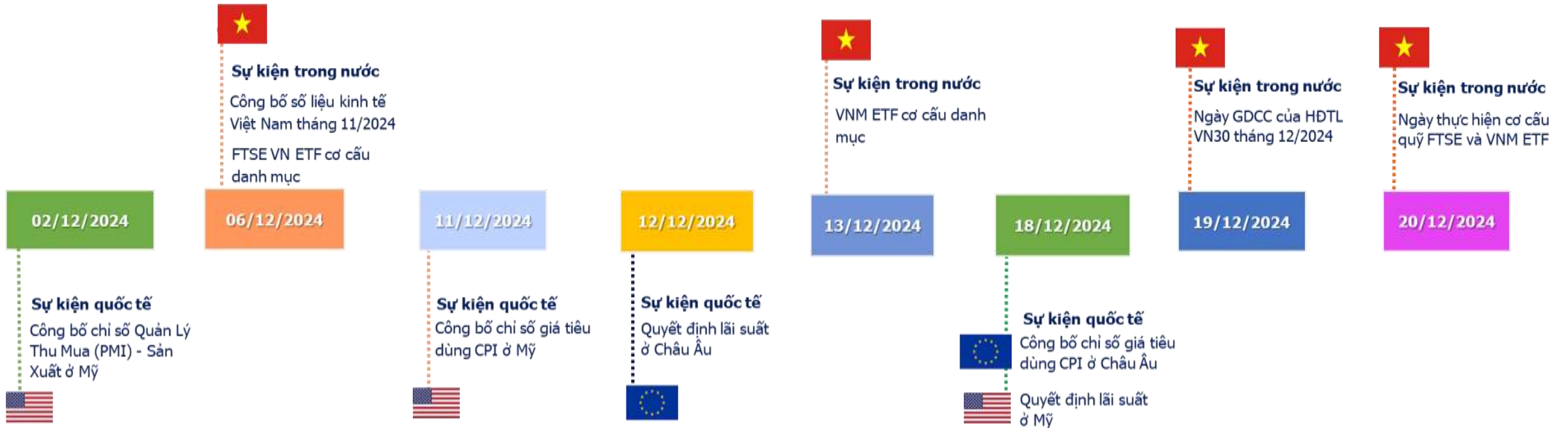


Kỳ vọng tăng trưởng EPS, P/E Foward 2024



Nguồn: Bloomberg, SHS tổng hợp

TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG 12



DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ 2024

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

STT	Mã	Giá đóng cửa	+/- tháng	+/- từ đầu năm	+/- từ ngày khuyến nghị	
1	BWE	48.050	+6,78%	+33,99%	+24,40%	NĂM GIỮ
2	CTD	65.800	-2,08%	-4,36%	-9,75%	NĂM GIỮ
3	DCM	36.900	-1,73%	+20,00%	+24,67%	NĂM GIỮ
4	FPT	143.300	+6,23%	+73,89%	+69,16%	NĂM GIỮ
5	GMD	64.700	-0,92%	+10,69%	+14,33%	NĂM GIỮ
6	IDC	55.400	-1,07%	+13,92%	+10,56%	NĂM GIỮ
7	PHR	56.400	-1,05%	+13,48%	+15,45%	NĂM GIỮ
8	PNJ	92.900	-2,00%	+10,24%	+6,74%	NĂM GIỮ
9	PVD	23.700	-7,60%	-16,25%	-8,49%	NĂM GIỮ
10	PVS	34.400	-7,28%	-7,75%	-0,16%	NĂM GIỮ
11	PVT	27.000	-3,91%	+13,73%	+13,38%	NĂM GIỮ
12	SZC	40.700	+4,49%	+14,10%	+1,80%	NĂM GIỮ
13	TCB	23.600	-1,26%	+53,05%	+40,51%	NĂM GIỮ
14	MBB	24.150	-3,59%	+32,33%	+5,54%	NĂM GIỮ
15	VLB	39.400	-0,14%	+15,14%	+2,53%	NĂM GIỮ
VN-Index		1.250,46	-1,11%	+10,67%		

(Click vào từng mã để xem nội dung chi tiết)

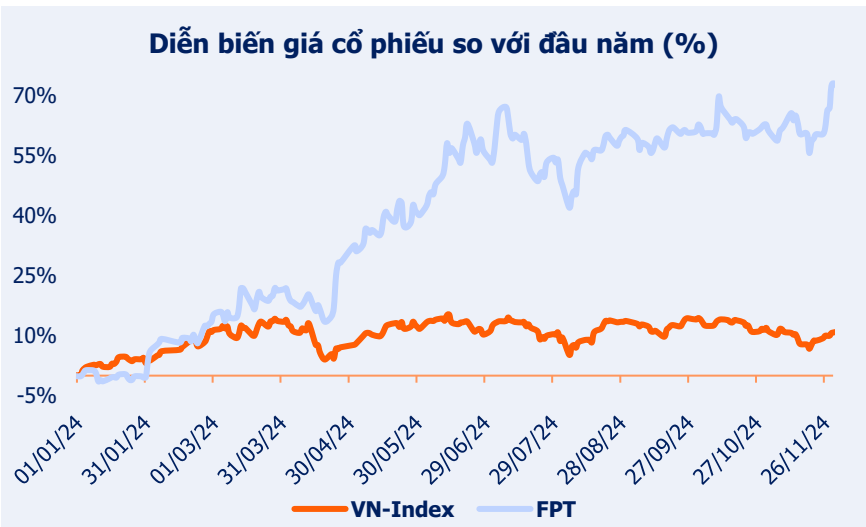
DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024



CTCP FPT (HOSE – FPT)

(Quay về danh mục tổng hợp)

Giá hiện tại	144.300	(tỷ đồng)	Q4/2023	Q1/2024	Q2/2024	Q3/2024	KH2024
Giá mục tiêu PTKT	150.000-152.000	Doanh thu	14.690,41	14.092,93	15.245,23	15.902,82	61.850,00
Giá cao nhất tháng 10	144.300	% yoy	12,64%	20,64%	22,11%	15,56%	17,55%
Vốn hóa (tỷ VND)	212.275	Lãi sau thuế	2.051,24	2.160,27	2.287,71	2.478,60	8.700,00
EPS ttm	5.125	% yoy	26,63%	19,36%	23,29%	19,40%	11,71%
BV	20.331	Tổng tài sản	60.325,28	62.024,71	65.286,25	67.581,59	
PE trailing	28,16	Vốn chủ sở hữu	29.948,35	31.727,10	31.727,10	32.736,44	
PB trailing	7,10	ROA (%)	11,55	11,06	11,44	11,74	
		ROE (%)	33,85	27,21	27,75	27,49	
		Biên lãi gộp (%)	38,34	39,10	37,07	38,73	
		Biên lãi ròng (%)	13,96	15,33	15,01	15,59	



- Nằm trong số những công ty công nghệ, nhà cung cấp Internet hàng đầu Việt Nam. Các mảng hoạt động chủ đạo (xuất khẩu phần mềm, hệ thống thông tin, đường truyền Internet..) hưởng lợi từ xu hướng chuyển đổi số trên thế giới và Việt Nam. Tình hình tài chính vững mạnh, lượng tiền 26.750 tỷ đồng (41% tổng tài sản và 83% tổng nợ phải trả), nợ vay thấp (25% tổng vốn).
- Đẩy mạnh M&A tại Mỹ (năm 2023 mua lại 3 công ty công nghệ) với kỳ vọng tăng gấp đôi doanh thu dịch vụ kỹ thuật sản phẩm trong vòng hai năm tới. Ngày 1/3/24 mua lại 100% vốn của NAC-công ty dịch vụ CNTT tại Nhật. Ký MOU với JIT thuộc JAL để phát triển hệ thống CNTT cho lĩnh vực hàng không tại Nhật Bản. Ngày 24/9 ký hợp tác với Metrodata (Indonesia) thành lập liên doanh AI, Cloud và Security. HĐQT quyết định tăng vốn công ty Smart Cloud (FPT nắm 100%) từ 200 tỷ lên 1.000 tỷ đồng. Ngày 13/11/24, ra mắt 2 AI Factory tại Nhật Bản và Việt Nam vốn đầu tư ban đầu 100 triệu USD và sẽ bắt đầu mang lại doanh thu từ 2025.
- Lũy kế 10 tháng đạt 50.796 tỷ đồng doanh thu (+19,6% YoY) và 7.867 tỷ đồng lãi sau thuế (+20,5% YoY), tương ứng lần lượt 82,1% và 90,4% KH năm, EPS 9 tháng đạt 4.494đ. Mảng dịch vụ thị trường nước ngoài đạt 25.516 tỷ đồng doanh thu (+28,9% YoY) và 4.105 tỷ lợi nhuận (+26,8% YoY), giá trị hợp đồng ký mới đạt 26.924 tỷ đồng (+15,3%) trong đó có hợp đồng lớn nhất trong lịch sử trị giá 225 triệu USD. Tổ hợp giáo dục tại Thanh Hóa đã cất nóc và tại Huế đã được cấp phép, đề xuất lập tổ hợp giáo dục tại Hải Dương.
- SCIC lên kế hoạch thoái toàn bộ 5,8% vốn điều lệ của FPT trong thoái vốn đợt 2 năm 2024. Ngày 12/6/24 chốt danh sách trả cổ tức 10% bằng tiền và thưởng cổ phiếu tỷ lệ 20:3. Ngày 15/11 ĐHCĐ của LPB đã thông qua kế hoạch mua tối đa 5% vốn điều lệ của FPT. Ngày 2/12/24 chốt quyền tạm ứng cổ tức đợt 1/2024 bằng tiền tỷ lệ 10%.

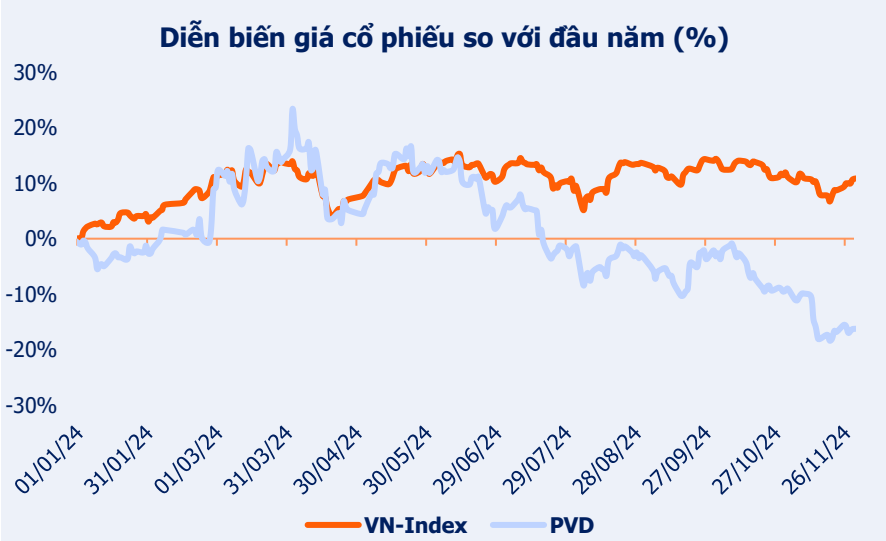
DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024



Tổng Công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (HOSE – PVD)

(Quay về danh mục tổng hợp)

Giá hiện tại	23.700	(tỷ đồng)	Q4/2023	Q1/2024	Q2/2024	Q3/2024	KH2024
Giá mục tiêu PTKT	29.000-30.000	Doanh thu	1.747,44	1.755,53	2.282,34	2.438,22	6.200,00
Giá cao nhất tháng 11	25.750	% yoy	19,82%	43,12%	61,81%	76,54%	6,82%
Vốn hóa (tỷ VND)	13.174	Lãi sau thuế	194,04	148,50	132,23	179,68	380,00
EPS ttm	1.211	% yoy	264,09%	184,21%	-16,09%	35,21%	-30,40%
BV	27.393	Tổng tài sản	21.650,09	22.515,43	23.354,73	23.002,06	
PE trailing	23,73	Vốn chủ sở hữu	14.894,25	15.306,78	15.306,78	15.741,82	
PB trailing	0,84	ROA (%)	2,74	3,09	2,88	2,97	
		ROE (%)	3,79	4,57	4,29	4,45	
		Biên lãi gộp (%)	22,79	25,66	20,93	18,41	
		Biên lãi ròng (%)	11,10	8,46	5,79	7,37	



- Công ty cung cấp dịch vụ khoan hàng đầu Việt Nam với 4 giàn khoan biển tự nâng, 1 giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm, 1 giàn khoan đất liền. Tình hình tài chính lành mạnh với 3.918 tỷ đồng tiền và tương đương tiền, tương ứng 119% nợ vay. Vốn chủ sở hữu đạt 15.741 tỷ đồng, gấp 2,07 lần tổng nợ phải trả.
- Toàn bộ các giàn khoan hoạt động xuyên suốt trong năm 2023 với hiệu suất hoạt động đạt 97,7%, hiệu suất sử dụng đạt 99,8%, Zero LTI. Năm 2023 tổng doanh thu đạt gần 6.200 tỷ đồng (+10,7% YoY = 115% kế hoạch), lãi sau thuế 540 tỷ đồng (+449% YoY = 540,6% kế hoạch). PVD không trả cổ tức năm 2023.
- Lũy kế 9 tháng đạt 6.480 tỷ đồng doanh thu (+60,7% YoY) và 460,7 tỷ lãi sau thuế (+33,9% YoY), tương ứng 104,5% KH doanh thu và 121,2% KH lợi nhuận năm. Đơn giá thuê giàn tự nâng tăng 14% trong quý III so với cùng kỳ và hiệu suất sử dụng giàn khoan cũng tăng từ 91,5% (QIII/2023) lên 100% trong quý III/2024. Giàn khoan PV DRILLING III có hợp đồng đến năm 2028 và có thể gia hạn thêm 2 năm. Giàn Drilling II đã ký gia hạn với khách hàng Indonesia tới hết 2028. Đang đầu tư thêm 01 giàn tự nâng dự kiến hoạt động từ Q4/2025.
- Ngày 23/6, PVD ký hợp đồng cung cấp giàn khoan tự nâng Thor (thuê của Borr Drilling) để phục vụ các chương trình khoan 70 ngày cho Hoàng Long JOC và 51 ngày cho Thăng Long JOC. HĐQT phê duyệt góp vốn 280.000USD lập liên doanh tại Indonesia để cung cấp dịch vụ cho thuê giàn khoan tự nâng và các dịch vụ kỹ thuật giếng khoan.
- Triển vọng: Giá dầu duy trì ở mức cao hỗ trợ giá thuê các giàn khoan của PVD tiếp tục tích cực, toàn bộ các giàn khoan đã ký hợp đồng cung cấp dịch vụ dài hạn tại nước ngoài. Dự án Lô B - Ô Môn theo kế hoạch vận hành từ 2026 sẽ tạo nguồn việc dài hạn cho các giàn khoan của PVD từ 2025 (PVD dự kiến đầu tư 2.115 tỷ đồng giàn khoan tự nâng 3 chân năm 2024).

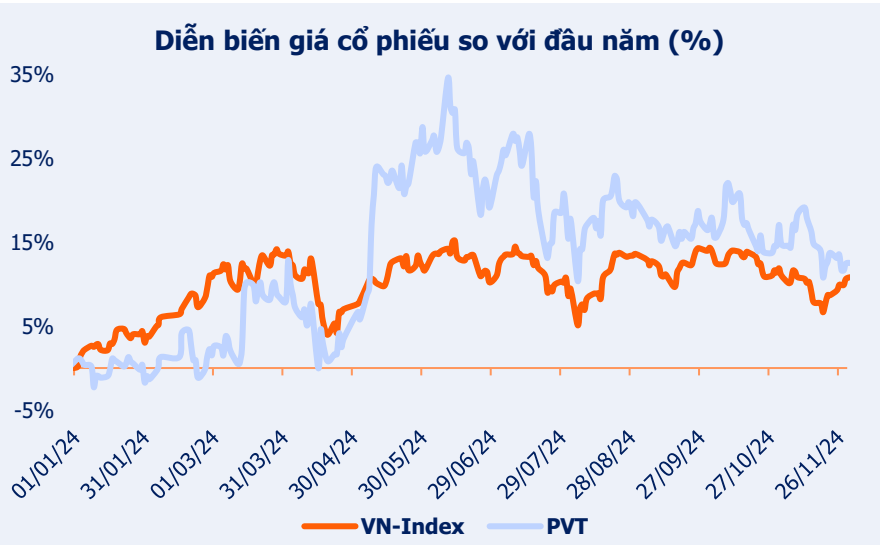
DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024



Tổng Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí (HOSE – PVT)

(Quay về danh mục tổng hợp)

Giá hiện tại	27.000	(tỷ đồng)	Q4/2023	Q1/2024	Q2/2024	Q3/2024	KH2024
Giá mục tiêu PTKT	31.500-33.000	Doanh thu	2.752,79	2.536,11	2.988,09	2.934,15	8.800,00
Giá cao nhất tháng 11	28.600	% yoy	12,88%	24,13%	41,28%	15,04%	-7,91%
Vốn hóa (tỷ VND)	9.612	Lãi sau thuế	267,73	306,17	372,63	522,10	760,00
EPS ttm	3.035	% yoy	-3,14%	27,49%	-4,52%	62,63%	-37,78%
BV	21.105	Tổng tài sản	17.466,21	17.601,98	17.593,27	18.828,81	
PE trailing	8,90	Vốn chủ sở hữu	9.026,38	9.351,19	9.351,19	9.512,73	
PB trailing	1,28	ROA (%)	6,13	6,07	5,74	6,23	
		ROE (%)	19,07	14,58	13,88	15,31	
		Biên lãi gộp (%)	18,21	20,74	23,78	21,53	
		Biên lãi ròng (%)	9,73	12,07	12,47	17,79	



- PVTrans là công ty vận tải dầu khí hàng đầu chuyên chở dầu thô, khí, hóa chất, than cho các đơn vị trong và ngoài tập đoàn PVN, sở hữu đội tàu hàng lỏng lớn nhất Việt Nam. Trong năm 2023, PVT đã đầu tư và thuê thêm 1 tàu chở hàng Supramax, 7 tàu chở dầu/hóa chất, 01 tàu chở LPG loại VLGC (Very Large Gas Carrier) sức chở 84.597 m3, 01 tàu LPG Coaster qua đó nâng đội tàu lên 52 chiếc (1,4 triệu DWT). Trong 10 tháng đầu năm bổ sung thêm 6 tàu mới, nâng đội tàu lên 58 chiếc (> 1,7 triệu tấn DWT).
- Năm 2023 đạt 9.487 tỷ đồng doanh thu (+4,8% YoY = 139,5% KH), 1.238,5 tỷ đồng lãi sau thuế (+7,1% YoY = 230,2% KH). Năm 2024 dự kiến đầu tư 80tr USD mua tàu chuyển tiếp và 52tr USD đầu tư mới 2 tàu MR/1 tàu Aframax, 262 tỷ đồng góp vốn vào các công ty thành viên như PVTrans Logistics, HH Thăng Long, Vận tải Đông Dương.
- Quý III/2024 PVT đạt doanh thu 2.934 tỷ đồng (-1,8% QoQ, +15,04% YoY), biên lãi gộp đạt 21,5% giảm nhẹ so với quý trước (23,3%) cao hơn so với cùng kỳ (20,2%), LNST đạt 522,1 tỷ đồng (+40,6% QoQ, +62,6% YoY) do trong kỳ ghi nhận 154 tỷ đồng lãi do bán tàu PVT Synergy. Lũy kế 9 tháng đạt 8.464 tỷ doanh thu (+26,2% YoY) và 1.200,9 tỷ đồng lãi sau thuế (+25,4% YoY), đạt 96,2% KH doanh thu và 158% kế hoạch lợi nhuận.
- Ngày 11/4/24, GDKHQ nhận cổ tức 2021 bằng cổ phiếu tỷ lệ 10%. Ngày 19/9 chốt quyền chia cổ tức 2023 bằng tiền 3%.
- Catalyst: việc mở rộng đội tàu giúp gia tăng doanh thu và lợi nhuận, nhu cầu vận tải dầu khí hồi phục. Tiềm năng từ chính sách phát triển nhiệt điện chạy khí LNG theo quy hoạch VIII kéo theo nhu cầu chuyên chở LNG tăng cao. Giá cho thuê tiếp tục duy trì trên mức nền cao của năm 2023.

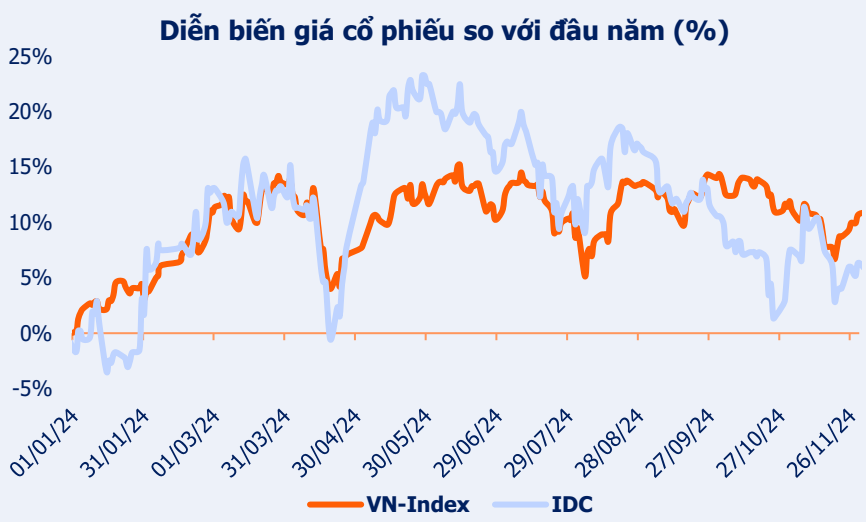
DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024



Tổng Công ty IDICO – CTCP (HNX – IDC)

(Quay về danh mục tổng hợp)

Giá hiện tại	55.400	(tỷ đồng)	Q4/2023	Q1/2024	Q2/2024	Q3/2024	KH2024
Giá mục tiêu PTKT	65.000-66.000	Doanh thu	2.239,31	2.467,06	2.148,49	2.275,53	8.466
Giá cao nhất tháng 11	58.000	% yoy	85,38%	115,15%	-10,76%	57,64%	+13,2%
Vốn hóa (tỷ VND)	18.282	Lãi sau thuế	623,06	797,17	583,87	574,35	2.502*
EPS ttm	6.636	% yoy	169,41%	354,99%	-11,88%	195,27%	+21,6%
BV	15.965	Tổng tài sản	17.731,90	17.386,39	17.544,50	18.134,92	
PE trailing	8,35	Vốn chủ sở hữu	6.204,23	6.492,10	6.492,10	6.138,05	
PB trailing	3,47	ROA (%)	8,02	11,26	10,58	12,37	
		ROE (%)	33,38	39,83	38,07	43,41	
		Biên lãi gộp (%)	36,67	44,52	37,69	34,86	
		Biên lãi ròng (%)	27,82	32,31	27,18	25,24	



- IDC sở hữu 12 KCN nằm ở các vị trí thuận lợi với tổng diện tích 4.010ha ở miền Bắc và miền Nam (hiện còn 580 ha quỹ đất sẵn sàng cho thuê tại 5 dự án KCN như Phú Mỹ 2, Phú Mỹ 2 mở rộng, Hựu Thạnh, Cầu Nghìn, Quế Võ 2). Backlog diện tích đất chưa ghi nhận tính đến cuối 2023 là 156ha (hơn 30 ha ký năm 2022 và 126 ha ký năm 2023). Giá cho thuê đất tại KCN Hựu Thạnh, Quế Võ 2 và Cầu Nghìn lần lượt tăng 6%, 3% và 18% so với cùng kỳ năm 2022. Năm 2024 đặt KH cho thuê mới 145ha đất và 50.000m2 nhà xưởng. Giá trị đầu tư mới 3.134 tỷ đồng (+140% YoY) trong đó 1.579 tỷ cho dự án KCN, 865 tỷ cho dự án nhà ở, 406 tỷ cho dự án năng lượng.
- Năm 2024, IDC đặt kế hoạch doanh thu +13,2%, lãi sau thuế +21,6%, cổ tức 2023 là 40% bằng tiền (đã tạm ứng 35%), cổ tức năm 2024 là 40%. Quý III/2024 IDC đạt doanh thu 2.275,5 tỷ đồng (+5,9% QoQ, +57,6% YoY), LNST 574,3 tỷ đồng (+1,6% QoQ, +195,3% YoY). Lũy kế 9 tháng đạt 6.891 tỷ đồng doanh thu (+37,9% YoY) và 1.955 tỷ lãi sau thuế (+89,4% YoY), tương ứng 81,4% và 98% kế hoạch năm trong đó 272 tỷ đồng lợi nhuận chuyển nhượng đất tại dự án KĐT phường 6, Tân An (IDC sở hữu 51%) cho Aeon. So với đầu năm, doanh thu chưa thực hiện tăng gấp 2 lần lên 1.352 tỷ đồng, nợ vay giảm 24,7% xuống 2.651 tỷ đồng (23% tổng nợ phải trả), tiền mặt tăng 30% lên 2.920 tỷ đồng (63,4% nợ ngắn hạn).
- IDC có kế hoạch mở rộng tổng quỹ đất thêm từ 2.430ha - 2.820ha trong 5 năm tới. IDC đã được duyệt dự án KCN Mỹ Xuân B1 mở rộng (110ha – 2.000 tỷ đồng) và KCN Tân Phước 1 (470 ha-5.900 tỷ đồng) tại Tiền Giang. IDC quyết định góp 550 tỷ đồng thành lập công ty con IDICO Vinh Quang tại Hải Phòng để đầu tư xây dựng, kinh doanh đô thị, khu công nghiệp. KCN Vinh Quang (1.000 ha) đã hoàn thành quy hoạch 1/2.000 và dự kiến được phê duyệt đầu tư trong năm 2025.
- Ngày 04/6/2024 là ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền chi trả cổ tức bằng tiền 5% đợt 3 năm 2023 và tạm ứng cổ tức bằng tiền đợt 1/2024 với tỷ lệ 20%.

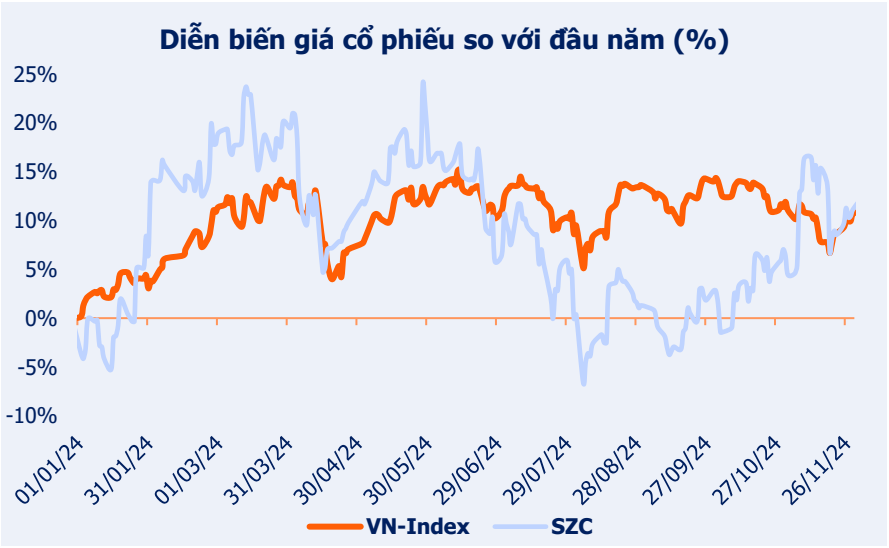
DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024



CTCP Sonadezi Châu Đức (HOSE – SZC)

(Quay về danh mục tổng hợp)

Giá hiện tại	40.700	(tỷ đồng)	Q4/2023	Q1/2024	Q2/2024	Q3/2024	KH2024
Giá mục tiêu PTKT	44.000-45.000	Doanh thu	258,51	213,72	262,43	164,76	881,09
Giá cao nhất tháng 11	42.650	% yoy	32,12%	238,36%	-8,93%	-20,83%	7,72%
Vốn hóa (tỷ VND)	7.325	Lãi sau thuế	56,06	65,08	102,23	59,59	228,15
EPS ttm	1.604	% yoy	49,23%	453,70%	6,52%	8,17%	4,24%
BV	16.836	Tổng tài sản	6.961,13	8.057,49	8.250,99	8.206,99	
PE trailing	25,37	Vốn chủ sở hữu	1.737,32	2.971,31	2.971,31	2.970,73	
PB trailing	2,42	ROA (%)	3,29	3,92	3,75	3,60	
		ROE (%)	13,38	13,58	11,90	10,57	
		Biên lãi gộp (%)	35,84	46,09	56,98	51,93	
		Biên lãi ròng (%)	21,69	30,45	38,95	36,17	



- SZC sở hữu quỹ đất cho thuê lớn với tổng diện tích khoảng 2.135 ha (trong đó khoảng 600ha để phát triển KĐT).
- Năm 2023 đạt 818 tỷ đồng doanh thu (-4,7% YoY = 89,4% KH), 218,8 tỷ lãi sau thuế (+10,9% YoY = 104% KH). Năm 2024, SZC đặt kế hoạch doanh thu +5,5% YoY và LNST +4,6% YoY, cổ tức 10%, chi gần 450 tỷ cho đầu tư xây dựng cơ bản và 1.089 tỷ đồng giải phóng mặt bằng cho KCN diện tích 92,99ha. Quý III đạt 164,7 tỷ đồng doanh thu (-37,2% QoQ, -20,8% YoY), 59,6 tỷ đồng lãi sau thuế (-41,6% QoQ, +8,2% YoY). Lũy kế 9 tháng đạt 641 tỷ đồng doanh thu (+14,6% YoY) và 226,9 tỷ đồng lãi sau thuế (+39,4% YoY), tương ứng 72,7% KH doanh thu và 99,4% KH lợi nhuận.
- Phát hành thành công 99,97% lượng cổ phiếu chào bán tỷ lệ 2:1 giá 20.000 đồng/cp để bổ sung nguồn vốn đầu tư dự án KCN Châu Đức (1.556ha), tái cơ cấu nợ vay và thanh toán lãi gốc trái phiếu đến hạn. Ngày 14/5/2024 ký hợp đồng cho thuê lại 18ha đất tại KCN Châu Đức với Công ty TNHH Electronic Tripod Việt Nam để đầu tư nhà máy 250 triệu USD.
- Cổ đông Tổng Công ty Sonadezi (SZN) phê duyệt Đề án tái cơ cấu tổng công ty giai đoạn 2021-2025, theo đó SZN sẽ thoái vốn tại SZC từ 46,84% hiện tại xuống còn 36%. HĐQT thông qua phương án tăng giới hạn cho vay dài hạn là 3.000 tỷ đồng gồm giới hạn cho vay dài hạn đã cấp là 1.600 tỷ đồng và giới hạn cho vay dài hạn cấp mới là 2.000 tỷ đồng để tiếp tục thực hiện triển khai đầu tư dự án Khu công nghiệp Châu Đức.
- Ngày 24/4/2024 chốt danh sách chia cổ tức năm 2023 bằng tiền, tỷ lệ 10%.

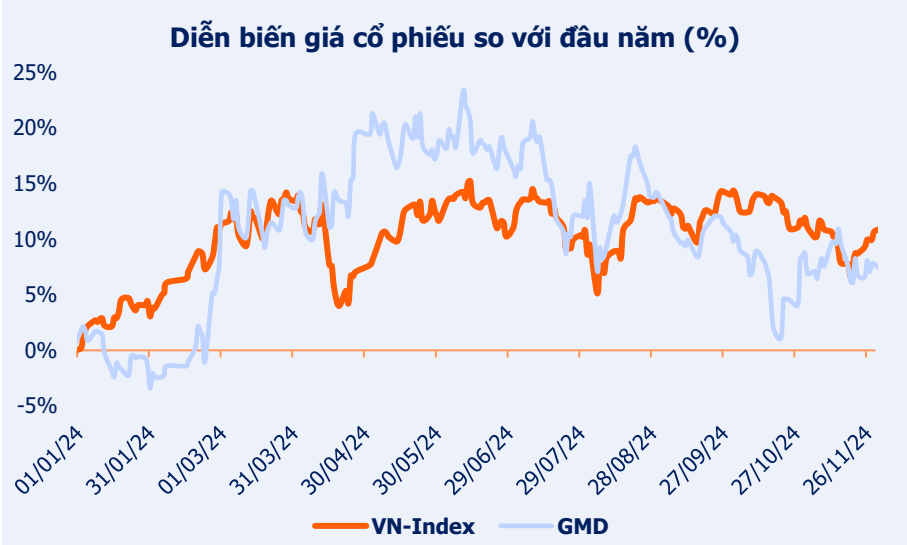
DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024



CTCP Gemadept (HOSE – GMD)

(Quay về danh mục tổng hợp)

Giá hiện tại	64.700	(tỷ đồng)	Q4/2023	Q1/2024	Q2/2024	Q3/2024	KH2024
Giá mục tiêu PTKT	67.000-68.000	Doanh thu	1.033,81	1.005,54	1.150,90	1.264,11	4.000
Giá cao nhất tháng 11	66.600	% yoy	-3,01%	11,48%	26,17%	26,68%	+4,03%
Vốn hóa (tỷ VND)	26.785	Lãi sau thuế	191,54	655,99	445,09	448,38	1.348,8
EPS ttm	3.555	% yoy	-11,14%	157,41%	-74,08%	32,48%	-46,7%
BV	24.912	Tổng tài sản	13.542,10	14.338,01	14.743,63	14.366,41	
PE trailing	18,20	Vốn chủ sở hữu	9.706,54	10.390,81	10.390,81	10.818,35	
PB trailing	2,60	ROA (%)	16,72	18,71	9,01	9,40	
		ROE (%)	32,32	29,62	14,14	14,78	
		Biên lãi gộp (%)	41,17	43,85	44,36	45,99	
		Biên lãi ròng (%)	18,53	65,24	38,67	35,47	



- Một trong các nhà khai thác cảng biển và logistics hàng đầu tại Việt Nam với 8 cảng biển (năng lực 3,45 triệu TEU, 2 triệu tấn hàng rời) trong đó Gemalink nằm trong Top 19 cảng trên thế giới có khả năng tiếp nhận tàu Megaship (250.000 Dwt). Sản lượng container qua các cảng của GMD năm 2023 đạt trên 3tr TEU = 12,2% thị phần cả nước. Ngày 24/5/2023 khai thác GD2 cảng Nam Đình Vũ có công suất 1,4tr TEU/năm. Ngày 16/4/24, hoàn thành chuyển nhượng toàn bộ 99,98% cổ phần tại CTCP Cảng Nam Hải (NHP).
- Năm 2023 đạt 3.846 tỷ đồng doanh thu (-1% YoY), 3.144 tỷ đồng lãi trước thuế (+140% YoY). KH 2024 doanh thu tăng 4,03%, lợi nhuận giảm 46,7% do không còn lãi bất thường, chia cổ tức 2023 bằng tiền tỷ lệ 22%. Quý III đạt 1.264 tỷ đồng doanh thu (+9,8% QoQ, +26,7% YoY), lãi sau thuế đạt 448 tỷ đồng (+0,7% QoQ, +32,5%YoY) nhờ ghi nhận lãi từ CTCP cảng Cái Mép (công ty liên kết). Lũy kế 9 tháng đạt 3.420,5 tỷ đồng doanh thu (+21,6%) và 1.549,4 tỷ lãi sau thuế (-32,9% YoY) do cùng kỳ ghi nhận lãi thoái vốn Nam Hải Đình Vũ, hoàn thành lần lượt 85,5% và 114,8% kế hoạch năm.
- Dự án Nâng cấp luồng hàng hải trước cảng Nam Đình Vũ hoàn thành, hạ độ sâu luồng từ -7m xuống -8,5m để tiếp nhận tàu lên đến 48.000 DWT. Ngày 15/7/2024 chốt trả cổ tức 2023 bằng tiền tỷ lệ 22%. Ngày 22/10/24, chốt quyền mua PHT cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 33,33% giá 29.000đ/cổ phiếu, hạn nộp tiền 21/11/2024.
- Câu chuyện đầu tư: Từ 15/2/2024 tăng 10% giá sàn đối với phí bốc dỡ container quốc tế (khu vực Cái Mép-Thị Vải nâng cả giá trần thêm 10% và cảng Gemalink có thể tăng thêm 10% so với khung giá thông thường; Dự án GD3 cảng Nam Đình Vũ (600.000TEU/năm) dự kiến vận hành từ 2025. Dự án Gemalink - Giai đoạn 2 (39ha, 1,5 triệu TEU/năm) dự kiến hoàn thành 2025; Thoái vốn mảng bất động sản; Kim ngạch XNK phục hồi tốt, 10 tháng đầu năm 2024 tăng 15,8% so cùng kỳ.

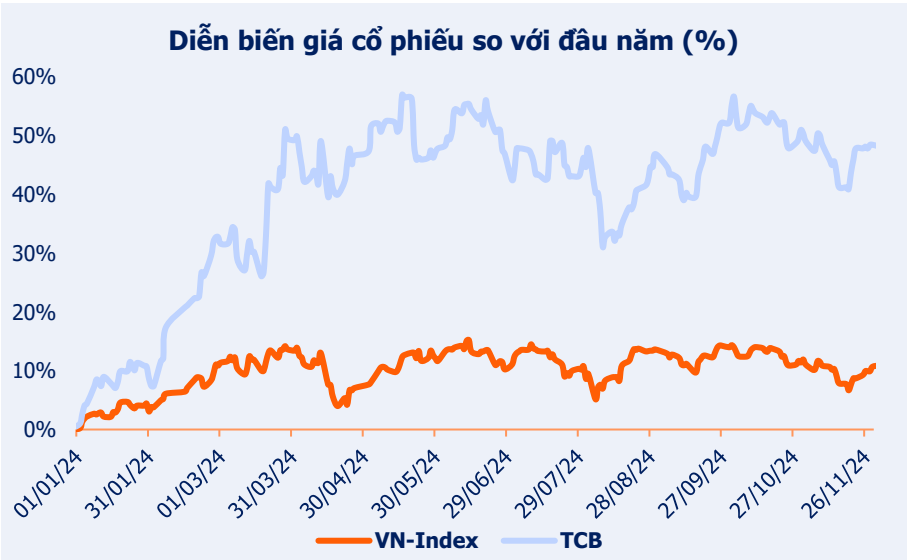
DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024



Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (HOSE – TCB)

(Quay về danh mục tổng hợp)

Giá hiện tại	23.600	(tỷ đồng)	Q4/2023	Q1/2024	Q2/2024	Q3/2024	KH2024
Giá mục tiêu PTKT	25.500-26.500	Tổng thu nhập hoạt động	11.017,45	12.261,77	13.419,70	11.754,34	-
Giá cao nhất tháng 11	23.900	% yoy	16,87%	31,85%	43,91%	12,82%	-
Vốn hóa (tỷ VND)	166.263	Lãi sau thuế	4.481,62	6.277,00	6.269,97	5.793,02	21.680,00
EPS ttm	3.20	% yoy	25,46%	38,35%	39,23%	24,08%	19,18%
BV	20.288	Tiền gửi khách hàng	454.660,78	458.040,69	481.860,24	494.954,02	
PE trailing	7,36	Cho vay khách hàng	518.641,57	559.276,89	592.083,27	626.290,78	616.031
PB trailing	1,16	Nợ xấu(%)	1,16	1,13	1,23	1,29	<1,5
		ROE (%)	14,84	15,36	16,21	16,52	
		NIM(%)	4,02	4,07	4,26	4,25	
		Biên lãi ròng (%)	40,68	51,19	46,72	49,28	



- Tăng trưởng tín dụng tích cực.** Tính đến hết Q3/2024, tăng trưởng tín dụng của TCB đạt 17,4% YtD, cao hơn nhiều so với mức tăng khoảng 9% tính đến 17/10 của toàn hệ thống hiện tại. Cơ cấu tín dụng nhóm BĐS & VLXD vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất (chiếm 62%) nhưng không tăng trong quý.
- CASA duy trì lợi thế dẫn đầu.** TCB tăng cường thu hút tiền gửi thông qua việc đẩy mạnh sản phẩm sinh lời tự động, tỷ lệ CASA là 40,4% cuối Q3/2024, tổng số dư ghi nhận 200 nghìn tỷ đồng. Đây là lợi thế giúp TCB duy trì chi phí vốn thấp và tăng biên lợi nhuận cho ngân hàng. Đáng chú ý, với vai trò là nhà tài trợ concert ATVNCG, TCB áp dụng chương trình tặng khoảng 17.000 vé cho khách hàng gửi tiền tại ngân hàng. Ước tính tổng số tiền tối thiểu TCB có thể huy động được từ chương trình tặng vé này là gần 2.200 tỷ đồng, tương đương 1% CASA hiện tại.
- Mảng bảo hiểm của TCB đang trong giai đoạn thay đổi định hướng.** Với việc kết thúc hợp đồng độc quyền với đối tác Manulife, TCB phải trả một khoản phí 1,8 nghìn tỷ đồng ghi nhận trong Q4/2024. TCB cũng cho biết sẽ tham gia sâu hơn vào mảng bảo hiểm này trong thời gian tới và chủ động tìm kiếm đối tác bảo hiểm phù hợp hơn.
- Chất lượng tài sản duy trì lành mạnh.** Tỷ lệ nợ xấu (NPL) của TCB Q3/2024 được kiểm soát ở mức 1,35% (+7bps QoQ). NPL trước CIC là 1,16%. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLR) đạt 103%. Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) cao, lên mức 15,1% trong Q3/2024.

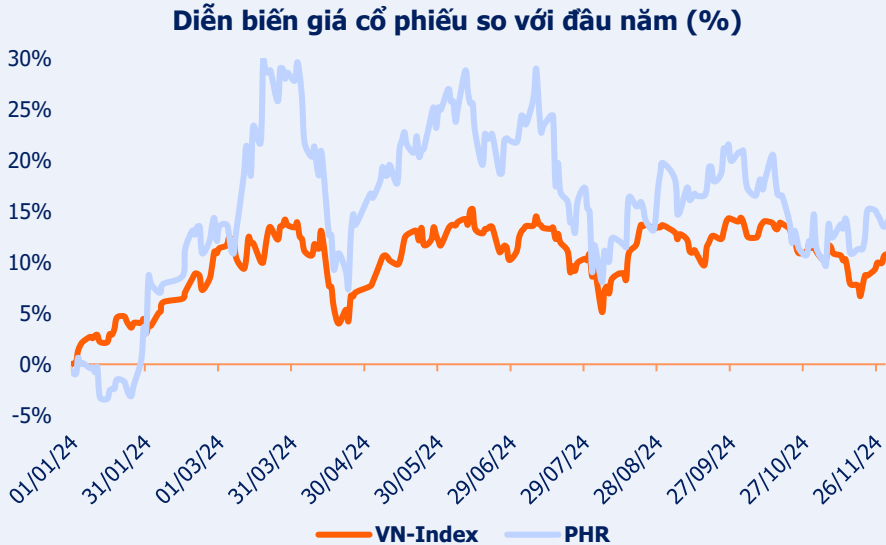
DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024



CTCP Cao su Phước Hòa (HOSE – PHR)

(Quay về danh mục tổng hợp)

Giá hiện tại	56.400	(tỷ đồng)	Q4/2023	Q1/2024	Q2/2024	Q3/2024	KH2024
Giá mục tiêu PTKT	63.000-64.000	Doanh thu	461,07	323,36	271,95	411,71	1.455
Giá cao nhất tháng 11	57.200	% yoy	-20,05%	-0,89%	145,52%	-9,10%	-10%
Vốn hóa (tỷ VND)	7.642	Lãi sau thuế	158,48	78,44	70,33	104,18	245
EPS ttm	2.84	% yoy	-63,51%	-66,41%	-44,78%	-27,83%	-47%
BV	28.846	Tổng tài sản	6.160,97	5.989,73	5.994,64	6.041,71	
PE trailing	19,86	Vốn chủ sở hữu	3.816,04	3.899,86	3.899,86	3.988,82	
PB trailing	1,96	ROA (%)	9,92	7,73	6,78	6,40	
		ROE (%)	19,07	13,12	11,16	10,26	
		Biên lãi gộp (%)	19,11	22,41	21,16	20,11	
		Biên lãi ròng (%)	34,37	24,26	25,86	25,30	



- PHR đang quản lý 15.084 ha cây cao su tại Bình Dương, Campuchia, Daklak, 4 nhà máy chế biến mủ tổng công suất 53.000 tấn/năm. PHR hiện đang đầu tư vào 3 dự án BĐS KCN là Tân Bình (240ha, đã lấp đầy 100%), VSIP 3 (20% lãi gộp của 646ha ghi nhận từ 2024) và Nam Tân Uyên mở rộng giai đoạn 2 (345ha, bắt đầu ghi nhận doanh thu cho thuê từ năm 2024).
- Năm 2023, PHR ghi nhận 1.351,02 tỷ đồng doanh thu, 663,74 tỷ đồng lãi sau thuế. Tình hình tài chính lành mạnh với lượng tiền mặt 2.143 tỷ đồng, nợ phải trả chiếm 38% tổng nguồn vốn và 61% vốn chủ sở hữu trong đó 57% (1.338 tỷ đồng) là doanh thu chưa thực hiện, PHR có lịch sử duy trì tỷ lệ trả cổ tức bằng tiền ổn định. Ngày 13/12/24 chốt quyền trả cổ tức 2023 tỷ lệ 30% bằng tiền, dự kiến thanh toán 27/12/24.
- Quý 3 doanh thu PHR đạt 411,71 tỷ đồng (-9,1% YoY), lãi sau thuế đạt 104,18 tỷ đồng (-27,8% YoY). Lũy kế 9 tháng đạt 1.007,02 tỷ đồng doanh thu (+13,15% YoY nhờ giá bán mủ tăng so với cùng kỳ) và 252,95 tỷ đồng lãi sau thuế (-49,9% YoY do năm 2023 PHR ghi nhận tiền đền bù khi bàn giao đất thực hiện dự án VSIP 3).
- Triển vọng: Giá cao su thế giới trung bình 11 tháng năm 2024 tăng 53,4% YoY do tình trạng thiếu hụt nguồn cung cao su tự nhiên, đặc biệt là từ Thái Lan và Indonesia. Giá XK cao su VN tháng 9/2024 tăng hơn 30% so với cùng kỳ; Giai đoạn 2021 – 2025 và tầm nhìn đến 2030, PHR dự kiến sử dụng 4.992 ha để quy hoạch KCN, 1.018 ha quy hoạch cụm công nghiệp (8 cụm công nghiệp ở huyện Phú Giáo, 4 cụm công nghiệp ở huyện Bắc Tân Uyên và 2 cụm công nghiệp ở huyện Bàu Bàng), 1.300 ha quy hoạch khu dân cư. PHR sẽ tập trung hoàn thiện pháp lý triển khai KCN Tân Bình mở rộng (1.055ha), làm chủ đầu tư KCN-Đô thị-Dịch vụ Hội Nghĩa (715ha) Bình Mỹ (1.002ha), KCN Tân lập 1 (201,62ha) dự kiến bắt đầu cho thuê từ 2025.

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

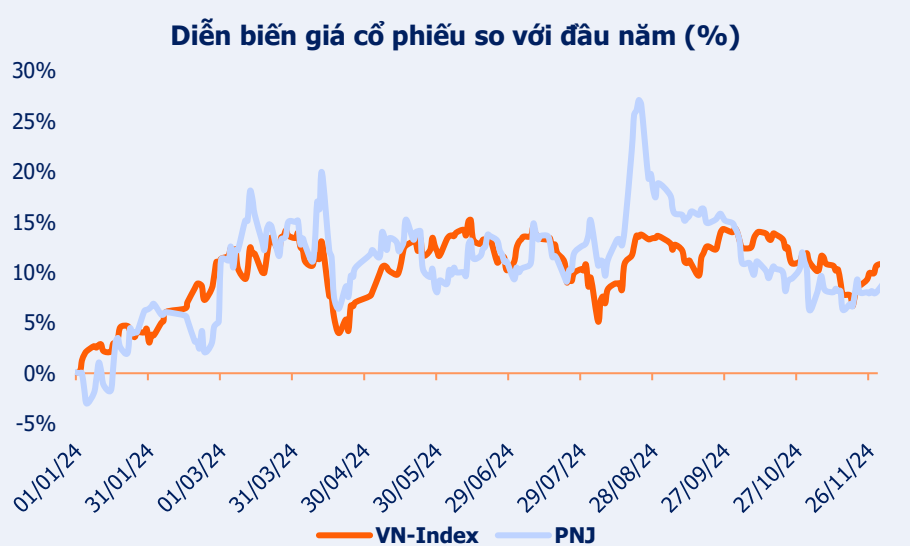


CTCP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (HOSE – PNJ)

(Quay về danh mục tổng hợp)

Giá hiện tại	92.900
Giá mục tiêu PTKT	110.000-115.000
Giá cao nhất tháng 11	94.300
Vốn hóa (tỷ VND)	31.391
EPS ttm	6.05
BV	31.146
PE trailing	15,36
PB trailing	2,98

(tỷ đồng)	Q4/2023	Q1/2024	Q2/2024	Q3/2024	KH2024
Doanh thu	9.760,38	12.593,84	9.518,70	7.129,61	37.147,63
% yoy	17,57%	28,57%	42,85%	3,07%	12,10%
Lãi sau thuế	631,97	737,81	428,40	215,84	2.089,20
% yoy	35,49%	-1,44%	26,90%	-14,80%	5,99%
Tổng tài sản	14.429,94	12.968,93	12.967,71	14.962,49	
Vốn chủ sở hữu	9.806,57	10.474,38	10.474,38	10.714,81	
ROA(%)	14,20	14,54	15,36	14,56	
ROE (%)	21,60	20,16	20,30	19,40	
Biên lãi gộp (%)	17,94	17,07	15,56	17,54	
Biên lãi ròng (%)	6,47	5,86	4,50	3,03	



- Công ty hàng đầu về sản xuất và kinh doanh trang sức tại Việt Nam.
- Năm 2023 đạt 33.137 tỷ đồng doanh thu (-2,2% YoY), lãi sau thuế 1.971 tỷ đồng (+8,9% YoY), hoàn thành 93% kế hoạch doanh thu và 101,7% kế hoạch lợi nhuận. Biên lãi gộp trung bình cả năm 2023 đạt 18,3% so với mức 17,5% của năm 2022. Năm 2024, đặt kế hoạch 37.747 tỷ doanh thu (+12,1% YoY), 2089 tỷ lãi sau thuế (+6% YoY), cổ tức 20% bằng tiền.
- Quý III/2024 đạt 7.129 tỷ đồng doanh thu (-25% QoQ, +3,1% YoY), lợi nhuận sau thuế -14,8% YoY (215,8 tỷ đồng) do chi phí thuế trong kỳ tăng. Lũy kế 10 tháng, doanh thu đạt 32.371 tỷ đồng (+22,7% YoY), lãi sau thuế 1.600 tỷ đồng (+4,4% YoY), tương ứng 87,1% và 76,6% kế hoạch năm 2024. Doanh thu vàng miếng 9 tháng tăng mạnh 33,9% YoY trong khi trang sức bán lẻ tăng 16,5% YoY, bán buôn tăng 32,7% YoY. Biên lãi gộp trung bình 9 tháng là 16,9% (quý III là 17,5%) so với 18,5% cùng kỳ. Trong 10 tháng đầu năm PNJ mở thêm 32 cửa hàng, đóng 11 cửa hàng, tổng cộng có 421 cửa hàng bao gồm 412 cửa hàng PNJ, 3 cửa hàng CAO Fine Jewellery, 5 cửa hàng Style by PNJ.
- Ngày 20/10/2023, GDKHQ trả cổ tức đợt 3 năm 2022 bằng tiền tỷ lệ 8%. Ngày 15/3/2024 chốt quyền tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2024 bằng tiền tỷ lệ 6%. Ngày 2/10/24 chốt quyền trả cổ tức 2023 đợt 2 bằng tiền tỷ lệ 14%. Ngày 5/1/2024, đã hoàn thành phát hành 6.559.992 cổ phiếu ESOP giá 20.000đ/cp theo nghị quyết 2023. Đã phát hành 3,34 triệu cổ phiếu ESOP giá 20.000đ/cp, theo nghị quyết 2024, dự kiến chuyển giao trong quý IV.

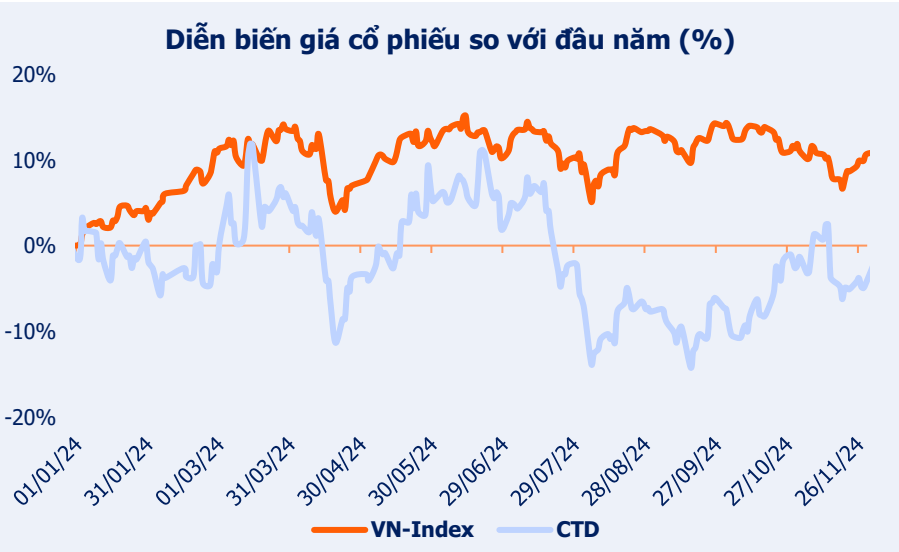
DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024



CTCP Xây dựng Coteccons (HOSE – CTD)

(Quay về danh mục tổng hợp)

Giá hiện tại	65.800	(tỷ đồng)	Q2/2024	Q3/2024	Q4/2024	Q1/2025	KH2025
Giá mục tiêu PTKT	78.000-81.000	Doanh thu	5.659,93	4.665,85	6.595,42	4.758,91	25.000
Giá cao nhất tháng 11	70.500	% yoy	-9,15%	49,09%	82,46%	15,40%	+18,8%
Vốn hóa (tỷ VND)	6.575	Lãi sau thuế	69,09	104,90	68,97	92,93	430,00
EPS ttm	3.338	% yoy	266,16%	375,49%	128,85%	39,46%	+38,9%
BV	86.861	Tổng tài sản	21.651,89	20.932,93	22.868,77	23.723,80	
PE trailing	19,71	Vốn chủ sở hữu	8.407,43	8.519,71	8.519,71	8.591,27	
PB trailing	0,76	ROA(%)	0,93	1,28	1,44	1,51	
		ROE (%)	2,26	3,23	3,66	3,93	
		Biên lãi gộp (%)	2,99	4,73	3,37	4,32	
		Biên lãi ròng (%)	1,22	2,25	1,05	1,95	



- CTD là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực xây dựng nhà ở, thương mại, và gần đây là công nghiệp với việc trúng gói thầu xây dựng nhà máy sản xuất đồ chơi tỷ đô của LEGO và dự án của Foxconn.
- Cả năm niên độ tài chính đạt 21.045 tỷ doanh thu (+30,8% YoY) và lãi sau thuế 309,6 tỷ đồng (+358% YoY), tương ứng 118% KH doanh thu và 112% KH lợi nhuận. Giá trị backlog trong các năm tới dự kiến 30.000 tỷ đồng trong đó năm 2025 là 20.000 tỷ đồng. Đặt KH 2025 doanh thu 25.000 tỷ đồng (+19%) và 430 tỷ đồng lãi sau thuế (+39%). Quý I niên độ 2025 đạt 4.759 tỷ đồng doanh thu (-27,8% QoQ, +15,4% YoY), biên lợi nhuận gộp đạt 4,3% so với 3,3% (quý III) và 2,4% cùng kỳ, lãi sau thuế đạt 92,9 tỷ đồng (+34,8% QoQ, +39,4% YoY), tương ứng 19% và 21,6% KH năm.
- Ngày 9/2/2024, CTD hoàn tất thủ tục mua lại 100% vốn góp 2 công ty là Công ty TNHH Sinh Nam Metal (Việt Nam) – cung cấp Facade (nhôm kính, cung cấp nguyên liệu làm bề mặt công trình) và Công ty TNHH Cơ và Điện UG Việt Nam, đồng thời đã thành lập một công ty con ở Mỹ, đặt văn phòng tại bang Florida. Ngày 16/7/24, ký MOU với Daewoo Engineering & Construction (Hàn Quốc) để hợp tác tại các dự án EPC quy mô lớn tại Việt Nam & thế giới do Daewoo tham gia với tư cách là nhà thầu chính. Các quỹ của KIM đã mua thêm 200.000 cổ phần, nâng tỷ lệ lên 8,13%.
- Triển vọng: Dòng vốn FDI gia tăng kéo theo nhu cầu về hoạt động xây lắp công nghiệp trong và ngoài nước, CTD đã có uy tín từ hoạt động xây lắp các công trình lớn như Lego, Foxconn và đang gia tăng tỷ trọng mảng này trong backlog từ 14% lên 20%.; Thị trường bất động sản dự báo phục hồi từ năm 2025 sẽ hỗ trợ cho mảng xây lắp dân dụng của CTD.

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024



CTCP Đạm Cà Mau (HOSE – DCM)

(Quay về danh mục tổng hợp)

Giá hiện tại	36.900	(tỷ đồng)	Q4/2023	Q1/2024	Q2/2024	Q3/2024	KH2024
Giá mục tiêu PTKT	41.000-42.000	Doanh thu	3.565,57	2.744,04	3.863,35	2.634,45	11.878
Giá cao nhất tháng 11	38.050	% yoy	-20,03%	0,34%	17,39%	-12,49%	-5,73%
Vốn hóa (tỷ VND)	19.535	Lãi sau thuế	491,81	349,60	585,72	120,62	795
EPS ttm	2.616	% yoy	-51,01%	52,21%	87,30%	62,71%	-28,24%
BV	18.630	Tổng tài sản	15.277,98	15.743,58	16.835,57	15.419,83	
PE trailing	14,11	Vốn chủ sở hữu	9.993,19	10.290,89	10.290,89	9.795,20	
PB trailing	1,98	ROA(%)	7,54	7,98	9,57	9,76	
		ROE (%)	10,82	11,99	15,15	15,50	
		Biên lãi gộp (%)	24,28	25,86	16,07	14,23	
		Biên lãi ròng (%)	13,79	12,74	15,16	4,58	

Diễn biến giá cổ phiếu so với đầu năm (%)

- Một trong những công ty sản xuất phân bón lớn tại Việt Nam với sản phẩm chủ lực là Ure hạt đục và NPK, hiện chiếm thị phần 60% tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và xuất khẩu sang Campuchia, Hàn Quốc, Thái Lan, Philipines, Nhật Bản, Bangladesh.
- Năm 2023 đạt 12.601 tỷ đồng doanh thu (-20% YoY) và 1.108 tỷ đồng lãi sau thuế (-74% YoY). Tình hình tài chính vững mạnh với lượng tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn tại 30/09/2024 đạt 8.615,5 tỷ đồng, tương ứng 56% tổng tài sản và 1,6 lần nợ phải trả. Quý III đạt 2.634,4 tỷ đồng doanh thu (-12,5% YoY), lãi sau thuế đạt 120,62 tỷ đồng (+62,78% YoY). Lũy kế 9 tháng 2024, DCM đạt 9.242 tỷ đồng doanh thu (+2,3% YoY) và 1.056 tỷ lãi sau thuế (+71,42% YoY), hoàn thành 133% mục tiêu lợi nhuận năm.
- Dự án nhà máy tại KCN Long Mỹ, TP Quy Nhơn, xây dựng từ Quý I/2024 và hoạt động Quý I/2025, vốn đầu tư gần 120 tỷ đồng. Nhà máy sản xuất, phối trộn phân bón NPK+TE (khoảng 50.000 tấn/năm); đóng gói các loại phân bón (khoảng 50.000 tấn/năm); lưu trữ, kinh doanh phân bón, NVL sản phẩm phân bón khoảng 150.000 tấn/năm. DCM ký kết hợp tác với Wuhuan Engineering Co.,Ltd - một trong những công ty kỹ thuật hóa dầu lớn nhất Trung Quốc, nhằm nghiên cứu thị trường và phát triển sản phẩm; nghiên cứu nâng công suất Nhà máy Đạm Cà Mau; hợp tác để Đạm Cà Mau cung cấp dịch vụ bảo dưỡng, vận hành cho các dự án mới của Wuhuan. Hoàn thành mua 100% vốn góp công ty Phân bón Hàn - Việt (360.000 tấn NPK/năm). Ngày 13/09/2024, DCM ký kết hợp tác chiến lược với Samsung C&T để NK nguyên liệu và XK sản phẩm của DCM. Ngày 24/09/2024, DCM đã được UBND tỉnh Đồng Nai chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án kho cảng Nhơn Trạch với quy mô lớn.
- Triển vọng: Mặt hàng phân bón được phân vào nhóm chịu thuế GTGT 5%, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2025; nhu cầu phân bón ure từ các thị trường nhập khẩu sẽ tăng trở lại khi vụ Đông Xuân (lúa mì, gạo, ngô) bắt đầu.

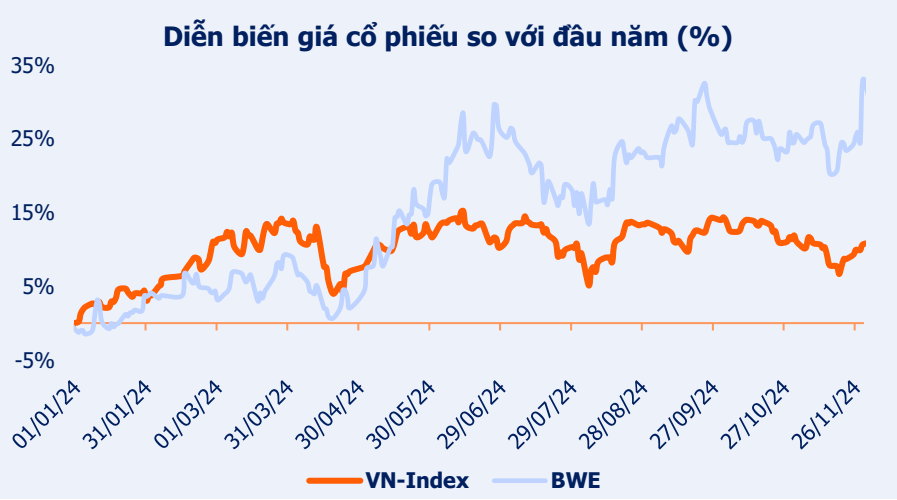
DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024



CTCP - Tổng công ty nước - môi trường Bình Dương (HOSE – BWE)

(Quay về danh mục tổng hợp)

Giá hiện tại	48.050	(tỷ đồng)	Q4/2023	Q1/2024	Q2/2024	Q3/2024	KH2024
Giá mục tiêu PTKT	49.000-50.000	Doanh thu	1.127,89	791,70	1.034,30	942,46	4.100,00
Giá cao nhất tháng 11	48.050	% yoy	8,11%	16,32%	17,95%	12,13%	16,28%
Vốn hóa (tỷ VND)	10.568	Lãi sau thuế	150,66	179,72	140,05	191,37	700,00
EPS ttm	2.433	% yoy	-11,56%	27,71%	-33,30%	7,45%	2,64%
BV	23.618	Tổng tài sản	12.108,12	11.980,28	12.140,47	12.582,81	
PE trailing	19,75	Vốn chủ sở hữu	4.957,38	5.028,11	5.028,11	5.173,48	
PB trailing	2,03	ROA(%)	6,10	6,11	5,35	5,26	
		ROE (%)	14,67	15,10	13,17	12,91	
		Biên lãi gộp (%)	42,50	49,54	39,76	41,87	
		Biên lãi ròng (%)	13,36	22,70	13,54	20,31	



- BWE là nhà khai thác, xử lý nước thuộc top 3 tại Việt Nam, lên tới 822.000 m3/ngày, độc quyền cấp nước tại tỉnh Bình Dương. Ngoài ra, công ty cũng cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý rác thải, chất thải tại Bình Dương. BWE đang tích cực mở rộng địa bàn hoạt động thông qua M & A các công ty cùng ngành tại Đồng Nai, Cần Thơ, Long An và Quảng Bình. BWE cũng đang có kế hoạch mở rộng đầu tư sang các tỉnh lân cận như Bình Phước, Bến Tre...
- Năm 2023 đạt 3.526 tỷ đồng doanh thu (+1,2% YoY), lãi 682 tỷ đồng (-8,6% YoY), trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 14%, cổ tức tiền mặt 2024 tối thiểu 13%. Lũy kế 6 tháng đạt 1.826 tỷ đồng doanh thu (+17,2% YoY), lãi sau thuế 317,6 tỷ đồng, -9,4% YoY do ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá 71 tỷ các khoản vay bằng USD. Quý III đạt 942,4 tỷ đồng doanh thu (-8,9% QoQ, +12% YoY), biên lãi gộp tăng từ 39,7% quý trước lên 41,8% (cùng kỳ 43,6%), lãi sau thuế đạt 191,3 tỷ đồng (36,6% QoQ, +7,4% YoY). Lũy kế 9 tháng đạt 2.768,4 tỷ đồng (+15,4% YoY), lãi sau thuế 511 tỷ đồng (-3,3%), hoàn thành 67,5% KH doanh thu và 73% KH lợi nhuận.
- Triển vọng: Nhu cầu tiêu thụ nước tăng tại các KCN tỉnh Bình Dương nhờ vốn FDI tăng, tỷ lệ đô thị hóa cao, giá nước kì vọng sẽ tiếp tục tăng 3%-5%/năm từ năm 2024 và nâng công suất nhà máy Nhị Thành thêm 60.000 m3/ngày, tăng công suất của Gia Tân năm 2025 đạt 40.000 đến 50.000 m3/ngày. Giá xử lý chất thải tăng (BWE đang đề xuất tăng 10% cho mảng dân cư) và mở rộng công suất (dây chuyền xử lý của nhà máy xử lý chất thải giai đoạn 4 tổng công suất 840 tấn/ngày và lò đốt rác tổng công suất 200 tấn/ngày hoàn thành trong năm 2024. Trong dài hạn, BWE đang đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng/thu mua 400ha đất mới tại huyện Phú Giáo, Bình Dương để xây dựng khu liên hợp xử lý chất thải Tân Long, mở rộng hoạt động kinh doanh xử lý chất thải.
- Ngày 17/05/2024 BWE trả cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 14%. HĐQT ngày 19/8 ra nghị quyết tham gia mua trên 50% cổ phần CTCP Nước Sài Gòn – Cần Thơ. HĐQT ngày 15/11 thống nhất mua cổ phần tại CTCP Đầu tư nước Tân Hiệp từ 20% - dưới 50%

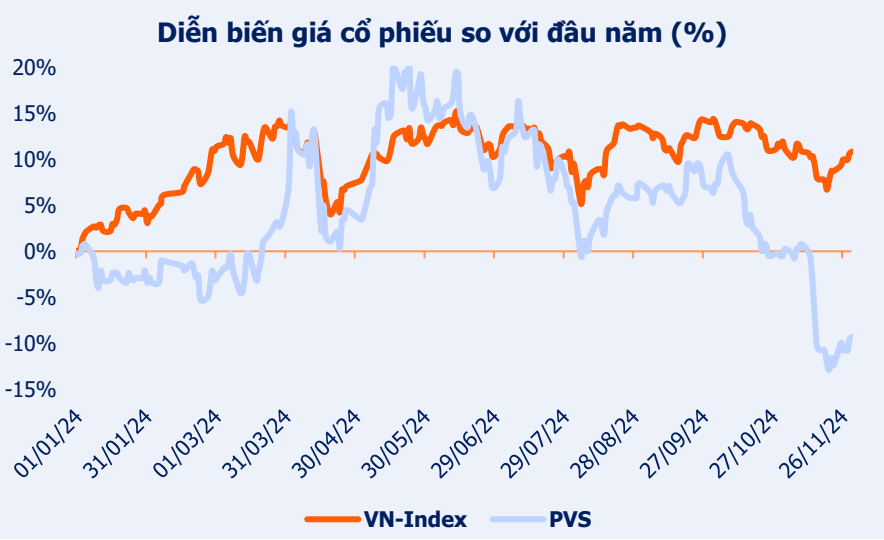
DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024



Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (HNX – PVS)

(Quay về danh mục tổng hợp)

Giá hiện tại	34.400	(tỷ đồng)	Q4/2023	Q1/2024	Q2/2024	Q3/2024	KH2024
Giá mục tiêu PTKT	39.000-40.000	Doanh thu	6.758,31	3.709,59	5.571,43	4.820,02	15.500
Giá cao nhất tháng 11	38.300	% yoy	27,89%	0,16%	18,24%	15,43%	-20%
Vốn hóa (tỷ VND)	16.442	Lãi sau thuế	293,24	304,74	209,27	192,70	660
EPS ttm	2.255	% yoy	-45,89%	33,94%	-10,99%	34,23%	-26,5%
BV	27.623	Tổng tài sản	26.401,14	25.468,21	26.932,27	27.342,45	
PE trailing	15,26	Vốn chủ sở hữu	13.383,63	13.935,60	13.935,60	13.944,30	
PB trailing	1,25	ROA(%)	3,92	3,54	3,44	3,46	
		ROE (%)	8,43	7,46	7,12	7,01	
		Biên lãi gộp (%)	5,57	6,97	4,31	6,92	
		Biên lãi ròng (%)	4,34	8,21	3,76	4,00	



- Năm 2023 đạt doanh thu 19.349 tỷ đồng (+18,2% YoY=146,5% KH), lãi sau thuế 899,4 tỷ đồng (-14,4% YoY=160,6% KH) do biên lãi gộp giảm (4,9% so với 6,2% năm 2022) và chi phí quản lý, tài chính tăng. Tiền mặt và tiền gửi NH đạt 10.116 tỷ đồng, tương ứng 38,3% tổng tài sản và 78% nợ phải trả. Cổ tức 2023 bằng tiền tỷ lệ 7%, cổ tức 2024 dự kiến 7% bằng tiền. Quý III đạt 4.820 tỷ đồng doanh thu (-13,4% QoQ, +15,4% YoY), lãi sau thuế 192,7 tỷ đồng (-7,9% QoQ, +34% YoY). Lũy kế 9 tháng đạt 14.101 tỷ doanh thu (+12% YoY), 706,7 tỷ đồng lãi sau thuế (+16,6% YoY) hoàn thành 91% KH doanh thu và 107% KH lợi nhuận.
- PVS đang thực hiện chế tạo 33 kết cấu móng chân đế cho trang trại điện gió ngoài khơi Đà Loan, hợp đồng thiết kế, chế tạo và chạy thử 9 trạm biến áp ngoài khơi bàn giao 2024-2026 cho trang trại điện gió ngoài khơi tại Đà Loan và Ba Lan, tổng giá trị 1,5 tỷ USD. Ngày 27/11 PVS đã khởi công thi công các trạm biến áp cho dự án tại Ba Lan và dự kiến hoàn thành nửa đầu năm 2026.
- Ngày 31/7 bàn giao 3 bồn LPG Thị Vải cho GAS. Ngày 14/11 chốt quyền trả cổ tức 2023 bằng tiền 7%, thanh toán 17/12/24. Các quỹ thuộc Vinacapital đã mua thêm tổng cộng 700.000 cổ phiếu từ 7/11 – 6/12. Quỹ Vietnam Investment Property Holding của Vinacapital đăng ký bán 8tr cổ phiếu từ 3/12-31/12/24.
- Dự án Lô B Ô Môn: Liên doanh PVS-McDermott đã ký hợp đồng gói thầu EPCI#1 (giá trị phần của PVS là 492,7 triệu USD). PVS đã nhận được Thư thỏa thuận giới hạn (LLOA) của gói thầu EPCI#2 (giá trị 300 triệu USD), trúng thầu Thiết kế dự án Đường ống (6.243 tỷ đồng) và đang tham gia đấu thầu các hợp đồng khác. Ban lãnh đạo PVS kỳ vọng dự án Lô B sẽ sớm nhận được Quyết định đầu tư cuối cùng (FID). Ngày 24/9, HĐQT chấp thuận Hợp đồng EPCI#1 giữa PVS và Công ty TNHH 1TV Dịch vụ cơ khí hàng hải PTSC (PVS nắm giữ 100% vốn).
- Dự án xuất khẩu 1,3Gw điện gió ngoài khơi sang Singapore: PVS đã được trao giấy phép khảo sát tại khu vực biển Bà Rịa - Vũng Tàu và Singapore đã trao Giấy phép nhập khẩu điện có điều kiện (CA) cho Liên doanh Sembcorp Utilities – PVS. Dự kiến sẽ bắt đầu bán điện sớm nhất vào năm 2033. Ngày 28/8 trao thầu gói thầu thủy văn, đo gió và địa chất của dự án.

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

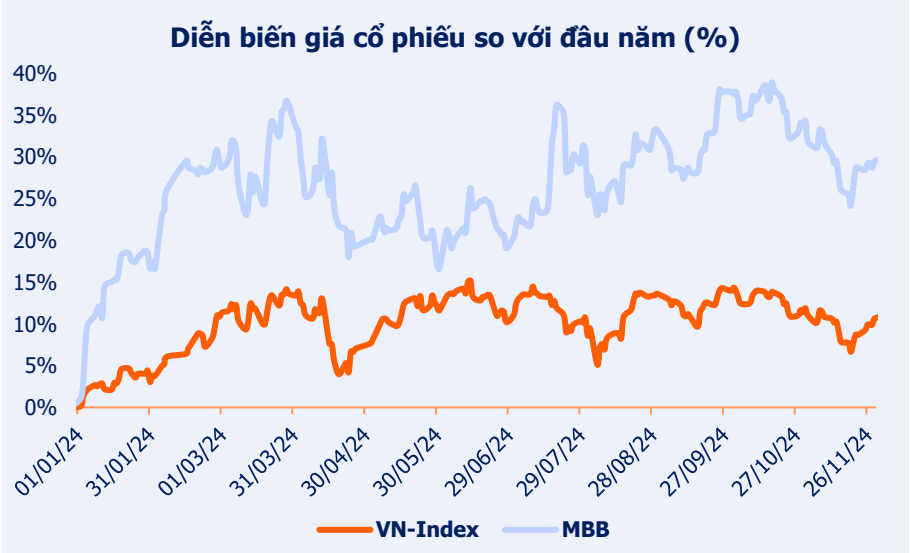


Ngân hàng TMCP Quân Đội (HOSE – MBB)

(Quay về danh mục tổng hợp)

Giá hiện tại	24.150
Giá mục tiêu PTKT	29.500-30.500
Giá cao nhất tháng 11	24.850
Vốn hóa (tỷ VND)	128.148
EPS ttm	4.060
BV	20.011
PE trailing	5,95
PB trailing	1,21

(tỷ đồng)	Q4/2023	Q1/2024	Q2/2024	Q3/2024	KH2024
Tổng thu nhập hoạt động	11.750,36	12.016,70	14.129,25	12.703,77	-
% yoy	-0,01%	0,73%	22,22%	5,29%	-
Lãi sau thuế	5.045,09	4.624,22	6.101,98	5.843,44	-
% yoy	40,14%	-11,17%	22,47%	0,39%	+6%-8%*
Tiền gửi khách hàng	567.532,58	558.826,06	618.617,64	627.567,35	
Cho vay khách hàng	611.048,83	615.316,72	673.799,06	702.019,55	
Nợ xấu(%)	1,60	2,49	1,64	2,23	≤2,0
ROE (%)	24,51	22,43	22,56	21,55	
NIM(%)	4,79	4,47	4,35	4,16	
Biên lãi ròng (%)	42,94	38,48	43,19	46,00	



- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất Q3.2024 đạt 7.308 tỷ đồng (-4,26% QoQ, +0,33% YoY), 9 tháng đạt 20.736 tỷ đồng (+3,6% YoY), hoàn thành 73%-74% kế hoạch năm, trong đó Ngân hàng mẹ đóng góp 96,6% lợi nhuận. Dự báo tổng thu nhập hoạt động và LNST của MBB trong năm 2024 lần lượt đạt 50.800 tỷ đồng (+7,4% YoY) và 21.600 tỷ đồng (+4,6% YoY).
- Tăng trưởng tín dụng hợp nhất 9T2024 đạt 13,4% YTD trong đó tăng trưởng cho vay khách hàng đạt 14,9% YTD (ngân hàng mẹ tăng trưởng 15%), trái phiếu doanh nghiệp -9,8% YTD. Dư nợ trái phiếu doanh nghiệp hợp nhất là 34.958 tỷ đồng, chiếm 4,74% tổng dư nợ.
- Tỷ lệ nợ xấu hợp nhất của MBB tăng mạnh trong Q3.2024 lên 2,23% (+60 điểm cơ bản QoQ; +35 điểm cơ bản YoY) do khoản vay của doanh nghiệp bất động sản lớn trở thành nợ xấu, MBB chịu liên đới theo CIC. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu của MBB giảm xuống mức thấp nhất trong 5 năm, còn 69% từ mức 101% thời điểm cuối Q2. Tỷ lệ nợ xấu của Ngân hàng dự kiến sẽ giảm trong Q4 do sử dụng trích lập dự phòng xóa nợ xấu. Rủi ro liên quan đến nợ tái cơ cấu theo Thông tư 02 của MBB được đánh giá ở mức thấp, chiếm 0,59% tổng tín dụng tại thời điểm cuối Q2.2024, lãi dự thu chiếm tỷ trọng rất nhỏ, MBB đã phân loại, trích lập dự phòng đầy đủ theo yêu cầu của NHNN.
- Hiện MBB đang được giao dịch tại mức PB 1,25x, thấp hơn so với PB trung bình ngành 1,35x và thấp hơn 10% so với PB trung bình của MBB giai đoạn 2019-2024. Ngày 17/10/2024, MBB đã chính thức nhận chuyển giao OceanBank, Việc nhận chuyển giao ngân hàng OceanBank giúp MBB có điều kiện mở rộng quy mô kinh doanh, cơ sở khách hàng, mạng lưới và được giao hạn mức tăng trưởng tín dụng cao hơn so với trung bình ngành.

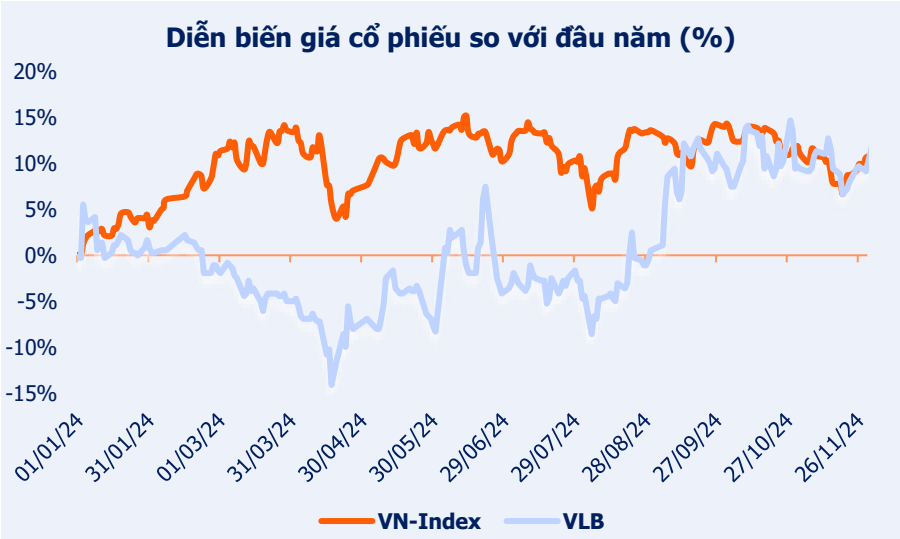
DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024



CTCP XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VLXD BIÊN HOÀ (UPCOM – VLB)

(Quay về danh mục tổng hợp)

Giá hiện tại	39.400	(tỷ đồng)	Q4/2023	Q1/2024	Q2/2024	Q3/2024	KH2024
Giá mục tiêu PTKT	42.000-44.000	Doanh thu	291,24	290,47	339,09	315,20	878
Giá cao nhất tháng 11	40.700	% yoy	-17,88%	16,84%	38,74%	43,96%	-13%
Vốn hóa (tỷ VND)	1.841	Lãi sau thuế	56,30	51,65	53,04	50,65	130*
EPS ttm	2.666	% yoy	-49,04%	43,64%	74,91%	147,62%	-25%
BV	13.000	Tổng tài sản	824,10	838,96	855,09	931,05	
PE trailing	14,78	Vốn chủ sở hữu	607,36	659,02	659,02	670,01	
PB trailing	3,03	ROA(%)	18,52	20,09	22,12	24,54	
		ROE (%)	25,07	25,63	28,44	31,86	
		Biên lãi gộp (%)	24,10	28,73	28,20	25,22	
		Biên lãi ròng (%)	19,33	17,78	15,64	16,07	



- VLB là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực khai thác đá, có trữ lượng lớn, vị trí tốt. VLB đang sở hữu 5 mỏ đá (Thanh Phú 1, Thiện Tân 2, Tân Cang 1, Soklu 2, Soklu 5) với tổng trữ lượng đá còn lại tính đến cuối năm 2023 là khoảng 90 triệu m³, tổng công suất khai thác được cấp phép là 5,7 triệu m³/năm. Địa bàn kinh doanh chủ yếu của VLB ở tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, TP. HCM và khu vực Tây Nam Bộ. VLB duy trì tình hình tài chính an toàn, tỉ lệ cổ tức ổn định ở mức cao.
- Quý III đạt 315 tỷ đồng doanh thu (-7% QoQ, +43,9% YoY), biên lãi gộp giảm từ 28% quý II xuống 25,2%, lợi nhuận sau thuế đạt 50,65 tỷ đồng (-4,5% QoQ, +147,6% YoY). Lũy kế 09 tháng 2024, VLB doanh thu đạt 944,7 tỷ đồng (+32,7% YoY), LNST đạt 155,3 tỷ đồng (+79% YoY), hoàn thành 113,3% kế hoạch doanh thu và 151,4% kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2024.
- Ngày 27/5/24, trả cổ tức đợt 2/23 bằng tiền tỷ lệ 9%. Công ty TNHH Đầu tư KSB đã mua 5.800.000 cổ phiếu, nâng tỷ lệ sở hữu lên 22,05% ngày 21/6/24. Cổ đông lớn DHA đã mua thêm 682.700 cổ phiếu, nâng sở hữu lên 8,05% ngày 05/11/24.
- Câu chuyện đầu tư. Doanh nghiệp đầu ngành khai thác đá, tình hình tài chính lành mạnh, tỉ lệ cổ tức cao. Triển vọng nhờ nhu cầu tiêu thụ đá xây dựng lớn từ các dự án đầu tư công trọng điểm tại khu vực miền Nam: Dự án cao tốc Bắc Nam giai đoạn 2, sân bay quốc tế Long Thành, Vành đai 3 TP. Hồ Chí Minh, Vành đai 4, 3 cao tốc phía Nam. VLB có lợi thế cạnh tranh khi sở hữu các mỏ đá với trữ lượng lớn và vị trí thuận lợi: Các mỏ đá của VLB như Mỏ Tân Cang 1, Thanh Phú 1 và Thiện Tân 2 đều nằm tại Đồng Nai, có thời gian khai thác dài, công suất khai thác lớn.



TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Website: www.shs.com.vn

Giám đốc: Nguyễn Minh Hạnh
Hanh.nm@shs.com.vn

Phó phòng: Ngô Thế Hiến
Hien.nth@shs.com.vn

Phó phòng: Nguyễn Thanh Hoa
Hoa.nt@shs.com.vn

Phó phòng: Phạm Hồng Sơn
Son.ph@shs.com.vn

Trưởng nhóm: Phan Tấn Nhật
Nhat.pt@shs.com.vn

Trưởng nhóm: Đoàn Thị Ánh Nguyệt
Nguyet.dta@shs.com.vn

Chuyên viên: Vũ Tuấn Duy
Duy.vt@shs.com.vn

Chuyên viên: Trần Hồng Mây
May.th@shs.com.vn

Chuyên viên: Lê Thu Huyền
Huyen.lt@shs.com.vn

Chuyên viên: Vũ Nhật Anh
Anh.vn@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo. SHS không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi Bloomberg, FiinGroup và Fialda.

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Trung tâm Phân tích
Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội
Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Q. Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh
Tầng 3, Cao Ốc Sài Gòn
Metropolitan
Số 235 Đồng Khởi, P. Bến Nghé,
Q1, Thành phố Hồ Chí Minh
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng
Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn

Website: www.shs.com.vn